

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ &
SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG
PETRO CENTER CORPORATION

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

Đà Nẵng, ngày 17 tháng 04 năm 2026
Danang, 17th April, 2026

Số/ No : 01/04/2026/CBTT - BT

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
DISCLOSURE OF EXTRAORDINARY INFORMATION

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
To: - State Securities Commission
- The Ho Chi Minh City Stock Exchange.

1. Tên tổ chức/ Company name: Công ty Cổ phần đầu tư và sản xuất Petro Miền Trung/ Petro Center Corporation

- Mã chứng khoán/ Stock code: PMG

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô 04, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, Phường Điện Bàn Đông, Thành Phố Đà Nẵng
Head office address: Lot 4 Dien Nam - Dien Ngoc Industrial Park, Dien Ban Dong Ward, Danang city

- Điện thoại/ Tel: 0235. 3947 233 Fax :

- E-mail: info@petrocenter.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố : Công ty cổ phần đầu tư và sản xuất Petro Miền Trung công bố bổ sung Báo cáo thường niên năm 2025 do trong quá trình làm dung lượng file lớn nên đính kèm thiếu 9 trang báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 từ trang 38 đến trang 46.

Disclosed Information: Petro Central Vietnam Investment and Production Joint Stock Company announces the supplement to its 2025 Annual Report because, due to the large file size during the process, 9 pages of the consolidated financial report for 2025, from page 38 to page 46, are missing from the attached document.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 17/04/2026 tại đường dẫn : <http://petrocenter.com.vn>

This information was disclosed on the Company's website on 17th April ,2026 at the following link:
<http://petrocenter.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information disclosed above is true and undertake full responsibility before the law for the contents of the disclosed information.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT/
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
LEGAL REPRESENTATIVE
AUTHORIZED DISCLOSURE REPRESENTATIVE

TỔNG GIÁM ĐỐC
GENERAL DIRECTOR



NGUYỄN VĂN TRUNG

GAS MIỀN TRUNG  SINH RA ĐỂ PHỤC VỤ



PETROMIENTRUNG

Công ty cổ phần đầu tư & Sản xuất

PETRO MIỀN TRUNG

 **PMG** 

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2025

Công ty cổ phần đầu tư & Sản xuất
PETRO MIỀN TRUNG

[📍] Địa chỉ: Lô 4 KCN Điện Nam – Điện Ngọc, Phường Điện Bàn Đông, Thành phố Đà Nẵng

[☎] Điện thoại: +84-235.394.7233

[🌐] Website: www.petrocenter.com.vn



MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG

Giới thiệu chung	4
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	6
Tầm nhìn – Sứ mệnh – Giá trị cốt lõi	8
Quá trình hình thành và phát triển	10
Thông điệp của Chủ tịch HĐQT	12

II. QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

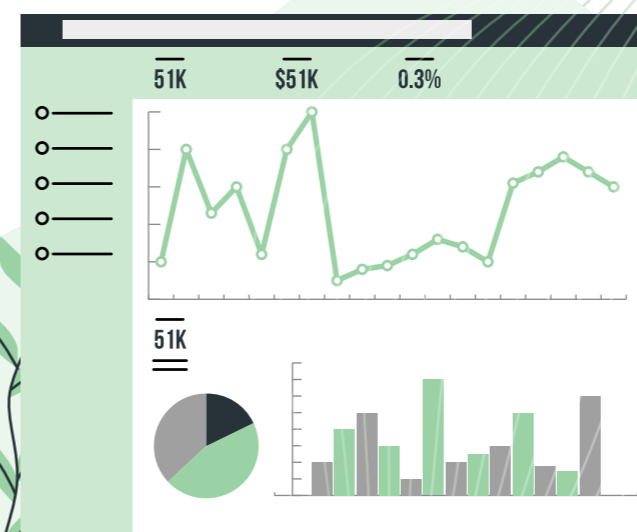
Chỉ số phát triển bền vững 2025	14
Cơ cấu quản trị	16
Các công ty con và đơn vị trực thuộc	18
Hệ thống cầu cảng	22
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	24
Hoạt động quan hệ nhà đầu tư	26
Giới thiệu HĐQT, BKS và Ban điều hành	28
Triển vọng kinh tế và thị trường dầu khí	36
Chiến lược kinh doanh giai đoạn đến 2026	40
Gắn kết các bên liên quan trong chiến lược hoạt động	42
Quản trị rủi ro	46
Nguồn nhân lực	54

III. BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

Báo cáo của Hội Đồng Quản trị	56
Báo cáo và đánh giá của Ban Kiểm soát	59
Báo cáo và đánh giá của Ban TGD	60

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất	66
--	----



GIỚI THIỆU CHUNG

- Tên giao dịch : **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT
PETRO MIỀN TRUNG**
- Tên tiếng Anh : **PETRO CENTER CORPORATION**
- Tên viết tắt : **PETRO MIEN TRUNG CO., JSC**
- Mã cổ phiếu : **PMG**
- Sàn niêm yết : **Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh
(HOSE)**
- Logo :
- 
- PETROMIENTRUNG**
- Slogan : **Gas Miền Trung – Ra đời để phục vụ**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4000462724 do Sở Kế hoạch và đầu tư cấp lần đầu ngày 09/05/2007 thay đổi lần thứ 23 ngày 30/09/2025

Vốn điều lệ : **463.362.780.000 đồng**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu : **691.042.675.712 đồng
(theo BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2025)**

Địa chỉ : **Lô 4 KCN Điện Nam – Điện Ngọc,
Phường Điện Bàn Đông, Thành phố Đà Nẵng**

Số điện thoại : **+84-235.394.7233**

Website : **www.petrocenter.com.vn**

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh của PETRO MIỀN TRUNG theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH



BÁN BUÔN NHIÊN LIỆU RẮN, LỎNG, KHÍ VÀ CÁC SẢN PHẨM LIÊN QUAN



ĐẠI LÝ, MÔI GIỚI, ĐẦU GIÁ HÀNG HOÁ



SẢN XUẤT THÙNG, BỂ CHỨA VÀ DỤNG CỤ CHỨA ĐỰNG BẰNG KIM LOẠI



CHỨNG, TINH CẤT VÀ PHA CHẾ CÁC LOẠI RƯỢU MẠNH



NHÀ HÀNG VÀ CÁC DỊCH VỤ ĂN UỐNG PHỤC VỤ LƯU ĐỘNG



SẢN XUẤT ĐỒ UỐNG KHÔNG CỒN, NƯỚC KHOÁNG



SẢN XUẤT SẢN PHẨM TỪ PLASTIC



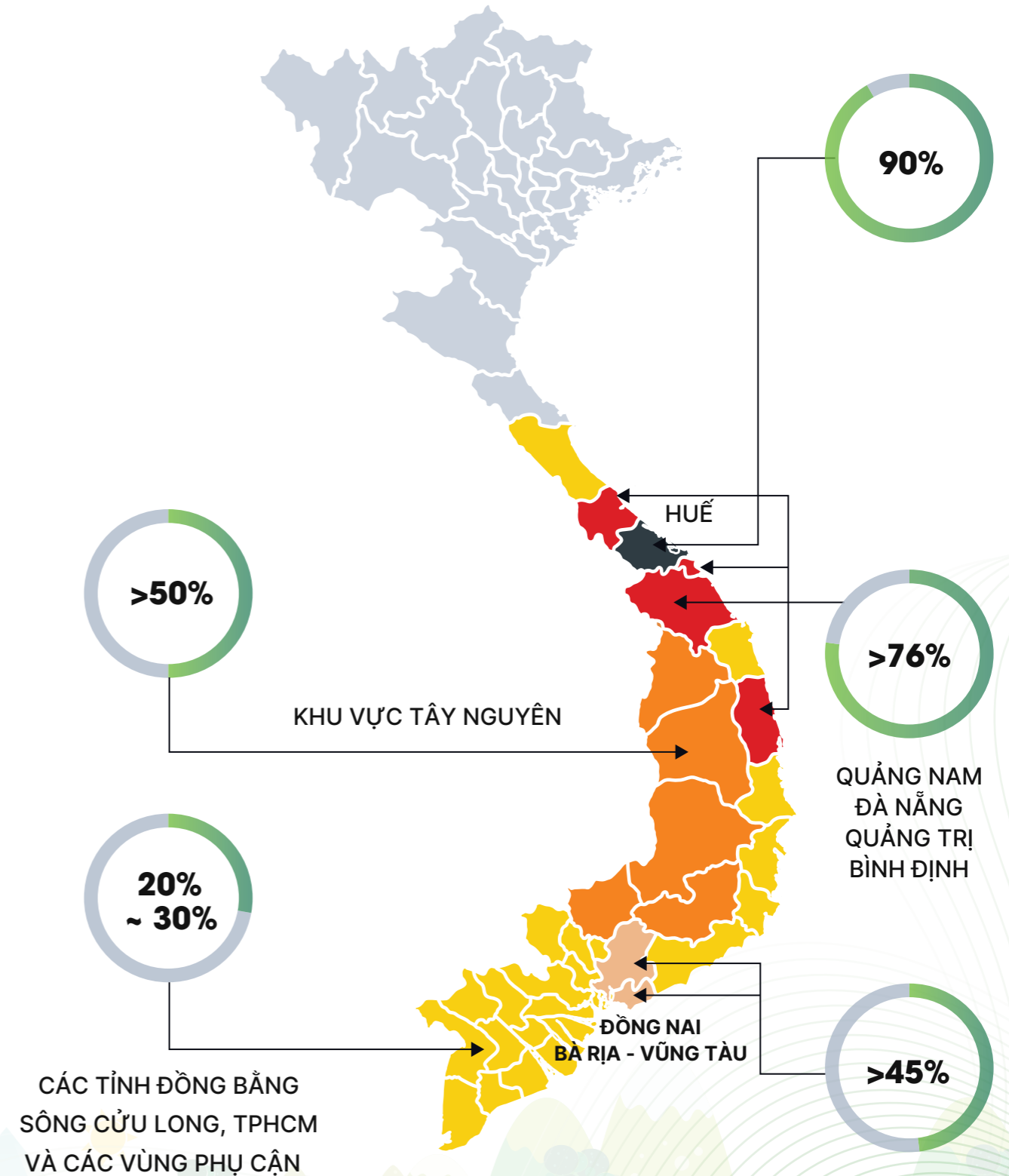
SẢN XUẤT MỸ PHẨM, XÀ PHÒNG, CHẤT TẨY RỬA, LÀM BÓNG VÀ CHẾ PHẨM VỆ SINH



BÁN BUÔN ĐỒ UỐNG

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Bản đồ khu vực kinh doanh của PETRO MIỀN TRUNG



TẦM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LỖI



TẦM NHÌN

“ Trở thành doanh nghiệp kinh doanh khí hóa lỏng (LPG) dẫn đầu tại thị trường Việt Nam và khu vực Đông Nam Á ”



SỨ MỆNH

Trở thành nhà cung cấp khí hóa lỏng được lựa chọn và đáng tin cậy nhất của khách hàng nhờ khả năng cung cấp đầy đủ và liên tục các sản phẩm - dịch vụ có chất lượng và giá thành tốt nhất dựa trên cơ sở luôn coi khách hàng làm trọng tâm.

Tạo dựng cho cán bộ nhân viên một môi trường làm việc tốt nhất với nhiều cơ hội để phát triển năng lực, đóng góp giá trị và tạo dựng sự nghiệp thành đạt. Đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam.



GIÁ TRỊ CỐT LỖI



Khách hàng là trọng tâm trong mọi suy nghĩ và hành động



Sản phẩm dịch vụ tốt nhất, giá thành cạnh tranh nhất



Hệ thống dây chuyền công nghệ vận hành an toàn và hiện đại hàng đầu khu vực

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2019

Doanh thu của Công ty vượt mốc 1.200 tỷ đồng. Đưa vào khai thác và vận hành cầu cảng gắn liền tổng kho tồn trữ tại cảng Chu Lai.

2020

Năm 2020: Trở thành đối tác với TOKAI CORPORATION, Nhật Bản để phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi.

2021

Tập đoàn năng lượng hàng đầu Nhật Bản - Lemon Gas Co., Ltd chính thức trở thành cổ đông chiến lược của PMG. Với tiềm lực tài chính vững mạnh, công nghệ tiên tiến và kinh nghiệm trong quản lý vận hành của cổ đông chiến lược, Công ty hướng đến sự phát triển mạnh mẽ và bền vững trong dài hạn.

2024

Công ty đã nỗ lực vượt qua khó khăn, khắc phục tình trạng cổ phiếu bị kiểm soát và chính thức ghi nhận lãi sau ba năm khó khăn do ảnh hưởng từ những biến động của tình hình vĩ mô.

2025

Thay đổi và đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh nhằm thích ứng linh hoạt với những biến động của thị trường, qua đó tận dụng cơ hội tăng trưởng và giảm thiểu rủi ro trong bối cảnh kinh tế thay đổi.

2007

Ngày 09/05/2007 Thành lập CTCP đầu tư và sản xuất Petro Miền Trung

2014

Tháng 10/2014 Đầu tư góp vốn vào Công ty cổ phần dầu khí V-Gas tại Đồng Nai từng bước khẳng định thương hiệu.

2016

Phát triển thương hiệu PM Gas, Picnic Gas, V-gas và tiến hành đầu tư vỏ bình thương hiệu Pmgas với số lượng 1.200.000 vỏ. Mở rộng thị trường ra khắp khu vực miền Trung, Tây Nguyên và miền Nam.

2017

Trở thành Công ty đại chúng theo giấy chứng nhận số 8446/UB CK-GSDC ngày 19/12/2017 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

2018

Ngày 25/01/2018 chính thức giao dịch trên sàn HOSE với mã chứng khoán: PMG. Đánh dấu bước chuyển mình quan trọng, khẳng định tên tuổi và vị thế của Petro Miền Trung trên toàn quốc và trong khu vực.

THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

Kính thưa Quý Cổ đông, Quý khách hàng, đối tác và toàn thể cán bộ nhân viên,

Năm 2025, kinh tế thế giới ghi nhận những tín hiệu phục hồi khi áp lực lạm phát dần hạ nhiệt và chính sách tiền tệ được điều hành theo hướng linh hoạt hơn. Tuy nhiên, nhóm ngành khai thác, sản xuất, bán buôn nhiên liệu vẫn đối mặt với nhiều thách thức do biến động giá năng lượng toàn cầu, căng thẳng địa chính trị ảnh hưởng đến nguồn cung, cùng với những gián đoạn trong chuỗi cung ứng. Bên cạnh đó, nhu cầu tiêu thụ tại một số thị trường có xu hướng chững lại, trong khi chi phí đầu vào và chi phí vận hành duy trì ở mức cao, tạo áp lực đáng kể lên hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp trong ngành.

Trong bối cảnh đó, Hội đồng Quản trị đã chủ động đánh giá toàn diện môi trường vĩ mô, nhận diện kịp thời các rủi ro và cơ hội, từ đó đưa ra các định hướng điều hành phù hợp. Công ty tập trung phát huy hiệu quả các nguồn lực hiện có, đồng thời linh hoạt điều chỉnh chiến lược kinh doanh theo diễn biến của giá dầu và xu hướng kinh tế trong nước cũng như quốc tế. Việc duy trì ổn định thị phần, củng cố quan hệ khách hàng hiện hữu và mở rộng tệp khách hàng mới được triển khai trên cơ sở phù hợp với năng lực nội tại và định hướng phát triển bền vững.

Hành trình phát triển của PMG luôn gắn liền với những thử thách và biến động của ngành. Tuy nhiên, với sự đồng lòng của tập thể, tầm nhìn chiến lược của Ban Lãnh đạo và tinh thần nỗ lực không ngừng của từng cán bộ nhân viên, Công ty đã từng bước vượt qua khó khăn, khẳng định vị thế trên thị trường dầu khí nội địa. Kể từ khi thành lập, PMG không ngừng đổi mới, nâng cao năng lực quản trị và tối ưu hóa hoạt động, tạo dựng nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững trong dài hạn.

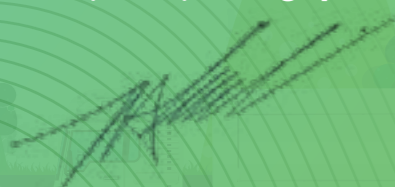
Bước sang năm 2026, mặc dù nền kinh tế toàn cầu được dự báo tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức, PMG vẫn kiên định với các mục tiêu tăng trưởng đã đề ra. Công ty sẽ tiếp tục tập trung nâng cao hiệu quả hoạt động, đồng thời đẩy mạnh phát triển các sản phẩm và dịch vụ mới nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. Song song với đó, PMG cam kết theo đuổi chiến lược phát triển bền vững, chú trọng bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn lao động và thực hiện đầy đủ trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội.

Để hiện thực hóa các mục tiêu này, vai trò của mỗi cá nhân trong tổ chức là hết sức quan trọng. Tôi tin tưởng rằng, với tinh thần đoàn kết, đổi mới và trách nhiệm, tập thể PMG sẽ tiếp tục tạo dựng những giá trị bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển thương hiệu ngày càng vững mạnh. PMG sẽ tiếp tục phát huy các lợi thế sẵn có, kiên định với chiến lược phát triển hiệu quả và bền vững, đồng thời chủ động quản trị rủi ro và tuân thủ các tiêu chuẩn an toàn cao nhất. Dù các biến động của thị trường có thể còn kéo dài, chúng tôi tin tưởng vào khả năng thích ứng và tiềm năng phát triển của Công ty trong giai đoạn tới.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi xin trân trọng cảm ơn sự tin tưởng và đồng hành của Quý cổ đông, Quý khách hàng và đối tác. Đặc biệt, tôi xin ghi nhận và tri ân những đóng góp của toàn thể cán bộ công nhân viên – những người đã và đang góp phần quan trọng vào sự phát triển bền vững của PMG trong suốt thời gian qua.

Trân trọng!

Chủ tịch Hội đồng quản trị



NGUYỄN TIẾN LÃNG

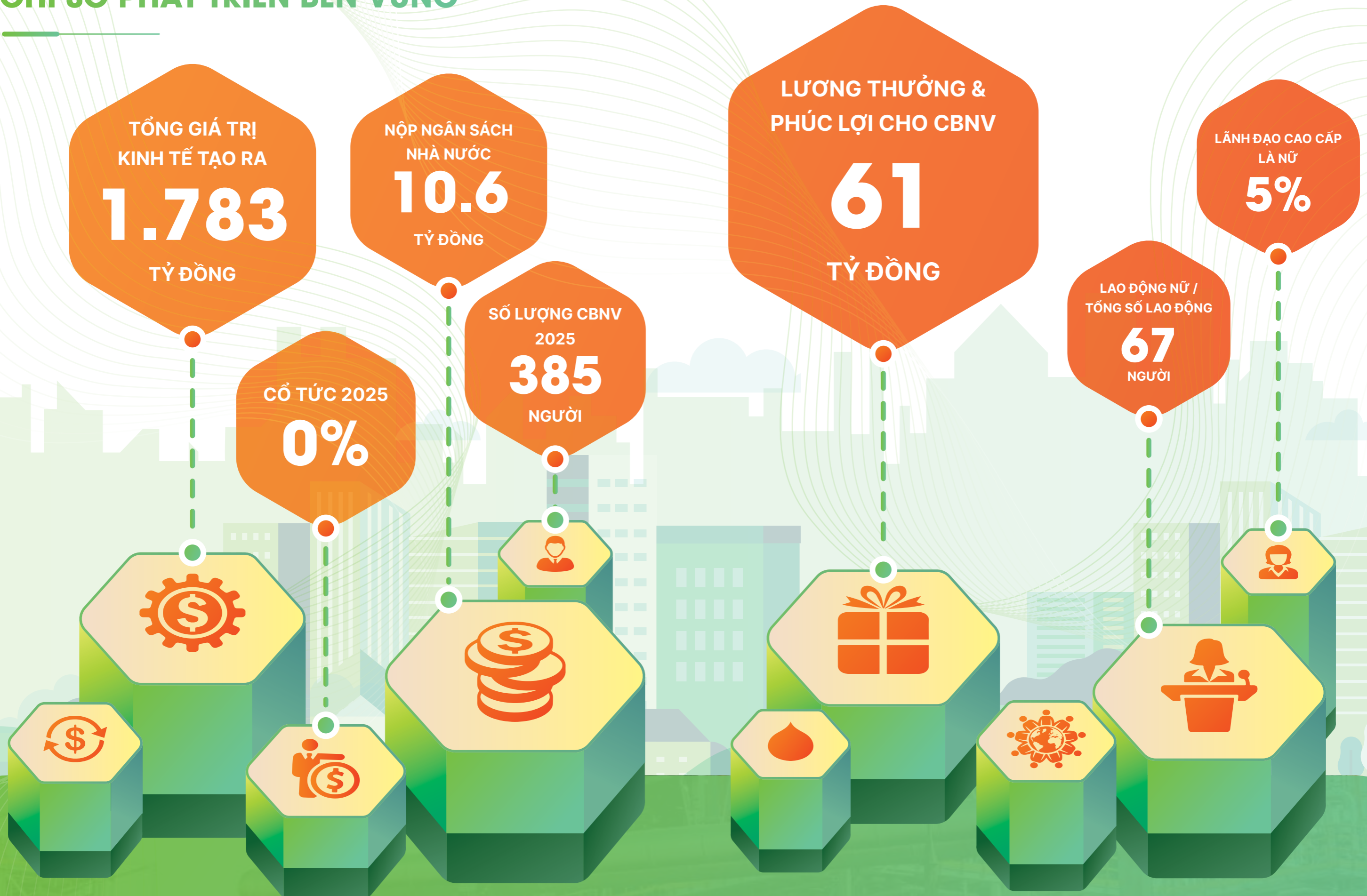


“

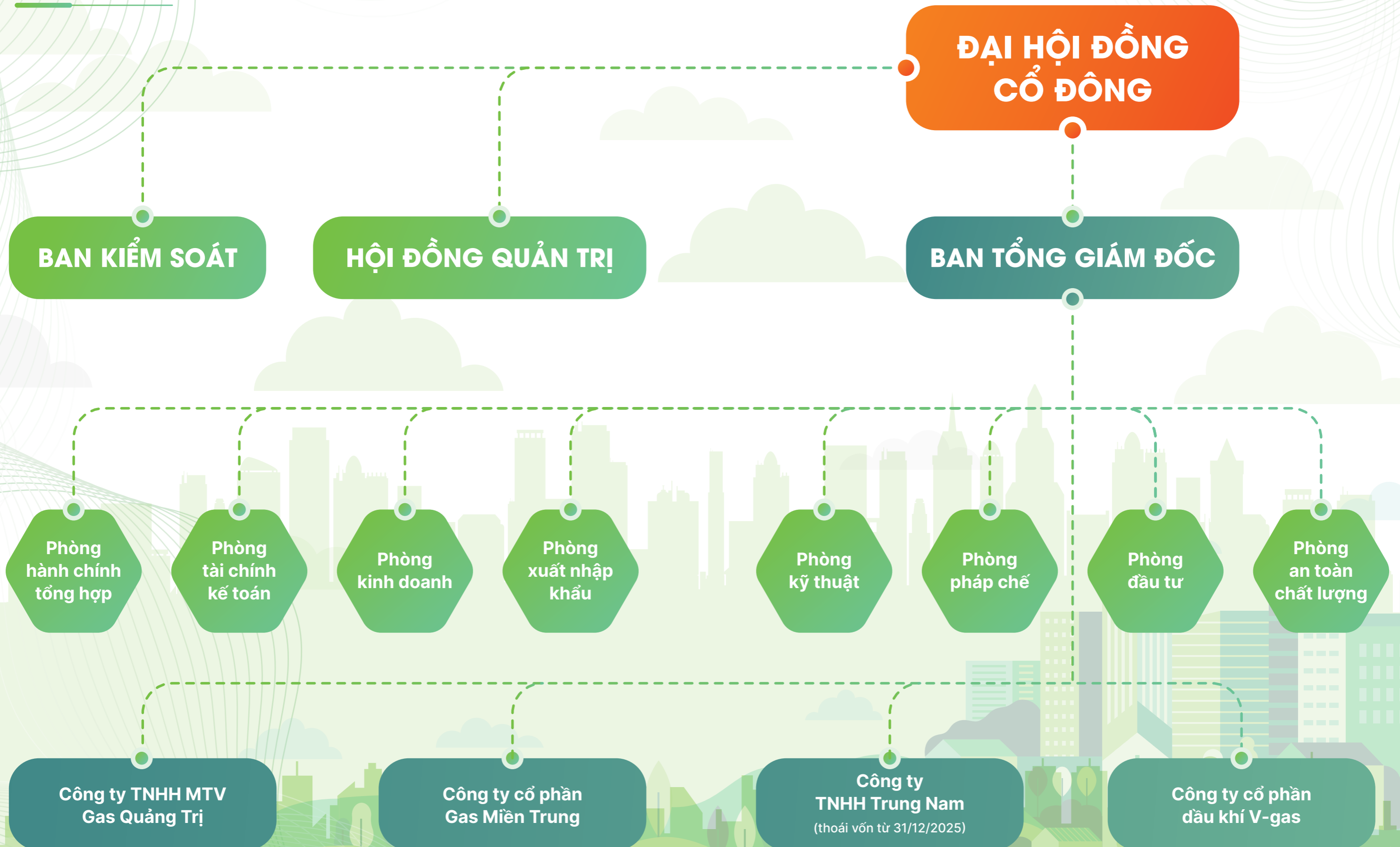
BAN LÃNH ĐẠO PETRO MIỀN TRUNG TIẾP TỤC DUY TRÌ SỰ BỀN BỈ VÀ KIÊN TRÌ ĐƯƠNG ĐẦU VỚI KHÓ KHĂN ĐẾN TỪ MÔI TRƯỜNG BÊN NGOÀI ĐỂ TẠO HIỆU ỨNG ĐỘT PHÁ TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY TRONG CÁC NĂM TỚI

”

CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



CƠ CẤU QUẢN TRỊ



CÁC CÔNG TY CON VÀ ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

CÁC CÔNG TY CON



Công ty CP Dầu khí V-Gas

Địa chỉ

Số 1A/8, Đường Châu Văn Long, Khu phố Long Điền, Phường Long Hưng, Tỉnh Đồng Nai

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số

3603202837

Vốn điều lệ

225 tỷ đồng

Tỷ lệ sở hữu vốn

51%

Ngành nghề kinh doanh chính

Kinh doanh khí hóa lỏng



Công ty CP Gas Miền Trung

Địa chỉ

Lô 6 KCN Điện Nam - Điện Ngọc, Phường Điện Bàn Đông, TP Đà Nẵng

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số

4000354775

Vốn điều lệ

327 tỷ đồng

Tỷ lệ sở hữu vốn

51%

Ngành nghề kinh doanh chính

Kinh doanh khí hóa lỏng



Công ty TNHH Trung Nam

(hoàn tất thoái vốn kể từ ngày 31/12/2025)

Địa chỉ

8G Khu Phố II, Phường Tân Thới Hiệp, TP Hồ Chí Minh

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số

0302137561

Vốn điều lệ

15 tỷ đồng (thoái vốn từ 31/12/2025)

Tỷ lệ sở hữu vốn

65%

Ngành nghề kinh doanh chính

Kinh doanh khí hóa lỏng



Công ty TNHH MTV Gas Quảng Trị

Địa chỉ

KCN Nam Đông Hà, Phường Nam Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số

3200711969

Vốn điều lệ

10 tỷ đồng

Tỷ lệ sở hữu vốn

51%

Ngành nghề kinh doanh chính

Kinh doanh khí hóa lỏng

CÁC TỔNG KHO, ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

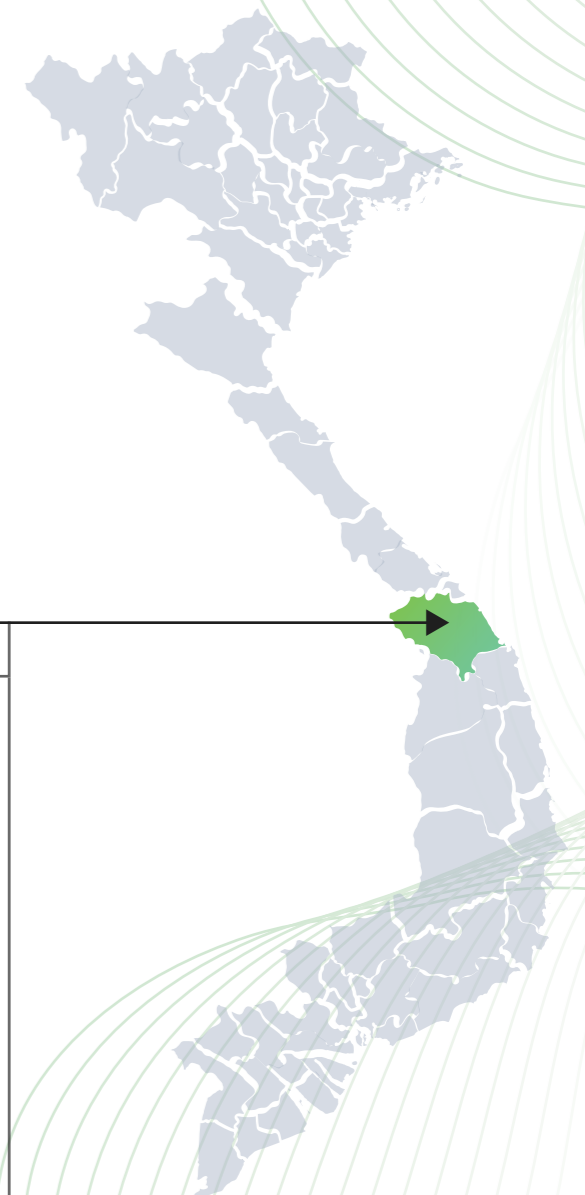
1. TỔNG KHO VÀ NHÀ MÁY CHIẾT NẠP TẠI LÔ 4 KCN ĐIỆN NAM - ĐIỆN NGỌC



2. TỔNG KHO VÀ NHÀ MÁY CHIẾT NẠP TẠI LÔ 6 KCN ĐIỆN NAM - ĐIỆN NGỌC



3. TỔNG KHO TỒN TRỮ, CẢNG XUẤT NHẬP KHẨU GAS CÙNG NHÀ MÁY CHIẾT NẠP TẠI KHU KINH TẾ MỞ CHU LAI



CÁC CÔNG TY CON VÀ ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

4. KHO TỒN TRỮ VÀ NHÀ MÁY CHIẾT NẠP TẠI HUẾ



5. KHO TỒN TRỮ VÀ NHÀ MÁY CHIẾT NẠP TẠI LÂM ĐỒNG



6. KHO TỒN TRỮ VÀ NHÀ MÁY CHIẾT NẠP TẠI BÌNH ĐỊNH



7. CẢNG XUẤT, NHẬP LPG, TỔNG KHO VÀ NHÀ MÁY CHIẾT NẠP TẠI ĐỒNG NAI



8. KHO TỒN TRỮ VÀ NHÀ MÁY CHIẾT NẠP TẠI QUẢNG TRỊ



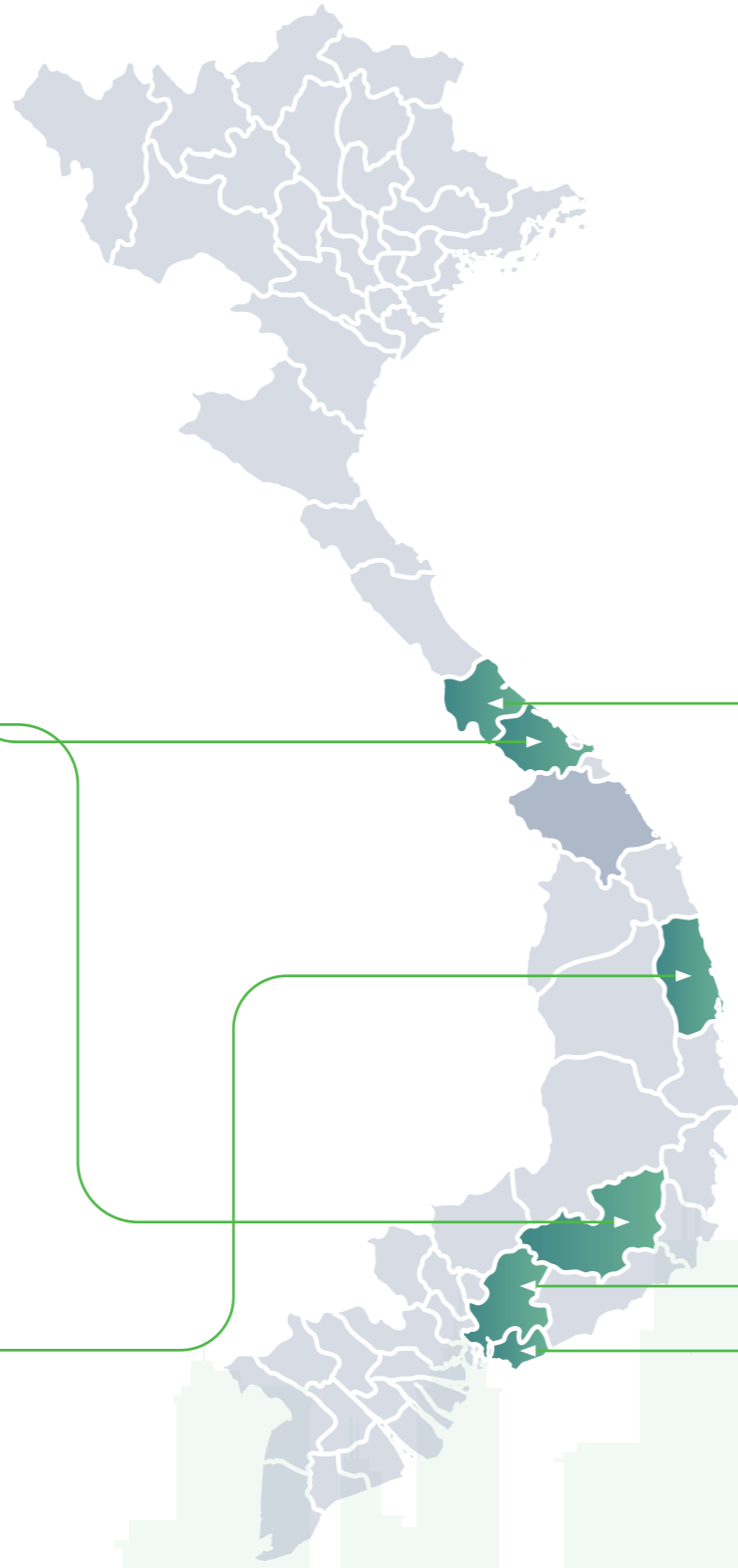
9. KHO TỒN TRỮ VÀ NHÀ MÁY CHIẾT NẠP TẠI VŨNG TÀU



CÁC TỔNG KHO ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC



10. NHÀ MÁY SẢN XUẤT VỎ BÌNH GAS KCN PHÚ MỸ - BÀ RỊA VŨNG TÀU



HỆ THỐNG CẦU CẢNG

Petro Miền Trung đã sở hữu và vận hành **02 cầu cảng lớn** tại **Cảng Chu Lai – Quảng Nam** và **Cảng Biên Hòa – Đồng Nai** gắn liền với các tổng kho có thể đón tàu tải trọng từ **5.000 tấn đến 20.000 tấn**, tạo điều kiện thuận lợi cho việc chuyên chở các tàu vận tải cỡ lớn, góp phần giảm chi phí vận chuyển, hạ giá thành nguyên liệu đầu vào.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

THÔNG TIN CỔ PHẦN

Tổng số lượng cổ phần:	:	46.336.278 cổ phần
Trong đó		
Số lượng cổ phần phổ thông	:	46.336.278 cổ phần
Số lượng cổ phần ưu đãi	:	0 cổ phần

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

THEO DANH SÁCH CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY TẠI NGÀY 23/03/2026 ĐỂ HỢP ĐHCĐ THƯỜNG NIÊN 2026

Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
				Tổ chức	Cá nhân
Cổ đông Nhà nước	0	0	0	0	0
Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI	0	0	0	0	0
Trong nước	0	0	0	0	0
Nước ngoài	0	0	0	0	0
Cổ đông lớn	34.752.544	75,00	3	1	2
Trong nước	25.485.474	55,00	2	0	2
Nước ngoài	9.267.070	20,00	1	1	0
Công đoàn Công ty	0	0	0	0	0
Trong nước	0	0	0	0	0
Nước ngoài	0	0	0	0	0
Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0	0
Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi	0	0	0	0	0
Cổ đông khác	11.583.734	25,00	763	8	755
Trong nước	11.568.708	24,97%	751	2	749
Nước ngoài	15.026	0,03%	12	6	6
TỔNG CỘNG	46.336.278	100,00	766	9	757
Trong nước	37.054.182	79,97%	753	2	751
Nước ngoài	9.282.096	20,03%	13	7	6

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY TẠI NGÀY 23/03/2026

ĐỐI TƯỢNG



- Cổ đông lớn: 75%
- Cổ đông khác: 25%

CỔ ĐÔNG LỚN



- Trong nước: 55%
- Cổ đông khác: 20%

CỔ ĐÔNG KHÁC



- Trong nước: 24,97%
- Cổ đông khác: 0,03%

TỔNG CỘNG



- Trong nước: 79,97%
- Cổ đông khác: 20,03%

CÔNG TY KHÔNG THỰC HIỆN TRẢ CỔ TỨC NĂM 2025

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ:
KHÔNG CÓ

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG LỚN:
KHÔNG CÓ

HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

PMG cam kết duy trì sự minh bạch và công bằng trong việc công bố thông tin, luôn đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác và đúng hạn cho các nhà đầu tư, tuân thủ mọi quy định pháp lý về công bố thông tin. Chúng tôi bảo vệ quyền lợi của cổ đông và nhà đầu tư thông qua việc công khai thông tin kịp thời và rõ ràng, đảm bảo mọi bên liên quan có thể tiếp cận thông tin một cách công bằng. Tất cả thông tin công bố sẽ được cập nhật đầy đủ tại mục Quan hệ Cổ đông trên website chính thức của Công ty.



Nền kinh tế Việt Nam hiện đang thu hút sự quan tâm mạnh mẽ từ các nhà đầu tư trong nước và quốc tế. Vì vậy, công tác Quan hệ Cổ đông (IR) luôn được các doanh nghiệp Việt Nam chú trọng, tạo ra môi trường thuận lợi cho việc trao đổi thông tin minh bạch, công khai và bảo đảm cơ hội đầu tư công bằng cho tất cả các nhà đầu tư.

Nắm bắt xu hướng hiện nay, PMG luôn chú trọng việc cập nhật và tuân thủ các quy định pháp luật mới nhất, đồng thời cải tiến liên tục các quy trình và chính sách để thích ứng với sự thay đổi của thị trường. Công ty cũng đang xây dựng các chiến lược và kế hoạch cho năm 2026, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, tạo ra giá trị bền vững cho cổ đông và tối ưu hóa sự phát triển của Công ty. Những nỗ lực này sẽ giúp PMG củng cố niềm tin của cổ đông, đối tác và nhà đầu tư, xây dựng một tương lai thịnh vượng và vững mạnh.

LƯƠNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BKS, BGD



Công ty áp dụng chế độ lương cho Ban điều hành theo quy định của pháp luật, hài hòa với chính sách lương và quỹ lương hàng năm của Công ty, tương xứng với năng lực và kết quả công việc của từng thành viên. Chế độ thưởng và phúc lợi chung khác theo chính sách nhân viên và Thỏa ước lao động tập thể của Petro Miền Trung. Tiền thưởng Ban điều hành trích từ lợi nhuận sau thuế, áp dụng theo quyết định của ĐHĐCĐ thường niên về Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành.

LƯƠNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BKS, BGD

1.337.600.000

Đồng

GIỚI THIỆU



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH



DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ÔNG NGUYỄN TIẾN LÃNG

Chức vụ: **Chủ tịch HĐQT**

Năm sinh: **1968**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Trình độ chuyên môn:

Đại học chuyên ngành quản trị kinh doanh

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Gas Miền Trung

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:

16.217.932 cổ phần, chiếm **35%** vốn điều lệ

Trong đó

Sở hữu cá nhân:

16.217.932 cổ phần, chiếm **35%** vốn điều lệ

Được ủy quyền đại diện:

0 cổ phần



ÔNG LÊ TẤN CẢN

Chức vụ: **Thành viên độc lập HĐQT**

Năm sinh: **1956**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Trình độ chuyên môn:

Kỹ thuật công nghệ

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:

0 cổ phần, chiếm **0%** vốn điều lệ

Trong đó

Sở hữu cá nhân:

0 cổ phần, chiếm **0%** vốn điều lệ

Được ủy quyền đại diện:

0 cổ phần



BÀ NGUYỄN THỊ BÍCH THÙY

Chức vụ: **Thành viên HĐQT**

Năm sinh: **1977**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Trình độ chuyên môn:

Đại học chuyên ngành du lịch

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Tổng Giám Đốc công ty cổ phần Gas Miền Trung

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:

9.267.542 cổ phần, chiếm **20%** vốn điều lệ

Trong đó

Sở hữu cá nhân:

9.267.542 cổ phần, chiếm **20%** vốn điều lệ

Được ủy quyền đại diện:

0 cổ phần



ÔNG SATO RYOICHI

Chức vụ: **Thành viên HĐQT**

Năm sinh: **1969**

Quốc tịch: **Nhật Bản**

Trình độ chuyên môn:

Đại học chuyên ngành Giáo dục học

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Thành viên Hội đồng quản trị của Lemon Gas Co., Ltd

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:

0 cổ phần, chiếm **0%** vốn điều lệ

Trong đó

Sở hữu cá nhân:

0 cổ phần, chiếm **0%** vốn điều lệ

Được ủy quyền đại diện:

0 cổ phần

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

ÔNG NGUYỄN VĂN TRUNG

Chức vụ: Tổng Giám đốc



Năm sinh: 1970

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Quản lý nguồn nhân lực

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Trong đó

Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần

BÀ VÕ THỊ ÁNH NGUYỆT

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc



Năm sinh: 1981

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Đại học chuyên ngành Quản trị kinh doanh

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 140.415 cổ phần, chiếm 0.3% vốn điều lệ

Trong đó

Sở hữu cá nhân: 140.415 cổ phần, chiếm 0.3% vốn điều lệ

Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần

DANH SÁCH BAN KIỂM SOÁT



BÀ NGUYỄN THỊ HỒNG BÍCH

Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Năm sinh: 1990

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Đại học kế toán

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 168 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Trong đó

Sở hữu cá nhân: 168 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần



BÀ LÊ THỊ HỒNG TRANG

Chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh: 1985

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành kế toán

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 28.083 cổ phần, chiếm 0,06% vốn điều lệ

Trong đó

Sở hữu cá nhân: 28.083 cổ phần, chiếm 0,06% vốn điều lệ

Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần



BÀ TRẦN THỊ QUYÊN

Chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh: 1985

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Trung cấp kế toán

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 28.083 cổ phần, chiếm 0,06% vốn điều lệ

Trong đó

Sở hữu cá nhân: 28.083 cổ phần, chiếm 0,06% vốn điều lệ

Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần

KẾ TOÁN TRƯỞNG



BÀ NGUYỄN THỊ LINH THƯỜNG

Chức vụ: Kế toán trưởng

Năm sinh: 1979

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn:

Đại học chuyên ngành Quản trị kinh doanh

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Không

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:

28.083 cổ phần,
chiếm **0,06%** vốn điều lệ

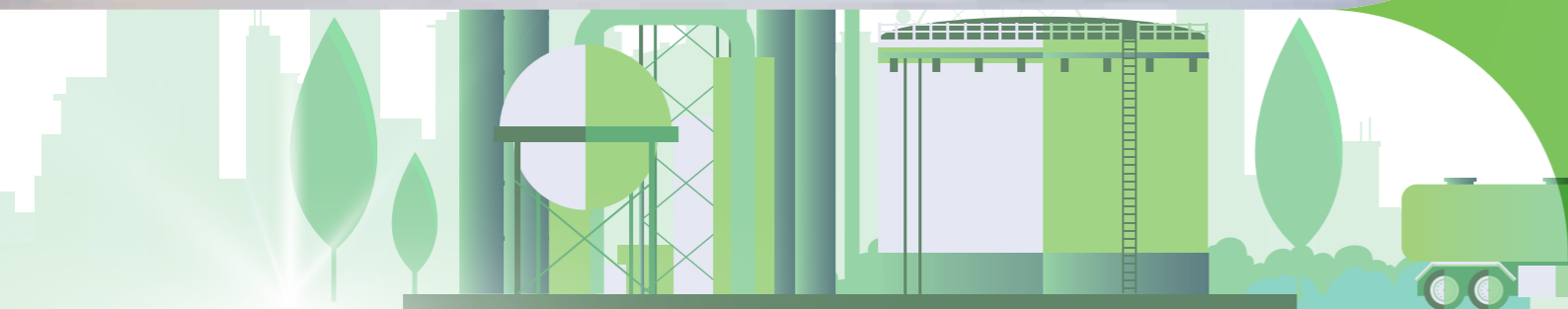
Trong đó

Sở hữu cá nhân:

28.083 cổ phần,
chiếm **0,06%** vốn điều lệ

Được ủy quyền đại diện:

0 cổ phần



TRIỂN VỌNG KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG DẦU KHÍ

KINH TẾ THẾ GIỚI: THÁCH THỨC GIA TĂNG VÀ ĐỘNG LỰC TÁI CẤU TRÚC

Năm 2025, kinh tế thế giới chịu tác động đan xen của nhiều yếu tố kinh tế, chính trị và xã hội. Các căng thẳng thương mại gia tăng đã làm gián đoạn dòng chảy thương mại và đầu tư toàn cầu; quan hệ giữa các cường quốc lớn tiếp tục diễn biến phức tạp; xung đột vũ trang tại một số khu vực như Đông Âu và Trung Đông kéo dài, trong khi rủi ro địa chính trị tại nhiều khu vực khác vẫn hiện hữu. Bên cạnh đó, biến đổi khí hậu và thiên tai ngày càng gia tăng, tạo thêm áp lực lên chuỗi cung ứng và hoạt động sản xuất.

Những yếu tố này đã phần nào làm chậm lại đà phục hồi của kinh tế toàn cầu. Tuy nhiên, sự phát triển mạnh mẽ của khoa học – công nghệ, đặc biệt trong các lĩnh vực số hóa và năng lượng, đang mở ra những cơ hội mới, góp phần định hình lại cấu trúc và động lực tăng trưởng của nền kinh tế thế giới trong giai đoạn tới.

Trong năm qua, nợ toàn cầu tiếp tục phình to và lập kỷ lục mới. Theo số liệu mới nhất của Viện Tài chính quốc tế (IIF) đến hết quý 3/2025, tổng nợ toàn cầu (gồm nợ chính phủ, nợ doanh nghiệp và nợ hộ gia đình) là 345,7 nghìn tỷ USD, tương đương khoảng 310% GDP toàn cầu. Đà tăng chủ yếu đến từ nợ chính phủ tại các nền kinh tế phát triển, trong bối cảnh thâm hụt ngân sách cao và nhu cầu chi tiêu lớn. Trong đó, Mỹ và Trung Quốc là hai nguồn đóng góp lớn vào mức tăng nợ công trong năm.

Theo báo cáo “Triển vọng Kinh tế Thế giới” (WEO) của Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) được xuất bản tháng 7/2025 và tháng 10/2025, tốc độ tăng trưởng GDP toàn cầu ở mức 3,0 – 3,1%, thấp hơn mức 3,2% của năm 2024. Điều này phản ứng tốc độ tăng trưởng GDP toàn cầu có mức chứng nhẹ, phản ánh những áp lực dai dẳng từ nợ cao, lạm phát và gián đoạn thương mại do thương chiến Mỹ – Trung.

Về khu vực Đông Nam Á

Nền kinh tế Đông Nam Á ghi nhận mức tăng trưởng tích cực từ quý II/2025, vượt xa kỳ vọng của các nhà phân tích, nhờ hoạt động kinh doanh được đẩy mạnh trong giai đoạn tạm hoãn thuế quan 90 ngày.

Một trong những điểm nhấn mới của kinh tế Đông Nam Á năm 2025 là sự ra đời của hàng loạt quỹ đầu tư quốc gia do nhà nước sở hữu, như Danantara tại Indonesia hay Quỹ Thịnh vượng Maharlika của Philippines. Các quỹ này phản ánh xu hướng tăng cường can thiệp của nhà nước vào điều phối dòng vốn chiến lược, trong bối cảnh cạnh tranh thu hút đầu tư ngày càng khốc liệt. Dòng vốn chuyển dịch vào trọng tâm, chuyển đổi đầu tư từ các lĩnh vực kinh tế số, ứng dụng tiêu dùng và ngân hàng số - vốn từng “nở rộ” nhưng nhiều thương vụ gặp khó trong thoái vốn sang các lĩnh vực hạ tầng truyền thống như năng lượng, giao thông, trung tâm dữ liệu, nơi nhu cầu vốn đầu tư ổn định và có tài sản bảo đảm rõ ràng hơn.

Tác động lớn nhất đối với khu vực trong năm 2025, cũng là câu chuyện có ảnh hưởng toàn cầu, là chính sách thuế quan của Mỹ dưới thời Tổng thống Donald Trump. Một số quốc gia như Indonesia và Philippines đã nhanh chóng tiến hành các thỏa thuận song phương nhằm tránh các mức thuế cao, trong bối cảnh chính sách thương mại Mỹ thiếu tính dự đoán và có thể thay đổi nhanh. Trong khi đó, các nền kinh tế phụ thuộc thương mại nhiều hơn giữ thái độ thận trọng hơn trong đàm phán.

Từ diễn biến năm 2025, có thể nhận thấy tín hiệu rõ ràng: Môi trường thương mại - đầu tư toàn cầu đang chuyển dịch sang trạng thái giao dịch hóa, thực dụng và tiềm ẩn nhiều rủi ro hơn. Điều này thúc đẩy các quốc gia Đông Nam Á gia tăng điều chỉnh để thích ứng với một nước Mỹ khó dự đoán, đồng thời cân bằng giữa thu hút vốn tư nhân và mở rộng vốn nhà nước trong các lĩnh vực chiến lược.



KINH TẾ VIỆT NAM: VIỆT NAM CÓ MỨC TĂNG TRƯỞNG CAO NHẤT KHU VỰC ĐÔNG NAM Á

Về tăng trưởng GDP

Trong khi các tổ chức quốc tế như IMF và OECD dự báo tăng trưởng toàn cầu chỉ ở mức 3,1% - 3,2%, Việt Nam được đánh giá là quốc gia có mức tăng trưởng cao nhất khu vực Đông Nam Á. Cụ thể, GDP năm 2025 của nước ta tăng 8,02%, chỉ thấp hơn mức tăng kỷ lục của năm 2022 trong cả giai đoạn 2011-2025. Riêng quý IV-2025 ước tăng 8,46% so với cùng kỳ năm trước, đạt mức tăng cao nhất của quý IV trong vòng 15 năm qua. ổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 930,05 tỉ USD, tăng 18,2% so với năm trước. Trong đó, xuất khẩu tăng 17%; nhập khẩu tăng 19,4%. Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 20,03 tỉ USD.

Ngoài ra, tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 31-12-2025 đạt 38,42 tỉ USD. Trong đó, vốn thực hiện năm 2025 ước đạt 27,62 tỉ USD, tăng 9%; và đây là số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện cao nhất trong 5 năm qua.



Về lạm phát

Theo Cục Thống kê, so với năm 2024, CPI (chỉ số giá tiêu dùng) bình quân năm 2025 tăng 3,31%, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra. Trong năm 2025, chỉ số giá nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng, nhóm điện sinh hoạt, nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng là nguyên nhân khiến CPI tăng.

Ngoài các yếu tố khiến CPI tăng nêu trên, CPI còn được kiềm chế tăng nhờ hai nhóm hàng có chỉ số giá giảm là nhóm giao thông và nhóm thông tin và truyền thông.

Bình quân năm 2025, lạm phát cơ bản tăng 3,21% so với năm trước, thấp hơn mức tăng 3,31% của CPI bình quân chung. Nguyên nhân chủ yếu do giá lương thực, thực phẩm, điện sinh hoạt, giá dịch vụ y tế, dịch vụ giáo dục là yếu tố tác động làm tăng CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản.

Tình hình sản xuất của doanh nghiệp

Về tình hình hoạt động của doanh nghiệp, năm 2025, cả nước có gần 297,5 ngàn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới và quay trở lại hoạt động; tăng 27,4% so với năm trước. Bình quân một tháng có 24,8 ngàn doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động.

Tổng số vốn đăng ký bổ sung vào nền kinh tế trong năm 2025 là gần 6,4 triệu tỉ đồng, tăng 77,8% so với năm 2024. Cục trưởng Cục Thống kê thông tin: “75,8% số doanh nghiệp nhận định hoạt động sản xuất kinh doanh trong quý IV-2025 tốt hơn và giữ ổn định so với quý trước. 24,2% số doanh nghiệp đánh giá khó khăn hơn. So với quý III, tỉ lệ doanh nghiệp đánh giá thuận lợi hơn quý trước tăng 1,1%”

TRIỂN VỌNG KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG DẦU KHÍ

THỊ TRƯỜNG KHÍ THIÊN NHIÊN

Tình hình thế giới: Bất chấp xung đột địa chính trị, nhu cầu khí đốt sẽ tăng mạnh vào 2026

Về nguồn cung

Tăng trưởng nguồn cung LNG tiếp tục được đẩy mạnh, bất chấp việc một số cơ sở sản xuất hiện hữu hoạt động kém hiệu quả hơn kỳ vọng.

Trong 9 tháng đầu năm 2025, thương mại LNG toàn cầu tăng khoảng 4,7% so với cùng kỳ (tương đương 19 bcm), với nguồn cung tăng tốc rõ rệt trong quý III. Động lực chính đến từ việc đưa vào vận hành các dự án hóa lỏng mới (đặc biệt tại Bắc Mỹ), trong khi nhu cầu mạnh từ thị trường châu Âu cũng góp phần thúc đẩy tăng trưởng, với mức hấp thụ vượt cả tổng phần cung tăng thêm.

Hoa Kỳ là quốc gia đóng góp lớn nhất vào tăng trưởng xuất khẩu LNG (tăng gần 21 bcm) trong 3 quý đầu năm, nhờ cả việc vận hành các dự án mới (Plaquemines LNG và mở rộng Corpus Christi giai đoạn 3), cũng như cải thiện hiệu suất vận hành và khôi phục sản lượng tại Freeport LNG sau hai năm hoạt động dưới công suất. Qatar đứng thứ hai về đóng góp tăng trưởng, chủ yếu nhờ tối ưu hóa sản lượng từ các dây chuyền hiện hữu. Mexico và Canada cũng góp phần gia tăng nguồn cung, dù quy mô nhỏ hơn.

Ngược lại, một số nhà sản xuất truyền thống tạo áp lực giảm nguồn cung, đáng chú ý là Nga, Na Uy, Algeria và Australia. Xuất khẩu LNG của Nga giảm 11% so với cùng kỳ (khoảng 3,5 bcm) do hai nhà máy bị ảnh hưởng bởi lệnh trừng phạt vẫn chưa hoạt động trở lại. Dự án Arctic LNG 2, cũng chịu trừng phạt, chỉ xuất khẩu được 6 chuyến hàng sang Trung Quốc trong giai đoạn từ tháng 6 đến tháng 9, với tổng khối lượng chưa đến 1 bcm.

Do nguồn cung khí qua đường ống thắt chặt, nhập khẩu LNG của châu Âu tăng mạnh 28% (tương đương 27 bcm), vượt mức tăng ròn nguồn cung LNG toàn cầu từ đầu năm 2025. Ngược lại, nhập khẩu LNG tại châu Á giảm gần 5% (khoảng 13 bcm), chủ yếu do nhu cầu nhập khẩu của Trung Quốc thấp hơn đáng kể so với năm trước. Tính đến tháng 9, tổng nhập khẩu LNG của Trung Quốc giảm 17% so với cùng kỳ (gần 14 bcm).

Nhờ sự gia tăng liên tục của các dự án hóa lỏng mới, thương mại LNG toàn cầu dự kiến sẽ tăng hơn 5% (khoảng 29 bcm) trong cả năm 2025. Sang năm 2026, tốc độ tăng trưởng được kỳ vọng tiếp tục tăng lên khoảng 7% (tương đương 40 bcm), qua đó giúp thị trường châu Á quay trở lại xu hướng tăng trưởng nhập khẩu.



Về mức tiêu thụ

Trong năm 2025, tăng trưởng nhu cầu khí đốt toàn cầu có xu hướng chậm lại đáng kể, dự kiến dưới 1%, giảm so với mức 2,8% của năm 2024. Nguyên nhân chủ yếu đến từ giá khí đốt ở mức cao, tăng trưởng kinh tế chậm lại và những bất ổn trên thị trường năng lượng.

Tại khu vực châu Á – Thái Bình Dương, nhu cầu khí đốt tăng trưởng yếu, dưới 1% trong năm 2025 – mức thấp nhất kể từ năm 2022. Điều này phản ánh nhu cầu tiêu thụ suy yếu, đặc biệt tại Trung Quốc, khi nhập khẩu LNG giảm so với cùng kỳ năm trước.

Ngược lại, châu Âu ghi nhận mức tăng tiêu thụ khí đốt khoảng 5% trong 9 tháng đầu năm 2025, chủ yếu do nhu cầu phát điện tăng mạnh trong bối cảnh sản lượng năng lượng tái tạo suy giảm và nhu cầu điện tăng cao. Tuy nhiên, nhu cầu khí trong lĩnh vực công nghiệp lại chịu áp lực giảm do giá năng lượng cao.

Tại khu vực châu Mỹ, nhu cầu khí đốt nhìn chung biến động theo giá và nhu cầu điện, trong đó giá khí cao đã làm giảm nhu cầu sử dụng khí trong phát điện tại một số thời điểm trong năm. Về trung hạn, nhu cầu khí đốt toàn cầu được kỳ vọng sẽ phục hồi từ năm 2026, nhờ nguồn cung LNG gia tăng và giá khí có xu hướng ổn định hơn. Khu vực châu Á được dự báo sẽ tiếp tục là động lực tăng trưởng chính, trong khi nhu cầu tại châu Âu có xu hướng giảm dần do sự mở rộng của năng lượng tái tạo.

CHIẾN LƯỢC KINH DOANH GIAI ĐOẠN ĐẾN 2026



TẦM NHÌN

Xây dựng và phát triển Công ty Cổ phần Đầu tư và sản xuất Petro Miền Trung bền vững, trở thành nhà cung cấp khí hóa lỏng LNG hàng đầu tại Việt Nam, dẫn đầu về công nghệ và chiếm lĩnh thị phần khí hóa lỏng trên thị trường Việt Nam.



ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC

- Xây dựng Công ty Cổ phần Đầu tư và sản xuất Petro Miền Trung trở thành một doanh nghiệp có thương hiệu mạnh, phạm vi hoạt động khắp cả nước.
- Phát triển Công ty cổ phần Đầu tư và sản xuất Petro Miền Trung theo hướng đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh, lấy trọng tâm là sản xuất kinh doanh khí hóa lỏng.
- Đào tạo đội ngũ CBCNV có trình độ chuyên môn vững, kỹ thuật cao, đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật, công nghệ cao của khí hóa lỏng.



MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC ƯU TIÊN

- 1. Bao phủ thị trường khí hóa lỏng toàn quốc; và nhanh chóng chiếm lĩnh thị phần khí hóa lỏng.**
- 2. Nâng cao năng lực sản xuất, tồn chứa khí hóa lỏng.**
- 3. Hoàn thiện chuỗi vận chuyển, phân phối, vận hành.**
- 4. Tiên phong công nghệ tồn chứa, vận chuyển, phân phối khí hóa lỏng.**
- 5. Xây dựng thương hiệu Petro Miền Trung và văn hóa doanh nghiệp.**
- 6. Bảo vệ môi trường, chung tay xây dựng xã hội và cộng đồng.**

1

BAO PHỦ THỊ TRƯỜNG KHÍ HOÁ LỎNG TOÀN QUỐC

Xây dựng và phát triển Công ty Cổ phần Đầu tư và sản xuất Petro Miền Trung bền vững, trở thành nhà cung cấp khí hóa lỏng LNG hàng đầu tại Việt Nam, dẫn đầu về công nghệ và chiếm lĩnh thị phần khí hóa lỏng trên thị trường Việt Nam.

Hiện Petro Miền Trung đang kinh doanh khí hóa lỏng tập trung tại miền Trung và Đồng bằng sông Cửu Long. Dự kiến từ năm 2024 theo mô hình tập trung kinh doanh sản phẩm khí, Petro Miền Trung sẽ mở rộng thị trường và sản lượng tiêu thụ khí hóa lỏng trên cả nước.

Để thực mục tiêu đó, Công ty chủ trương:

- Đa dạng hóa phương thức bán hàng như bán khí hóa lỏng tại trạm mẹ, bán qua các Nhà phân phối/ Đại lý và các hình thức hợp tác kinh doanh khác.
- Đa dạng hóa phương thức đầu tư: khách hàng tự đầu tư hệ thống thiết bị, phương tiện vận chuyển hoặc hợp tác đầu tư với Petro Miền Trung.
- Đa dạng hóa đối tác: hợp tác các đối tác có tiềm lực sản xuất, vận hành hệ thống thiết bị chuyên dụng khí hóa lỏng, đối tác vận chuyển, dịch vụ cung cấp nhân sự,...
- Đa dạng hóa khách hàng nhằm đảm bảo sự ổn định và giảm phụ thuộc vào một ngành sản xuất nhất định.

2

NÂNG CAO NĂNG LỰC SẢN XUẤT, TỒN CHỨA KHÍ HOÁ LỎNG

Để phục vụ các mục tiêu chiến lược, Công ty cần đầu tư hoặc thuê nhằm nâng cao năng lực cung ứng, nâng công suất nén, vận chuyển phân phối đến khách hàng. Cụ thể:

- Nâng cao công suất nhà máy, phát triển thị trường khí hóa lỏng miền Bắc và đầu tư hệ thống xe bồn chuyên dụng vận chuyển khí hóa lỏng.
- Xây dựng các bồn chứa tại khách hàng đồng thời đầu tư xe bồn chuyên dụng vận chuyển khí hóa lỏng.

3

HOÀN THIỆN CHUỖI VẬN CHUYỂN, PHÂN PHỐI, VẬN HÀNH.

Công ty tiếp tục tinh gọn bộ máy nhân sự, xây dựng hoàn chỉnh cơ cấu các phòng, Chi nhánh, đào tạo nguồn nhân lực để đáp ứng yêu cầu ngày càng lớn mạnh của Công ty. Nghiên cứu hệ thống thiết bị cung cấp khí hóa lỏng để đón đầu phát triển thị trường.

4

TIÊN PHONG CÔNG NGHỆ TỒN CHỨA, VẬN CHUYỂN, PHÂN PHỐI KHÍ HOÁ LỎNG.

Nghiên cứu sâu công tác nén, bảo dưỡng, điều độ vận chuyển nhằm rút ngắn thời gian vận chuyển đến khách hàng an toàn, ổn định. Xây dựng cơ sở hạ tầng nhà máy khí hóa lỏng hiện đại, đồng bộ đáp ứng nhu cầu thị trường.

5

HOÀN THIỆN CHUỖI VẬN CHUYỂN, PHÂN PHỐI, VẬN HÀNH.

Xây dựng và phát triển thương hiệu Petro Miền Trung trở thành thương hiệu uy tín, chất lượng và phổ biến. Đưa Petro Miền Trung ăn sâu vào tiềm thức các khách hàng tiêu thụ nhiên liệu và các nhà đầu tư. Đưa văn hóa doanh nghiệp, văn hóa an toàn thấm nhuần tới từng CBCNV.

6

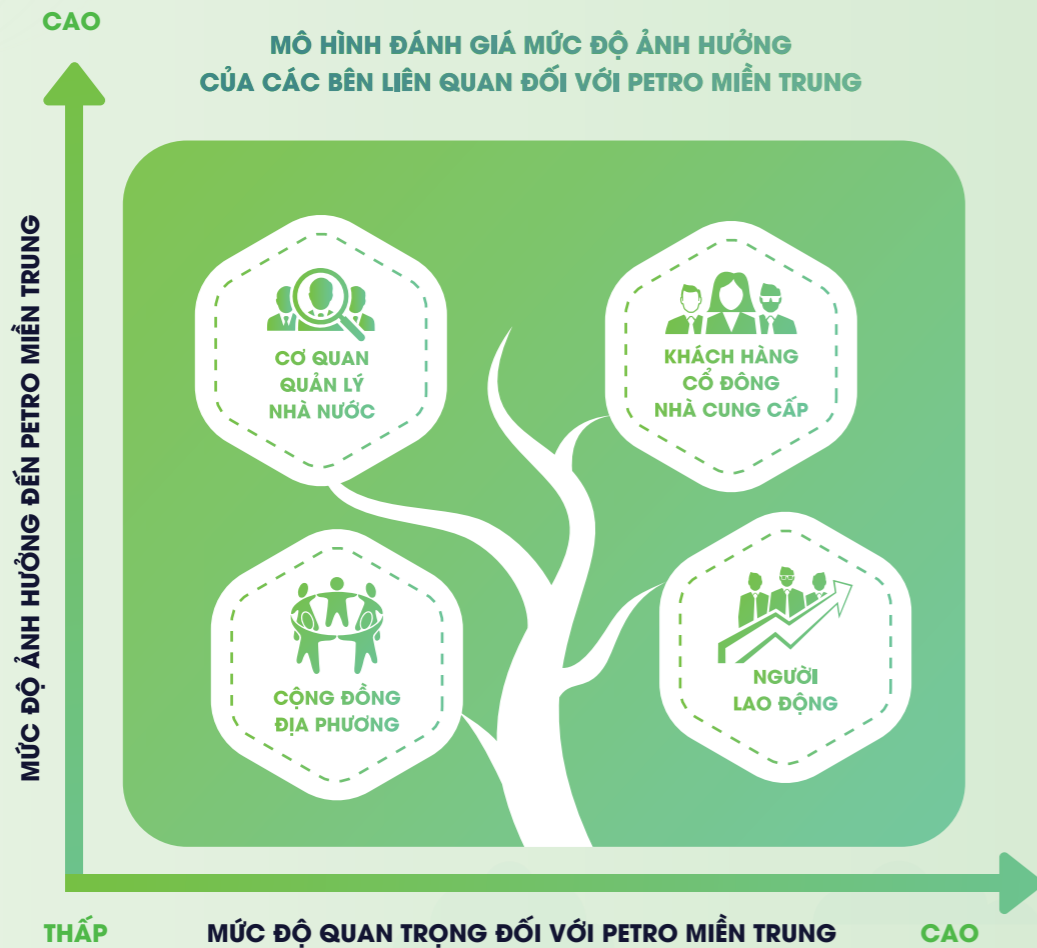
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, CHUNG TAY XÂY DỰNG XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG.

Công ty đảm bảo mục tiêu luôn tuân thủ các quy định của Pháp luật và Nhà nước về bảo vệ môi trường. Sử dụng công nghệ tiên tiến, xanh, sạch, thân thiện với môi trường, với mục tiêu hiệu quả, tiết kiệm và giảm thiểu tác động đến môi trường. Xử lý, vận chuyển và thu xếp việc xả thải an toàn các nguyên liệu, sản phẩm và chất thải một cách có trách nhiệm với môi trường.

GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN TRONG CHIẾN LƯỢC HOẠT ĐỘNG (1)

LÀ CÔNG TY HÀNG ĐẦU TRONG LĨNH VỰC SẢN XUẤT VÀ PHÂN PHỐI KHÍ THIÊN NHIÊN, CỤ THỂ LÀ KHÍ HOÁ LỎNG, CÔNG TY CÓ MỐI QUAN HỆ MẬT THIẾT VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN TỪ ĐẦU VÀO ĐẾN ĐẦU RA VÀ VỚI CỘNG ĐỒNG - XÃ HỘI. ĐẶT TRONG BỐI CẢNH KINH DOANH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN DÀI HẠN, PETRO MIỀN TRUNG LUÔN XEM CÁC BÊN LIÊN QUAN LÀ NHỮNG ĐỐI TÁC QUAN TRỌNG BẬC NHẤT VÀ ẢNH HƯỞNG MẠNH MẼ ĐẾN HOẠT ĐỘNG SXKD CỦA CÔNG TY TRÊN CÁC MẶT KINH TẾ, XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG.

Xác định được điều đó, Petro Miền Trung đã xây dựng mối quan hệ bền vững với các bên liên quan, thường xuyên tham vấn để thu thập thông tin nhằm đáp ứng kỳ vọng của họ, phục vụ cho mục tiêu phát triển bền vững của Công ty. Petro Miền Trung xác định các bên liên quan dựa vào vai trò và mức độ ảnh hưởng của các bên liên quan đối với Công ty bao gồm: Khách hàng, Cổ đông/Nhà đầu tư, Nhà cung cấp, Người lao động, Cơ quan quản lý Nhà nước, và Cộng đồng địa phương, dựa trên “Mô hình đánh giá mức độ ảnh hưởng của các bên liên quan” bên dưới.



KỶ VỌNG CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU TRONG HDSXKD

Căn cứ vào việc tương tác và tham vấn với các bên liên quan, Petro Miền Trung có thể xác định được các vấn đề mà họ quan tâm và kỳ vọng. Việc tham vấn cũng giúp Công ty xác định được lĩnh vực cần phải tập trung để đáp ứng sự quan tâm, kỳ vọng đó đồng thời phục vụ cho các định hướng mục tiêu chiến lược.

BÊN LIÊN QUAN	KÊNH THAM VẤN	MỐI QUAN TÂM VÀ KỶ VỌNG	GẮN KẾT VỚI MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC	NỘI DUNG TRONG BCTC
KHÁCH HÀNG	Thiết lập cơ chế duy trì mối liên hệ, đối thoại thường xuyên và định kỳ thông qua quy trình “Bán khí và chăm sóc khách hàng”.	Giá khí, chất lượng khí, chất lượng dịch vụ khách hàng, cơ chế giải quyết khiếu nại.	(1) Bao phủ thị trường khí hoá lỏng toàn quốc; và nhanh chóng chiếm lĩnh thị phần khí hoá lỏng.	Báo cáo của Ban Giám đốc
	Hàng năm, Công ty khảo sát ý kiến, sự hài lòng của khách hàng thông qua “Phiếu thăm dò ý kiến”.	An toàn trong vận hành và vận chuyển khí hoá lỏng, môi trường.		Hệ thống quản lý tích hợp AT-CL-MT
CỔ ĐÔNG / NHÀ ĐẦU TƯ	Hàng quý, Công ty cũng tập hợp ý kiến phản hồi của khách hàng để trình Ban Lãnh đạo có phương án xử lý, chỉ đạo tích cực, kịp thời.	Tài chính vững mạnh, hoạt động ổn định liên tục.		Cộng đồng - Xã hội
	Hàng tháng, nếu thị trường nhiên liệu có biến động, Công ty sẽ gặp gỡ trực tiếp với khách hàng để đối thoại, đàm phán giá bán.			Trách nhiệm với môi trường
	Phản hồi và trao đổi qua đường dây nóng hoặc email.			Quản trị rủi ro
	Giao lưu văn hóa – thể thao với khách hàng.			
CỔ ĐÔNG / NHÀ ĐẦU TƯ	Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường.	Thành tích của Công ty trên nhiều lĩnh vực: kinh tế, xã hội và môi trường.	(1) Bao phủ thị trường khí hoá lỏng toàn quốc; và nhanh chóng chiếm lĩnh thị phần khí hoá lỏng.	Báo cáo của Hội đồng Quản trị
	Viếng thăm Công ty, nhà máy.	Hoạt động quan hệ nhà đầu tư, công bố thông tin.		Báo cáo của Ban Giám đốc
	Tiếp nhà đầu tư thông qua điện thoại, đàm thoại.		(5) Xây dựng thương hiệu Petro miền Trung và văn hóa doanh nghiệp.	Phân tích tài chính
	Giải đáp thắc mắc của nhà đầu tư qua hình thức email.			
	Tiếp nhận phản hồi qua website.			
Tham gia hội thảo đầu tư do các công ty chứng khoán, quỹ đầu tư tổ chức.				
Báo cáo thường niên, Báo cáo phân tích của công ty chứng khoán, quỹ đầu tư.				
Công bố thông tin theo quy định.				

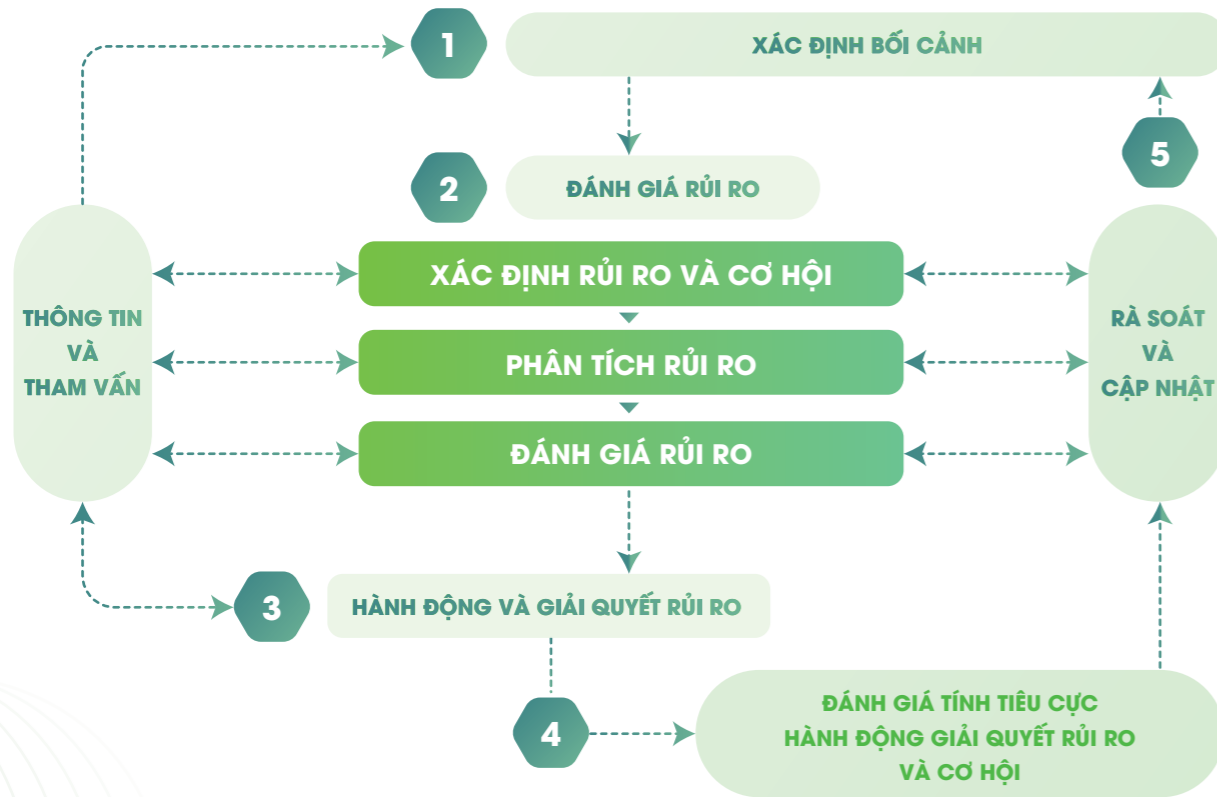
GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN TRONG CHIẾN LƯỢC HOẠT ĐỘNG (2)

BÊN LIÊN QUAN	KÊNH THAM VẤN	MỐI QUAN TÂM VÀ KỶ VỌNG	GẮN KẾT VỚI MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC	NỘI DUNG TRONG BCTC
NHÀ CUNG CẤP	<p>Petro Miền Trung còn có các nhà cung cấp khác như: cung cấp thiết bị, dịch vụ vận chuyển, dịch vụ bảo trì - bảo dưỡng...</p> <p>Công ty duy trì cơ chế tiếp xúc, đàm phán về nguồn cung cấp khí cũng như giá đầu vào để đảm bảo sự ổn định liên tục của nguồn cung và hạn chế rủi ro giá khí đầu vào.</p> <p>Tìm kiếm và đánh giá chi tiết chất lượng của các nhà cung cấp trang thiết bị, dịch vụ... trong và ngoài nước để đảm bảo an toàn, hiệu quả, bền vững, dựa trên các hoạt động đấu thầu và quy chế mua sắm trang thiết bị của Công ty.</p> <p>Giao lưu văn hóa – thể thao với nhà cung cấp.</p>	<p>Giá bán khí đầu vào và các sản phẩm, dịch vụ khác.</p> <p>Khả năng thanh toán hợp đồng cung cấp.</p> <p>Hoạt động sản xuất kinh doanh an toàn, hiệu quả bền vững.</p>	<p>(1) Bao phủ thị trường khí hoá lỏng toàn quốc; và nhanh chóng chiếm lĩnh thị phần khí hoá lỏng.</p> <p>(2) Nâng cao năng lực sản xuất, tồn chứa khí hoá lỏng.</p> <p>(3)&(4) Hoàn thiện chuỗi vận chuyển, phân phối, vận hành/Tiên phong công nghệ tồn chứa, vận chuyển, phân phối khí hoá lỏng.</p>	<p>Báo cáo của Ban Giám đốc</p> <p>Phân tích tài chính</p> <p>Quản trị rủi ro</p>
NGƯỜI LAO ĐỘNG	<p>Đánh giá thành tích của các đợt bổ nhiệm và xem xét lương.</p> <p>Hoạt động của Công đoàn và Đoàn thanh niên Công ty.</p> <p>Hội nghị Người lao động được tổ chức hằng năm.</p> <p>“Đối thoại định kỳ tại nơi làm việc” theo Quy chế dân chủ mà Công ty đã ban hành.</p>	<p>Chế độ đãi ngộ như quyền lợi lương thưởng, bảo hiểm, an toàn nghề nghiệp, đào tạo...</p> <p>Môi trường làm việc và cơ hội thăng tiến.</p> <p>Thành tích và uy tín của Công ty về kinh tế, môi trường, xã hội.</p>	<p>(5) Xây dựng thương hiệu Petro miền Trung và văn hóa doanh nghiệp.</p>	<p>Nguồn nhân lực</p> <p>Cộng đồng - Xã hội</p> <p>Báo cáo của Ban Giám đốc</p> <p>Phân tích tài chính</p>

BÊN LIÊN QUAN	KÊNH THAM VẤN	MỐI QUAN TÂM VÀ KỶ VỌNG	GẮN KẾT VỚI MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC	NỘI DUNG TRONG BCTC
CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC	<p>Petro Miền Trung còn có các nhà cung cấp khác như: cung cấp thiết bị, dịch vụ vận chuyển, dịch vụ bảo trì - bảo dưỡng...</p> <p>Công ty duy trì cơ chế tiếp xúc, đàm phán về nguồn cung cấp khí cũng như giá đầu vào để đảm bảo sự ổn định liên tục của nguồn cung và hạn chế rủi ro giá khí đầu vào.</p> <p>Tìm kiếm và đánh giá chi tiết chất lượng của các nhà cung cấp trang thiết bị, dịch vụ... trong và ngoài nước để đảm bảo an toàn, hiệu quả, bền vững, dựa trên các hoạt động đấu thầu và quy chế mua sắm trang thiết bị của Công ty.</p> <p>Giao lưu văn hóa – thể thao với nhà cung cấp.</p>	<p>Tuân thủ các quy định pháp luật trong các lĩnh vực an toàn, bảo vệ môi trường và các quy định đặc thù của ngành Dầu khí.</p> <p>Đảm bảo môi trường làm việc, an toàn lao động cho CBCNV và cộng đồng địa phương.</p> <p>Tuân thủ các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ thuế.</p>	<p>(6) Bảo vệ môi trường, chung tay xây dựng xã hội và cộng đồng.</p> <p>(5) Xây dựng thương hiệu Petro miền Trung và văn hóa doanh nghiệp.</p>	<p>Trách nhiệm với môi trường</p> <p>Cộng đồng-Xã hội</p> <p>Tăng trưởng kinh tế bền vững</p>
CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG	<p>Phối hợp với chính quyền địa phương nơi đặt trụ sở văn phòng, nhà máy, chi nhánh để tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của người dân địa phương.</p> <p>Gặp mặt trực tiếp để trao đổi các vấn đề phát sinh.</p>	<p>Đảm bảo tuân thủ pháp luật về môi trường, an toàn trong sản xuất kinh doanh.</p> <p>Đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng địa phương.</p>	<p>(6) Bảo vệ môi trường, chung tay xây dựng xã hội và cộng đồng.</p>	<p>Trách nhiệm với môi trường</p> <p>Cộng đồng-Xã hội</p> <p>Tăng trưởng kinh tế bền vững</p>

QUẢN TRỊ RỦI RO (1)

QUY TRÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO



01 XÁC ĐỊNH BỐI CẢNH CỦA TỔ CHỨC / HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Xác định mục đích, định hướng chiến lược và kết quả đầu ra mong muốn của hệ thống quản lý chất lượng, môi trường và an toàn sức khỏe nghề nghiệp.

Xác định các vấn đề bên ngoài có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh: chính trị, pháp luật, môi trường kinh tế vĩ mô, tài chính, công nghệ, cạnh tranh, điều kiện môi trường như khí hậu, chất lượng không khí, chất lượng nước, ô nhiễm...

Các vấn đề bên trong gồm: giá trị, kiến thức văn hóa, nguồn lực, quá trình hoạt động của tổ chức

Nhu cầu và mong đợi của các bên liên quan về hệ thống quản lý chất lượng, môi trường và an toàn sức khỏe nghề nghiệp

02 ĐÁNH GIÁ RỦI RO

- Phân loại rủi ro dựa trên bản chất rủi ro và phạm vi tác động tiềm năng
- Phân tích, đánh giá rủi ro và cơ hội nhằm xác định kết quả mong đợi, sự không chắc chắn ảnh hưởng đến kết quả mong đợi từ các vấn đề bên trong, bên ngoài đã được xác định. Từ đó xác định cơ hội đạt được sau khi kiểm soát rủi ro.
- Phân tích các rủi ro dựa trên 2 tiêu chí là khả năng xảy ra và hậu quả xảy ra, cũng như xem xét hiệu lực của biện pháp kiểm soát hiện hành thông qua các dữ liệu thống kê trong quá khứ. Từ đó, đưa ra đánh giá mức độ rủi ro cao, thấp, trung bình.

03 HÀNH ĐỘNG GIẢI QUYẾT RỦI RO

- Đối với các rủi ro được đánh giá là thấp và trung bình: duy trì các biện pháp kiểm soát rủi ro hiện hành.
- Đối với các rủi ro được đánh giá cao: cần hành động giải quyết rủi ro và cơ hội, thực hiện các biện pháp kiểm soát bổ sung.
- Phân công người chịu trách nhiệm thực hiện các hành động giải quyết rủi ro và cơ hội.
- Phổ biến và tổ chức thực hiện hành động giải quyết rủi ro và cơ hội.

Hành động giải quyết rủi ro và cơ hội:

1. Tránh rủi ro
2. Chấp nhận rủi ro để theo đuổi cơ hội
3. Loại bỏ nguồn rủi ro
4. Thay đổi khả năng xảy ra hoặc hậu quả xảy ra để giảm thiểu rủi ro
5. Chia sẻ rủi ro, hoặc lưu giữ lại rủi ro bằng một quyết định công khai

04 ĐÁNH GIÁ TÍNH HIỆU LỰC HÀNH ĐỘNG GIẢI QUYẾT RỦI RO VÀ CƠ HỘI




- Đánh giá mức độ tuân thủ các biện pháp đã hoạch định.
- Đánh giá mức độ đạt được kết quả dự kiến.
- Các đơn vị đánh giá tính hiệu lực của các hành động giải quyết rủi ro và cơ hội định kỳ 6 tháng/ lần đối với các rủi ro cao, và báo cáo kết quả về BGD Công ty.

05 RÀ SOÁT VÀ CẬP NHẬT

- Theo dõi, rà soát, và cập nhật bảng xác định rủi ro và cơ hội từ bối cảnh của công ty định kỳ hàng năm.
- Nếu có bất kỳ sự thay đổi nào trong bối cảnh của tổ chức (vấn đề bên trong, bên ngoài, nhu cầu mong đợi các bên liên quan) cần phải rà soát và cập nhật bảng xác định rủi ro và cơ hội nhằm đảm bảo hiệu quả hoạt động của hệ thống quản lý chất lượng, môi trường, và an toàn sức khỏe nghề nghiệp.
- Ngoài ra, khi có sự thay đổi, hoặc phát sinh các khía cạnh môi trường có ý nghĩa, cũng cần rà soát và cập nhật các rủi ro liên quan an toàn sức khỏe nghề nghiệp.

QUẢN TRỊ RỦI RO (2)

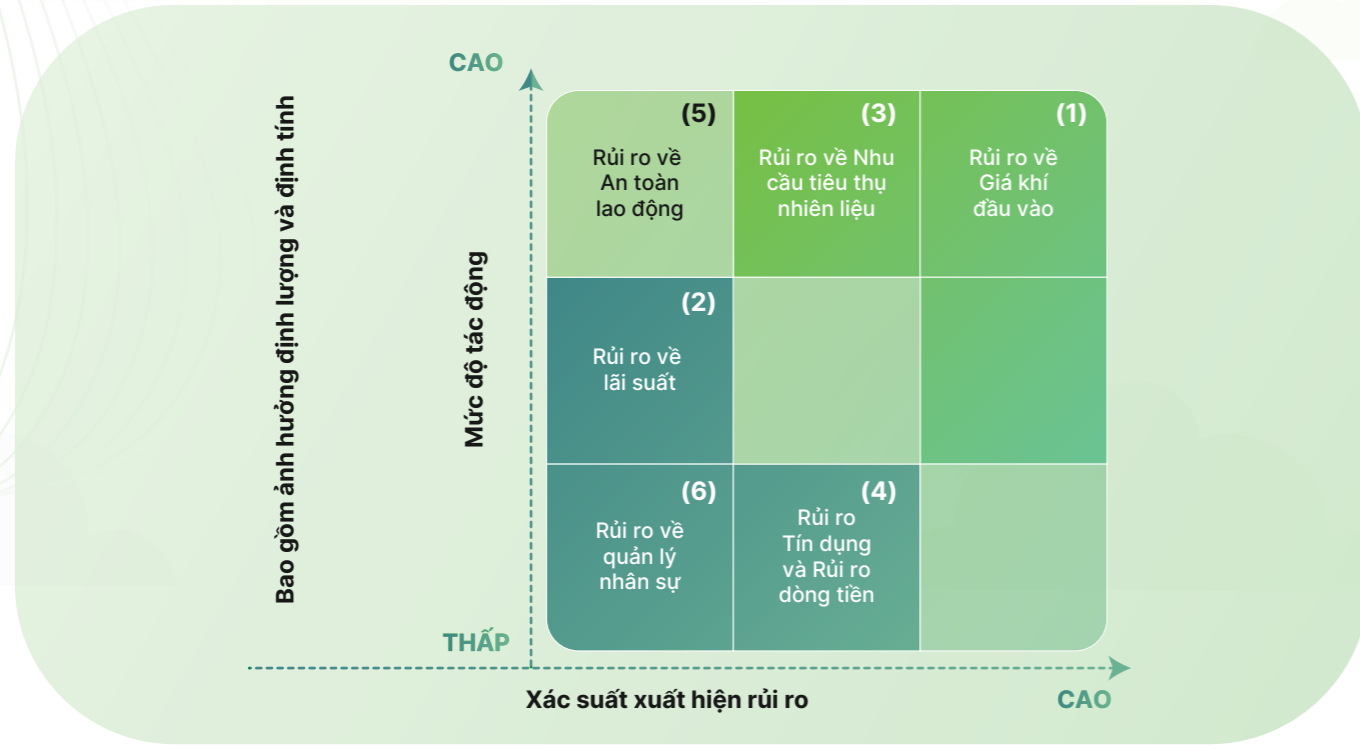
PHÂN LOẠI RỦI RO

RỦI RO	PHẠM VI TÁC ĐỘNG TIỀM NĂNG	BẢN CHẤT RỦI RO
 <p>GIÁ KHÍ ĐẦU VÀO</p>	<p>Hiệu quả kinh doanh</p> <p>Kế hoạch kinh doanh trung hạn</p>	<p>Petro Miền Trung hoạt động trong lĩnh vực phân phối khí hoá lỏng. Lợi nhuận thu được phụ thuộc rất lớn vào chênh lệch giá đầu ra và đầu vào của sản phẩm.</p> <p>Cơ chế giá khí đầu vào của Công ty được áp dụng dần theo cơ chế thả nổi của giá dầu thế giới. Do vậy, sự biến động mạnh của giá dầu thế giới sẽ gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.</p>
 <p>RỦI RO VỀ LÃI SUẤT</p>	<p>Khẩu vị rủi ro và khả năng chịu đựng rủi ro</p> <p>Kế hoạch kinh doanh trung hạn</p> <p>Mục tiêu chiến lược dài hạn</p>	<p>Rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay của Công ty. Khi mặt bằng lãi vay tăng cao, chi phí tài chính sẽ tạo áp lực lớn đối với lợi nhuận của Công ty. Thêm vào đó, lãi suất tăng cao sẽ thu hẹp các lựa chọn huy động vốn cho các dự án đầu tư của Công ty trong tương lai.</p>
 <p>RỦI RO VỀ NHU CẦU TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU</p>	<p>Kế hoạch kinh doanh trung hạn</p> <p>Mục tiêu chiến lược dài hạn</p> <p>Hiệu quả kinh doanh</p>	<p>Thị trường tiêu thụ khí của Công ty chủ yếu là các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp và các doanh nghiệp hoạt động trong ngành thực phẩm. Đây đều là các ngành chịu ảnh hưởng mạnh từ xu hướng chung của nền kinh tế. Do đó khi nền kinh tế tăng trưởng chậm lại, ngành công nghiệp thu hẹp sản xuất, thị trường bất động sản trầm lắng, người dân hạn chế chi tiêu, nhu cầu đối với sản phẩm khí hoá lỏng sẽ bị suy giảm và ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của Công ty.</p> <p>Thêm vào đó, khí thiên nhiên là sản phẩm năng lượng có sự đa dạng trong sản phẩm thay thế. Khi giá khí biến động mạnh, giá các loại nhiên liệu thay thế thấp hơn khoảng 25% giá khí hoá lỏng sẽ khiến nhiều khách hàng của Công ty có xu hướng chuyển sang sử dụng các nhiên liệu thay thế khác. Vì vậy, rủi ro về nhu cầu tiêu thụ nhiên liệu là một yếu tố trọng yếu mà Công ty luôn cần chú trọng.</p>

RỦI RO	PHẠM VI TÁC ĐỘNG TIỀM NĂNG	BẢN CHẤT RỦI RO
 <p>RỦI RO VỀ TÍN DỤNG VÀ RỦI RO DÒNG TIỀN</p>	<p>Hiệu quả kinh doanh</p>	<p>Rủi ro tín dụng xuất phát từ nghĩa vụ thanh toán của đối tác. Nếu đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ nợ trong hợp đồng sẽ gây nên tổn thất tài chính cho Công ty. Do đó, khoản phải thu là một trong những rủi ro lớn mà Công ty phải thường xuyên đối diện. Khoản phải thu khó thu hồi sẽ đặt Công ty vào khả năng bị chiếm dụng vốn, gây thất thoát nguồn vốn của Công ty.</p> <p>Rủi ro về dòng tiền diễn ra khi Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính, không nắm bắt các cơ hội đầu tư quan trọng khi không có đủ nguồn vốn cần thiết. Đây là vấn đề liên quan đến việc quản trị tài sản và nguồn vốn lưu động. Các khoản nợ xấu phát sinh từ công nợ khách hàng kéo dài, không có khả năng thanh toán bắt buộc Công ty phải trích lập dự phòng, làm giảm lợi nhuận và hao hụt dòng tiền.</p>
 <p>RỦI RO VỀ AN TOÀN LAO ĐỘNG</p>	<p>Kế hoạch kinh doanh trung hạn</p> <p>Danh tiếng của Công ty</p>	<p>Với đặc thù sản xuất cung cấp các sản phẩm năng lượng Dầu khí, sử dụng nhiều nhân lực và phương tiện hoạt động, môi trường kinh doanh của khí hoá lỏng luôn tiềm ẩn nguy cơ cháy nổ cao, nguy cơ xảy ra thiệt hại lao động cho con người, sự cố hư hỏng thiệt hại tài sản có giá trị lớn, sự cố rò rỉ khí và thậm chí là các sự cố ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường thiên nhiên.</p> <p>Một khi sự cố xảy ra, hậu quả sẽ đặc biệt nghiêm trọng. Đối với Công ty, những rủi ro này sẽ gây tổn thất lớn về tài sản, con người, tiến độ các dự án, uy tín của Công ty đối với người lao động và khách hàng. Đối với người lao động, thiệt hại về tính mạng, tâm lý bị ảnh hưởng tiêu cực, suy giảm hiệu suất lao động là điều không thể tránh khỏi. Những rủi ro này khi xảy ra sẽ khiến Công ty mất nhiều thời gian để khắc phục và phục hồi nguồn lực trở lại nguyên trạng ban đầu.</p>
 <p>RỦI RO VỀ QUẢN LÝ NHÂN SỰ</p>	<p>Kế hoạch kinh doanh trung hạn</p> <p>Mục tiêu chiến lược dài hạn</p>	<p>Với quan điểm con người là hạt nhân của sự thành công của doanh nghiệp, rủi ro trong quá trình quản trị nguồn nhân lực luôn là vấn đề được Công ty quan tâm.</p> <p>Với hoạt động chính là sản xuất và chiết nạp khí thiên nhiên, nguồn nhân lực Công ty luôn đòi hỏi sự đào tạo bài bản. Nhân viên luôn được đòi hỏi cao về kỹ thuật và trình độ chuyên môn trong việc vận hành các hệ thống máy nén khí, trạm giảm áp, các trang thiết bị máy móc kỹ thuật chuyên dụng. Việc quản trị kém hiệu quả sẽ dẫn đến thiếu hụt nhân lực có trình độ cao, mất đoàn kết nội bộ, vận hành không hiệu quả. Trong môi trường kinh doanh nhiều biến động, sự ổn định của nguồn nhân lực chất lượng càng trở thành vấn đề thách thức đối với Công ty.</p>

QUẢN TRỊ RỦI RO (3)

MA TRẬN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CÁC RỦI RO LÊN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA PETRO MIỀN TRUNG



QUẢN TRỊ RỦI RO THEO CẤP

HDQT chịu trách nhiệm định hướng chiến lược và quản lý công ty, gắn liền quản trị rủi ro với chiến lược phát triển. Ngoài ra, HDQT còn chịu trách nhiệm thiết lập các nguyên tắc, khung quản trị rủi ro, và chịu trách nhiệm tổng thể về quản trị rủi ro cũng như quản trị rủi ro một cách hiệu quả. Để bảo đảm tính hiệu quả của khung quản lý rủi ro, các bộ phận chức năng có liên quan được thiết lập đầy đủ và hiệu quả trong công ty bao gồm các bộ phận giám sát và bảo đảm. Mô hình **"Ba tuyến phòng vệ"** là phương thức để giải thích mối quan hệ giữa những bộ phận này cũng như để chỉ dẫn cách thức phân chia trách nhiệm:

TUYẾN PHÒNG VỆ THỨ NHẤT

Các phòng ban thực hiện quản trị đối với các rủi ro liên quan trực tiếp đến chức năng, lĩnh vực của mình. Định kỳ đánh giá và báo cáo với BGD về hoạt động quản trị rủi ro

TUYẾN PHÒNG VỆ THỨ HAI

BGD có trách nhiệm triển khai, giám sát và đánh giá quá trình thực hiện quản trị rủi ro. Đảm bảo các quy trình quản trị tuân thủ tiêu chuẩn liên quan, tạo lợi ích cho cổ đông và công ty.

TUYẾN PHÒNG VỆ THỨ BA

Ban kiểm soát kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực trong quản lý điều hành, nhằm phát hiện rủi ro tiềm ẩn hoặc thiếu sót; từ đó góp ý về việc áp dụng các biện pháp hạn chế rủi ro.

BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI TỪNG LOẠI RỦI RO



RỦI RO

BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ RỦI RO



GIÁ KHÍ ĐẦU VÀO

Mục tiêu quản trị rủi ro chi phí đầu vào nhận được sự chú trọng thông qua hoạt động thu mua nhiên liệu theo dự báo về tình hình giá dầu thế giới. Với hệ thống kho chứa lớn giúp Công ty có thể đạt mức chiết khấu giá đầu vào tốt hơn.

Công ty liên tục theo sát diễn biến và tiến hành dự báo giá dầu thế giới để có những điều chỉnh phù hợp trong giá bán. Đối với giá khí đầu ra, Công ty ưu tiên đàm phán với khách hàng theo các hợp đồng với thời hạn ngắn (từng tháng) nhằm giảm thiểu tác động từ sự biến động của giá đầu lên biên lợi nhuận, qua đó gia tăng hiệu quả kinh doanh cho cả khách hàng và Công ty.

Công ty đẩy mạnh phát triển thị trường để tăng sản lượng, thực hiện các hợp đồng có điều khoản điều chỉnh linh hoạt giá bán khi có sự biến động lớn của giá nguyên liệu. Thực hiện các chiến lược kinh doanh phù hợp với thị trường tại từng thời điểm, từng đối tượng khách hàng và từng khu vực.

Thắt chặt mối quan hệ với nhà cung cấp thông qua việc xây dựng uy tín bằng thực hiện tốt các nghĩa vụ thanh toán và các yêu cầu liên quan.

Xây dựng kế hoạch ngân sách, giám sát chặt chẽ chi phí hoạt động, chi phí bảo trì mua sắm... đảm bảo các chi phí tuân theo tiến trình ngân sách được hoạch định. Ngoài những chi tiêu cần thiết nhằm phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh thì Công ty luôn hạn chế ở mức tối thiểu các chi phí khác nhằm đạt lợi nhuận cao nhất.



RỦI RO VỀ LÃI SUẤT

Công ty tiến hành phân tích và xây dựng cơ cấu nguồn vốn hợp lý phù hợp với hoạt động sản xuất công ty. Công ty xây dựng nguồn vốn tự có thông qua hoạt động kinh doanh hiệu quả để tài trợ hoạt động.

Thực hiện khảo sát, tiếp cận với các phương án vốn khác nhau nhằm lựa chọn nguồn vốn với chi phí rẻ nhất. Thực hiện các biện pháp cần thiết nhằm phòng hộ rủi ro biến động lãi suất và duy trì hợp lý mức rủi ro trong biên độ cho phép.

Công ty phân tích các nguồn vốn cho hoạt động đầu tư để chi phí sử dụng vốn ở mức thấp nhất nhưng vẫn đảm bảo cấu trúc tài chính an toàn.



RỦI RO VỀ NHU CẦU TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU

Công ty luôn quan tâm đến việc thắt chặt mối quan hệ với khách hàng hiện có. Nỗ lực đa dạng hóa mạng lưới cung cấp sản phẩm bằng cách tăng cường tìm kiếm các khách hàng mới thông qua các hợp đồng và thỏa thuận bán khí đảm bảo lợi ích cho cả hai bên.

Công ty luôn chủ động quảng bá hình ảnh, tăng cường tiếp thị quảng cáo lợi ích khi sử dụng các sản phẩm CNG nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ. Bên cạnh đó là duy trì khả năng cạnh tranh trong môi trường kinh doanh hiện tại.

Đa dạng hóa lĩnh vực tiêu thụ trong mạng lưới khách hàng. Cụ thể, Petro Miền Trung luôn tìm kiếm các khách hàng mới trên mọi lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh cũng như khu vực kinh doanh để giảm bớt những rủi ro đến từ sự tập trung với mật độ cao ở một số ngành nghề nhất định như hiện tại.

Công ty luôn thực hiện công tác cập nhật thông tin, dự báo nhu cầu tiêu thụ của thị trường để có bức tranh tổng quan và chính xác nhất về doanh thu, lợi nhuận.

Việc lập ngân sách, các kế hoạch đầu tư, sử dụng nguồn vốn, thời điểm đầu tư cũng được xây dựng linh hoạt dựa trên những dự báo để tránh những hoạt động đầu tư không hiệu quả hoặc bỏ qua các cơ hội đầu tư tiềm năng.

Công ty phân loại khách hàng để có kế hoạch cung ứng phù hợp, hiệu quả.

QUẢN TRỊ RỦI RO (4)

BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI TỪNG LOẠI RỦI RO (TIẾP THEO)



RỦI RO

BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ RỦI RO



RỦI RO VỀ TÍN DỤNG VÀ RỦI RO DÒNG TIỀN

Công ty thường xuyên tiến hành các hoạt động kiểm soát công nợ như phân tích về tuổi nợ, ngày thu nợ. Thẩm định sức khỏe tài chính của khách hàng trước khi ký kết hợp đồng. Thực hiện chính sách tín dụng đối với từng nhóm khách hàng cụ thể, theo sức khỏe tài chính, khu vực và loại hình kinh doanh. Thường xuyên theo dõi để đánh giá chính xác những rủi ro tín dụng tiềm ẩn có thể phát sinh.

Bên cạnh đó, Công ty luôn tạo chiều sâu trong mỗi liên hệ hợp tác với khách hàng nhằm hiểu rõ về tình trạng tài chính, uy tín giao dịch của từng khách hàng định kỳ. Bên cạnh đó, Công ty cũng chia sẻ khó khăn với khách hàng thông qua việc nới lỏng về thời gian trả chậm nhưng vẫn kiểm soát chặt chẽ khoản phải thu.

Với công tác quản trị rủi ro tín dụng hiệu quả, Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng và các đối tác. Các khoản phải thu đến từ các khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Đối với các khoản phải thu có nhiều rủi ro, Công ty trích lập dự phòng hợp lý. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Dù kiểm soát chặt chẽ rủi ro tín dụng nhưng Công ty vẫn duy trì sự linh hoạt tối thiểu nhằm đạt sự hài hòa với khả năng đạt được các mục tiêu tăng trưởng đề ra của Công ty.

Song hành cùng những nỗ lực quản trị rủi ro dòng tiền từ vốn luân chuyển, sự cân đối dòng tiền thuần cũng là một nhân tố quan trọng nhằm đạt sự cân bằng giữa hoạt động đầu tư xây dựng mà không ảnh hưởng đến cấu trúc nguồn vốn của Công ty.



RỦI RO VỀ AN TOÀN LAO ĐỘNG

Với đặc thù phân phối năng lượng, công tác đảm bảo an toàn lao động trong quá trình hoạt động luôn được đặt lên hàng đầu. Các hoạt động vận hành luôn được giám sát chặt chẽ và tuân theo quy trình nhất định.

Petro Miền Trung hoàn thành việc nâng cấp hệ thống quản lý An toàn – Chất lượng – Môi trường (ATCLMT) theo các tiêu chuẩn ISO, được Viện Tiêu chuẩn Anh (BSI) Việt Nam đánh giá công nhận. Bên cạnh đó, quy trình quản trị rủi ro được liên tục cải tiến phù hợp với những thay đổi trong điều kiện sản xuất. Từ lúc vận hành đến nay, Công ty chưa để xảy ra bất kỳ một sự cố nghiêm trọng nào, đây là điều đáng tự hào của một doanh nghiệp kinh doanh trong ngành khí.

Người lao động được đào tạo bài bản trước khi vận hành, công tác bảo hộ lao động đặc biệt được chú trọng. Công ty thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo, huấn luyện về phòng cháy chữa cháy nhằm xây dựng văn hóa lao động an toàn, nâng cao ý thức và đào tạo những kỹ năng cần thiết đối với các trường hợp bất ngờ xảy ra.

Nhà máy và các máy móc thiết bị luôn có kế hoạch bảo trì, sửa chữa định kỳ và luôn được duy trì trong trạng thái vận hành tốt nhất và an toàn nhất. Công ty sử dụng công cụ, phần mềm quản lý công tác kiểm tra bảo dưỡng trang thiết bị, máy móc, phương tiện nhằm đảm bảo tình trạng an toàn kỹ thuật và tối ưu hóa chất lượng cho sản phẩm.

Công ty tiến hành mua bảo hiểm con người (bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm sinh mạng cá nhân, bảo hiểm trợ cấp năm viện, phẫu thuật) cho người lao động. Cùng với đó là các chính sách mua bảo hiểm cho tài sản hoạt động nhằm giúp giảm bớt thiệt hại cho Công ty nếu có rủi ro tai nạn xảy ra.



RỦI RO VỀ QUẢN LÝ NHÂN SỰ

Công ty luôn cân bằng giữa lợi ích của người lao động và lợi ích chung của Công ty trong việc quản trị nguồn nhân lực.

Lao động được tuyển dụng, điều chuyển hợp lý, đảm bảo đầy đủ nguồn nhân lực trong quá trình vận hành. Công ty đảm bảo lương, thưởng và quy trình đánh giá năng lực diễn ra công bằng, minh bạch theo quy chế Công ty và quy định của pháp luật. Công ty luôn chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, tạo điều kiện phát triển tốt nhất cho đội ngũ CBCNV của Công ty. Bên cạnh đó, với sự hồi phục của thị trường dầu khí và triển vọng khả quan của nền kinh tế, đây cũng là cơ hội để Công ty có thể tìm kiếm và bổ sung nguồn nhân lực chất lượng cho các dự án đầu tư mở rộng trong tương lai.

CBCNV thường xuyên được đào tạo bồi dưỡng, trau dồi, nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ và tay nghề nhằm nâng cao năng lực.

NGUỒN NHÂN LỰC

SỐ LƯỢNG
CBCNV NĂM 2025

385

NGƯỜI

VIỆC LÀM

Với đặc thù doanh nghiệp ngành khí thì lao động nam chiếm đa số trong đội ngũ lao động, Petro Miền Trung đã nỗ lực cân đối tỷ lệ giới tính trong công ty. Trong năm 2025, tổng số lao động nữ là 67 người, chiếm 17% tổng số lao động, tỷ lệ lao động nữ trong ban lãnh đạo là 5%.

Ngoài việc nỗ lực cân đối tỷ lệ giới tính trong đội ngũ nhân sự, Petro Miền Trung cũng nỗ lực trong việc xây dựng một đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên môn cao nhằm đáp ứng tốt nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh hiện tại cũng như phát triển trong tương lai của công ty.

Với mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân sự chất lượng cao thì cơ cấu lao động theo độ tuổi cũng là yếu tố cần phải quan tâm. Lao động từ 30-50 tuổi hiện đang chiếm tỷ trọng cao trong lực lượng lao động chiếm 69%. Lao động trẻ dưới 30 tuổi chiếm 21%, và lao động trên 50 tuổi chiếm 10%.

NGƯỜI LAO ĐỘNG

LÀ NGƯỜI TRỰC TIẾP TẠO RA
GIÁ TRỊ CHO CÔNG TY,
VÀ LÀ MỘT TRONG NHỮNG
BÊN LIÊN QUAN QUAN TRỌNG

CHO SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
CỦA PETRO MIỀN TRUNG

MỨC LƯƠNG TRUNG BÌNH
CỦA CBCNV
NĂM 2025

13

TRIỆU ĐỒNG

ĐÓNG GÓP CHO CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI

Ban lãnh đạo Công ty luôn tự thấy trách nhiệm của Công ty, của cá nhân mỗi cán bộ nhân viên đối với sự phát triển của cộng đồng. Ngoài việc đóng góp cho ngân sách địa phương, Ban lãnh đạo thường xuyên hưởng ứng các chương trình do chính quyền các cấp phát động, và khuyến khích sự tham gia của toàn thể CBNV.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (1)



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm, HĐQT đã họp các phiên cụ thể như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/HĐQT độc lập		Số buổi họp HĐQT tham dự
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	
01	Ông Nguyễn Tiến Lãng	Chủ tịch HĐQT	10/06/2022	-	06/06
02	Bà Nguyễn Thị Bích Thùy	Thành viên	10/06/2022	-	06/06
03	Ông Lê Tấn Cần	Thành viên	10/06/2022	-	06/06
04	Ông SATO RYOICHI	Thành viên	28/04/2025	-	04/06

Hội đồng quản trị thường xuyên trao đổi, thảo luận tại các cuộc họp định kỳ với Tổng Giám đốc về tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh và việc triển khai các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và triển khai các mục tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Hội đồng quản trị đã phân công nhiệm vụ cụ thể các phòng ban nhằm thực hiện công tác giám sát ở các khía cạnh sau:

- **Giám sát tình hình tài chính:** Xem xét, phân tích các thông tin trên báo cáo tài chính kết hợp trao đổi trực tiếp với kiểm toán độc lập trong đợt soát xét báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính năm để kịp thời đánh giá kết quả soát xét trước khi Công ty Cổ phần đầu tư và sản xuất Petro Miền Trung phát hành báo cáo ra công chúng.
- **Giám sát tính tuân thủ trong hoạt động sản xuất kinh doanh:** Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và theo dõi chặt chẽ tính hiệu quả và tuân thủ của Công ty Cổ phần đầu tư và sản xuất Petro Miền Trung trong các quy trình sản xuất kinh doanh chính.
- **Giám sát việc triển khai quản trị rủi ro:** Hội đồng quản trị giám sát Tổng Giám đốc và ban điều hành thông qua: chiến lược, chính sách, quy trình, các ưu tiên, kết quả thực hiện mục tiêu, quản lý rủi ro.

Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc được thực hiện theo đúng quy định theo điều lệ của công ty. Các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị chỉ đạo Tổng giám đốc điều phù hợp với phạm vi, quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị, Chủ tịch hội đồng quản trị trong các văn bản liên quan.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (2)

CÁC NGHỊ QUYẾT / QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
01	01/03/2025/NQ-HĐQT	03/03/2025	Nghị quyết triệu tập họp phê duyệt phương án đầu tư bất động sản	100%
02	02/03/2025/NQ-HĐQT	10/03/2025	Nghị quyết triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	100%
03	01/05/2025/NQ-HĐQT	09/05/2025	Nghị quyết HĐQT về việc giao dịch với người có liên quan	100%
04	01/06/2025/NQ-HĐQT	16/06/2025	Nghị quyết HĐQT về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán 2025	100%
05	02/06/2025/NQ-HĐQT	25/06/2025	Nghị quyết triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025	100%
06	01/12/2025/NQ-HĐQT	29/12/2025	Nghị quyết thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ vốn góp tại công ty con	100%

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Trong năm 2025, thành viên HĐQT độc lập tiếp tục duy trì tương tác tích cực với HĐQT và Ban Điều hành, kịp thời thảo luận, tư vấn và đưa ra những giải pháp định hướng kịp thời, góp phần ứng phó với những diễn biến phức tạp của thị trường dầu khí khi giá nguyên liệu đầu vào không ổn định và sự biến đổi khí hậu.

Các cuộc họp của HĐQT đã được triệu tập và thực hiện với lịch trình cụ thể, chuẩn bị tài liệu chu đáo, theo đúng các nguyên tắc. Nội dung các cuộc họp được các thành viên HĐQT thảo luận, phản biện, đánh giá đầy đủ và cẩn trọng để đưa ra những định hướng, giải pháp tốt nhất cho Tập đoàn. Quá trình thực thi hoạt động của Tập đoàn được diễn ra theo quy chế phân quyền rõ ràng, luôn được phân tích, nhận diện rủi ro một cách kịp thời nhằm đảm bảo sự ổn định, an toàn, tuân thủ theo quy định của pháp luật cũng như đạt được kế hoạch do HĐQT và ĐHĐCĐ đã đề ra. HĐQT đã lãnh đạo và quản lý Tập đoàn hoàn thành các chỉ tiêu tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận của năm, mang lại hiệu quả cao cho cổ đông và thu nhập ổn định cho người lao động.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Số buổi họp HĐQT tham dự
01	Bà Nguyễn Thị Hồng Bích	Trưởng Ban Kiểm Soát	10/06/2022	03/03
02	Bà Lê Thị Hồng Trang	Thành viên	10/06/2022	03/03
03	Bà Trần Thị Quyên	Thành viên	10/06/2022	03/03

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CỔ ĐÔNG

Trong năm 2025, Ban Kiểm soát (BKS) thực hiện chức năng giám sát việc triển khai tổ chức kế hoạch sản xuất kinh doanh và quản lý tài chính của Công ty theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế Công ty Cổ phần đầu tư và sản xuất Petro Miền Trung. Các nội dung giám sát chính bao gồm:

- Thẩm định báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính: Đánh giá báo cáo tài chính quý I, quý II, bán niên, quý III, năm 2025 và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị (HĐQT).
- Giám sát việc thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) và HĐQT: Kiểm tra tính pháp lý của các nghị quyết liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo tuân thủ Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.
- Giám sát tiến độ thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025.
- Giám sát tình hình tài chính: Đánh giá hiệu quả hoạt động, khả năng thanh toán, tình hình sử dụng vốn, công tác quản lý dòng tiền.
- Kiểm tra hệ thống cơ chế, chính sách, quy trình nội bộ: Xem xét mức độ phù hợp của các quy định nội bộ nhằm đảm bảo hiệu quả hoạt động, tuân thủ pháp luật hiện hành.
- Thực hiện các công việc khác theo quyết định của ĐHĐCĐ và quy định hiện hành

Qua công tác giám sát, BKS nhận thấy hoạt động quản trị và điều hành Công ty của HĐQT, Ban Giám đốc cơ bản được thực hiện đúng quy định, đảm bảo tuân thủ Điều lệ Công ty và pháp luật. Các nghị quyết, quyết định quan trọng của HĐQT được thực hiện nghiêm túc theo đúng chủ trương của ĐHĐCĐ.

SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HĐQT và Ban Giám đốc đã tạo điều kiện để BKS hoàn thành nhiệm vụ giám sát, hỗ trợ trong việc quản lý và điều hành Công ty, tạo môi trường làm việc và phối hợp đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty, của cổ đông, tuân thủ các quy định của pháp luật và các văn bản quản lý nội bộ của Công ty.

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (1)

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



GIÁ DẦU BRENT TRONG NĂM 2025 CÓ XU HƯỚNG DAO ĐỘNG TRONG BIÊN ĐỘ TRUNG BÌNH 60-65 USD/THÙNG

Thị trường dầu thế giới trong năm 2025 tiếp tục diễn biến phức tạp, chịu tác động bởi các quyết định điều chỉnh sản lượng của Tổ chức các Nước Xuất khẩu Dầu mỏ và các nước đồng minh (OPEC+), sự gia tăng nguồn cung từ các quốc gia ngoài OPEC (đặc biệt là Mỹ), cùng với những bất ổn địa chính trị kéo dài tại Trung Đông và khu vực Biển Đỏ. Trong bối cảnh đó, giá dầu Brent trong năm 2025 có xu hướng dao động trong biên độ trung bình, phổ biến quanh mức 60-65 USD/thùng, thấp hơn 15 USD/thùng so với mức đầu năm.

Bước sang năm 2026, triển vọng thị trường dầu được dự báo vẫn tiếp tục đứng trước áp lực giảm, nguyên nhân chính là do nguồn cung toàn cầu liên tục mở rộng, trong khi tăng trưởng nhu cầu chỉ ở mức thấp. Diễn biến căng thẳng địa chính trị leo ở khu vực Biển Đen và Trung Đông đã đẩy lên lo ngại về đứt gãy chuỗi cung ứng, khiến giá dầu tăng nhẹ trong ngắn hạn. Tuy nhiên, theo IEA thị trường dầu trong dài hạn sẽ nghiêng về dư cung khi sản lượng tăng nhanh hơn nhu cầu, theo đó giá dầu Brent sẽ tiếp tục dao động quanh 60-65 USD/thùng hoặc thậm chí có thể giảm còn 55-60 USD/thùng trong 2026. Mức giá này vẫn đảm bảo lợi nhuận cho các hoạt động khai thác – bảo dưỡng ngắn hạn, nhưng có thể gây trì hoãn các dự án ngoài khơi quy mô lớn trong trung hạn..

Ban Tổng Giám đốc đã luôn theo sát các biến động của thị trường dầu khí thế giới, triển vọng kinh tế vĩ mô trong nước, tình hình dịch bệnh và diễn biến hoạt động kinh doanh của Công ty để đưa ra những định hướng chỉ đạo phù hợp, linh hoạt, đảm bảo an toàn trong sản xuất kinh doanh và tận dụng mọi cơ hội có được. Với sự nỗ lực vượt bậc và đoàn kết một lòng, tập thể CBCNV Công ty đã nỗ lực tối đa, dù chưa hoàn thành các nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2025 nhưng kết quả thực hiện vẫn là kết quả đáng ghi nhận.



Trong năm qua đã không có bất kỳ sự cố nghiêm trọng nào gây ảnh hưởng đến sức khỏe con người, môi trường cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong bối cảnh xã hội xảy ra nhiều sự cố cháy nổ đáng tiếc, Công ty đã duy trì đầy đủ các biện pháp phòng chống theo khuyến cáo của Bộ Công an, cơ quan phòng cháy chữa cháy địa phương, đảm bảo điều kiện làm việc an toàn tuyệt đối cho người lao động.



Các dự án đầu tư thực hiện trong năm đảm bảo về chất lượng công trình, chất lượng thiết bị, an toàn, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ dầu khí của khách hàng, tuân thủ kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.



Các chủ trương về tiết kiệm, giảm chi phí, duy trì ổn định tốc độ quay vòng vốn, tính toán, cân đối nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp tục được triển khai.

Việc tuyển dụng, sử dụng, điều chuyển lao động hợp lý, đảm bảo hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác đào tạo cũng được triển khai thường xuyên nhằm nâng cao tay nghề, trình độ của nhân viên, chuẩn bị nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu phát triển trong tương lai gần. Các chế độ, chính sách cho người lao động theo quy định của pháp luật, quy chế của Công ty luôn được thực hiện nghiêm túc, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho CBCNV.



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (2)

2. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2025 ghi nhận những chuyển biến tích cực trong hoạt động của công ty khi Ban điều hành đã chủ động triển khai các biện pháp tái cấu trúc, tối ưu chi phí và nâng cao hiệu quả vận hành. Mặc dù doanh thu và lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chịu ảnh hưởng nhất định từ điều kiện thị trường, công ty vẫn duy trì được nền tảng tài chính ổn định, với sự cải thiện ở khoản lợi nhuận khác góp phần hỗ trợ kết quả chung. Đặc biệt, công ty duy trì kết quả kinh doanh có lãi trong 2 năm liên tiếp, qua đó thể hiện nền tảng tài chính ổn định và khả năng thích ứng tốt với biến động thị trường. Các biện pháp tối ưu chi phí và nâng cao hiệu quả hoạt động đang từng bước phát huy hiệu quả, tạo tiền đề cho việc cải thiện biên lợi nhuận và phục hồi tăng trưởng trong các giai đoạn tiếp theo.

CHỈ TIÊU (tỷ đồng)	Năm 2024	Năm 2025
Tổng giá trị tài sản	1.772.788.225.879	1.520.491.470.616
Doanh thu thuần	2.024.673.956.321	1.757.583.948.184
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	28.527.102.383	17.475.131.074
Lợi nhuận khác	11.575.475.252	13.192.351.450
Lợi nhuận trước thuế	40.102.577.635	30.667.482.524
Lợi nhuận sau thuế	31.482.864.892	24.623.202.855
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Năm 2025, các chỉ tiêu tài chính của công ty cho thấy nền tảng tài chính tiếp tục được củng cố theo hướng tích cực, đặc biệt về thanh khoản và cơ cấu vốn. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 0,78 lên 0,81 và hệ số thanh toán nhanh tăng từ 0,71 lên 0,75, phản ánh khả năng đáp ứng nghĩa vụ ngắn hạn được cải thiện. Đồng thời, đòn bẩy tài chính giảm rõ rệt khi tỷ lệ nợ phải trả trên tổng tài sản giảm từ 0,62 xuống 0,55 và hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu giảm từ 1,65 xuống 1,20, cho thấy công ty đang chủ động kiểm soát rủi ro và tối ưu cấu trúc nguồn vốn. Mặc dù một số chỉ tiêu hiệu quả hoạt động và sinh lời có điều chỉnh nhẹ, công ty vẫn duy trì khả năng sinh lợi ổn định và đặc biệt tiếp tục ghi nhận lợi nhuận dương trong hai năm liên tiếp.

CHỈ TIÊU	Đơn vị	2024	2025
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,78	0,81
Hệ số thanh toán nhanh [(TSLĐ – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]	Lần	0,71	0,75
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Tổng nợ phải trả/Tổng tài sản	Lần	0,62	0,55
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,65	1,20
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho (GVHB/Hàng tồn kho bình quân)	Lần	47,36	33,69
Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản)	Lần	1,14	1,07
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1,55	1,40
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/NVCSH (ROE)	%	4,82	3,56
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	%	1,77	1,62
Tỷ suất Lợi nhuận HĐSXKD/Doanh thu thuần	%	1,41	0,99



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (3)

3. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

CHỈ TIÊU (tỷ đồng)	2024	2025
Tài sản ngắn hạn	806.532.268.064	627.015.617.217
Tiền và các khoản tương đương tiền	149.697.944.432	92.287.419.069
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	277.451.084.494	214.200.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	309.844.573.110	254.408.701.423
Hàng tồn kho	40.095.163.014	47.430.424.830
Tài sản ngắn hạn khác	29.443.503.014	18.689.071.895
Tài sản dài hạn	966.255.957.815	893.475.853.399
Tài sản cố định	441.318.250.627	401.762.977.860
Bất động sản đầu tư	94,083,370,558	115.116.729.959
Tài sản dài hạn khác	409.167.220.744	357.488.948.263
Tổng cộng tài sản	1.772.788.225.879	1.520.491.470.616

Năm 2025, cơ cấu tài sản của công ty cho thấy xu hướng tái cơ cấu theo hướng tinh gọn và thận trọng hơn. Tổng tài sản giảm 14,2% xuống 1.520,5 tỷ đồng, chủ yếu do tài sản ngắn hạn giảm từ 806,5 tỷ xuống 627,0 tỷ đồng, phản ánh việc chủ động thu hẹp vốn lưu động và điều tiết dòng tiền. Các khoản phải thu giảm, góp phần cải thiện chất lượng tài sản, trong khi hàng tồn kho tăng nhẹ phục vụ hoạt động kinh doanh.

Ở chiều dài hạn, tài sản giảm nhẹ với sự dịch chuyển từ tài sản cố định sang bất động sản đầu tư, cho thấy sự điều chỉnh trong chiến lược phân bổ vốn. Nhìn chung, cơ cấu tài sản được tối ưu theo hướng nâng cao hiệu quả sử dụng và tăng tính linh hoạt tài chính.

Tình hình nợ phải trả

CHỈ TIÊU	2024	2025
Nợ phải trả	1.103.976.293.390	829.448.794.904
Nợ ngắn hạn	1.034.870.658.607	775.946.190.652
Nợ dài hạn	69.105.634.783	53.502.604.252
Vốn chủ sở hữu	668.811.932.489	691.042.675.712
Tổng cộng tài sản	1.772.788.225.879	1.520.491.470.616

Cơ cấu nguồn vốn năm 2025 cho thấy xu hướng cải thiện rõ rệt về mức độ an toàn tài chính. Tổng nợ phải trả giảm mạnh từ 1.104,0 tỷ đồng xuống 829,4 tỷ đồng (-24,9% YoY), chủ yếu nhờ giảm nợ ngắn hạn, qua đó giúp giảm áp lực thanh toán trong ngắn hạn. Nợ dài hạn cũng giảm xuống còn 53,5 tỷ đồng, phản ánh việc kiểm soát đòn bẩy tài chính một cách chủ động. Nhìn chung, cơ cấu nguồn vốn đang chuyển dịch theo hướng lành mạnh hơn, với tỷ trọng vốn chủ sở hữu tăng và rủi ro tài chính được giảm thiểu.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Ngoài các công tác điều hành bình thường, để đảm bảo đạt được các mục tiêu kế hoạch, Công ty sẽ tập trung vào các giải pháp sau:

- 1** Từ kế hoạch chung của Công ty phân bổ thành các nhiệm vụ của từng phòng ban, yêu cầu các phòng ban xây dựng kế hoạch hoạt động giao từng cá nhân và các giải pháp giám sát thực hiện các công việc. Trên cơ sở kế hoạch được giao, đánh giá mức độ hoàn thành, gắn vào việc trả lương thưởng theo kế hoạch được duyệt.
- 2** Điều chỉnh chính sách bán hàng để tạo sự đồng thuận và ủng hộ từ khách hàng, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho khách hàng hoàn thành doanh số.
- 3** Đổi mới hoạt động Marketing nâng cao tính chuyên nghiệp, áp dụng Marketing số, đa dạng các hình thức, tập trung vào các hoạt động marketing tại điểm bán. Chi phí marketing gắn với tăng trưởng doanh thu.
- 4** Quy định hạn mức chi phí, yêu cầu xây dựng giải pháp thực hiện hạn mức bao gồm cả giải pháp kiểm soát, giao trách nhiệm cho các bộ phận, trong toàn bộ hoạt động doanh nghiệp.

4. KẾ HOẠCH KINH DOANH 2026

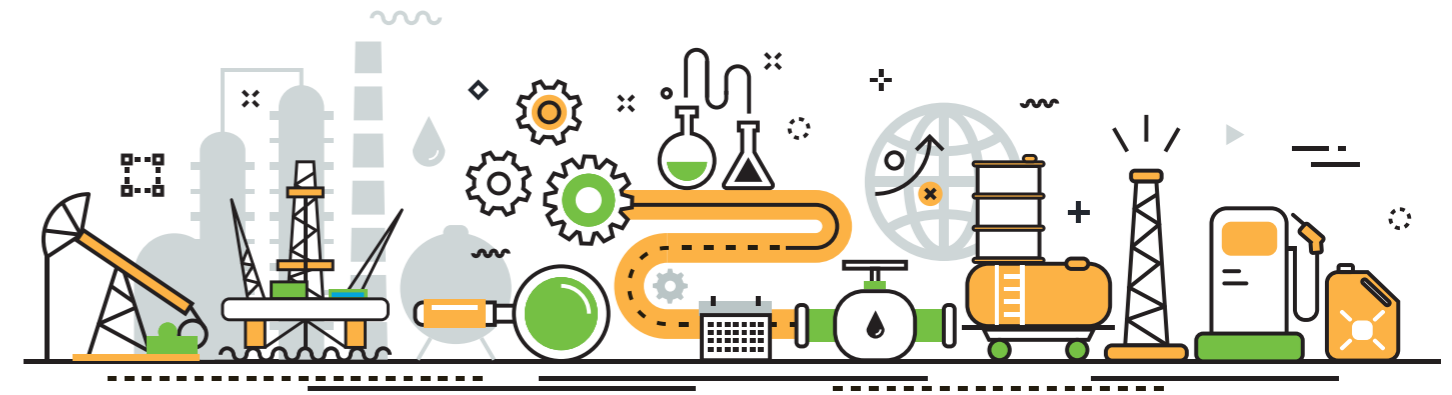
Đơn vị tính : tỷ đồng

CHỈ TIÊU	Kế hoạch 2026	Thực hiện 2025
1. Doanh thu thuần hợp nhất	2.000.000.000.000	1.757.583.948.184
2. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	40.000.000.000	30.667.482.524
3. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	32.000.000.000	24.623.202.855

KHKD 2026 của Công ty hiện tại dựa trên kịch bản tình hình địa chính trị trên thế giới vẫn diễn biến phức tạp. Nền lãi suất vẫn ở mức cao khi các ngân hàng trung ương trên thế giới chưa có dấu hiệu giảm lãi suất điều hành. Khó khăn là vẫn hiện hữu đối với doanh nghiệp trong năm nay. Đặc biệt là đối với ngành dầu khí, giá dầu đầu vào đang chứng kiến sự tăng trưởng nhanh trong những tháng đầu năm nay. Chính vì vậy, đây là kế hoạch thận trọng mà Ban điều hành đặt ra.

Với sự hỗ trợ của đối tác chiến lược Lemon Gas Co., Ltd cùng nỗ lực của toàn thể CBNV Công ty và sự đồng hành của các đối tác chiến lược, Ban điều hành tin tưởng sẽ hoàn thành và có thể hoàn thành vượt mức KHKD đã đặt ra cho năm 2026.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG LẺ VÀ HỢP NHẤT





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	6 - 7
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4000462724) ngày 09/05/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 23 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 30/09/2025.

Công ty đã niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) theo Quyết định số 491/QĐ-SGDHCM ngày 27/12/2017 với mã chứng khoán là PMG.

Vốn điều lệ: 463.362.780.000 đồng.

Vốn thực góp đến ngày 31/12/2025: 463.362.780.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Lô số 04, KCN Điện Nam – Điện Ngọc, Phường Điện Bàn Đông, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.
- Điện thoại: (84) 02353 947 233
- Fax: (84) 02353 947 244
- Website: <http://petrocenter.com.vn/>

Lĩnh vực kinh doanh chính

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: kinh doanh, xuất nhập khẩu khí đốt hóa lỏng LPG (bao gồm bán LPG cho xe bồn, xe ô tô, xe máy, LPG chai lớn và chai nhỏ), CNG, chi tiết nạp gas chai lớn, chai mini, xe ô tô và xe bồn. Kinh doanh vỏ bình gas, bếp gas và các phụ kiện liên quan. Kinh doanh phân phối khí thiên nhiên hóa lỏng LNG;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 19 người. Trong đó, bộ phận quản lý là 3 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|---------------------------|--------------------|------------------------------|
| • Ông Nguyễn Tiến Lăng | Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 10/06/2022 |
| • Bà Nguyễn Thị Bích Thùy | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 10/06/2022 |
| • Ông Lê Tấn Cẩn | Thành viên độc lập | Bổ nhiệm lại ngày 10/06/2022 |
| • Ông Sato Ryoichi | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 28/04/2025 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**Ban Kiểm soát**

- | | | |
|---------------------------|------------|------------------------------|
| • Bà Nguyễn Thị Hồng Bích | Trưởng ban | Bổ nhiệm lại ngày 10/06/2022 |
| • Bà Lê Thị Hồng Trang | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 10/06/2022 |
| • Bà Trần Thị Quyên | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 10/06/2022 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|-----------------------------|-------------------|------------------------------|
| • Ông Nguyễn Văn Trung | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 14/05/2025 |
| | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/01/2022 |
| | | Miễn nhiệm ngày 14/05/2025 |
| • Bà Nguyễn Thị Bích Thùy | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 20/10/2020 |
| | | Miễn nhiệm ngày 14/05/2025 |
| • Bà Võ Thị Ánh Nguyệt | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 30/11/2016 |
| • Bà Nguyễn Thị Linh Thường | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 01/01/2021 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Số 218, Đường 30/4, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dag.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Văn Trung

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 03 năm 2026



Số: 423/2026/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính lập ngày 26/03/2026 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 6 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Nhu trình bày tại Thuyết minh số 3, Báo cáo tài chính đính kèm là Báo cáo tài chính năm 2025 của riêng Công ty mẹ. Báo cáo tài chính này cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 để người sử dụng có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề cần nhấn mạnh này.



Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2023-010-1

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Nguyễn Văn Thiện – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3108-2025-010-1

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Lô số 04, KCN Điện Nam – Điện Ngọc, Phường Điện Bàn Đông,

Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 01 – DN

Ban hành theo Thông tư

số 200/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		505.229.510.126	697.229.636.612
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		10.377.036.395	102.984.958.005
1. Tiền	111	5	10.377.036.395	42.984.958.005
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	60.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		214.200.000.000	277.451.084.494
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	214.200.000.000	277.451.084.494
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		278.426.921.606	307.266.062.368
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	320.453.134.565	347.655.121.185
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	2.357.958	116.564.047
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9.a	6.710.001.001	8.232.949.054
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(48.738.571.918)	(48.738.571.918)
IV. Hàng tồn kho	140	11	1.453.921.224	8.633.504.686
1. Hàng tồn kho	141		1.453.921.224	8.633.504.686
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		771.630.901	894.027.059
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.a	463.575.184	700.520.012
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		224.350.252	123.423.048
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	22	83.705.465	70.083.999
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		622.058.120.494	603.114.224.313
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.443.722.565	2.007.359.192
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	9.b	1.443.722.565	2.007.359.192
II. Tài sản cố định	220		18.251.404.794	18.946.491.209
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	18.251.404.794	18.946.491.209
- Nguyên giá	222		45.813.927.884	44.521.911.747
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(27.562.523.090)	(25.575.420.538)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230	14	115.116.729.959	94.083.370.558
- Nguyên giá	231		115.183.344.035	94.327.181.818
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(66.614.076)	(243.811.260)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		255.000.000	55.000.000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		255.000.000	55.000.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		458.283.609.644	459.073.286.750
1. Đầu tư vào công ty con	251	15	497.305.979.612	507.055.979.612
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	15	(39.022.369.968)	(47.982.692.862)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		28.707.653.532	28.948.716.604
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.b	751.984.782	993.047.854
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	27.955.668.750	27.955.668.750
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.127.287.630.620	1.300.343.860.925

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã	Thuyết	31/12/2025	01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		490.219.967.972	682.042.168.237
I. Nợ ngắn hạn	310		483.198.029.603	668.499.521.111
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	377.706.525.138	546.434.963.852
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	96.197.585	96.197.585
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	5.401.863.834	6.249.887.722
4. Phải trả người lao động	314		332.802.698	473.581.015
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	95.009.589	163.648.370
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		650.000.000	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	21.a	1.403.340.759	1.328.952.567
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22	97.370.000.000	113.610.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		142.290.000	142.290.000
II. Nợ dài hạn	330		7.021.938.369	13.542.647.126
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	21.b	7.021.938.369	13.542.647.126
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		637.067.662.648	618.301.692.688
I. Vốn chủ sở hữu	410		637.067.662.648	618.301.692.688
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	23	463.362.780.000	463.362.780.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		463.362.780.000	463.362.780.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	23	173.704.882.648	154.938.912.688
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		154.938.912.688	132.570.606.849
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		18.765.969.960	22.368.305.839
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.127.287.630.620	1.300.343.860.925

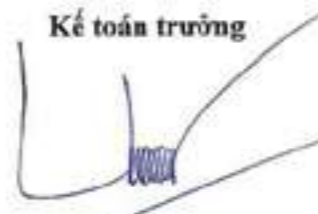
Đà Nẵng, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu



Hà Thị Hồng Nhung

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Linh Thường

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Trung

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 02 – DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	25	1.346.374.637.227	1.641.531.351.215
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		1.346.374.637.227	1.641.531.351.215
4. Giá vốn hàng bán	11	26	1.336.374.446.215	1.626.731.236.127
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		10.000.191.012	14.800.115.088
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	22.129.879.348	18.934.546.962
7. Chi phí tài chính	22	28	378.277.025	(2.711.894.596)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.088.599.919	3.976.668.667
8. Chi phí bán hàng	25	29.a	2.980.716.225	4.463.004.870
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29.b	9.910.878.517	9.127.360.292
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		18.860.198.593	22.856.191.484
11. Thu nhập khác	31	30	6.308.385.825	7.039.010.715
12. Chi phí khác	32	31	1.152.052.654	1.281.855.178
13. Lợi nhuận khác	40		5.156.333.171	5.757.155.537
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		24.016.531.764	28.613.347.021
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	5.250.561.804	6.245.041.182
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		18.765.969.960	22.368.305.839

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu



Hà Thị Hồng Nhung

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Linh Thường

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Trung

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 03 – DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		24.016.531.764	28.613.347.021
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	13,14	2.544.855.994	2.542.707.485
- Các khoản dự phòng	03		(8.960.322.894)	(6.688.563.263)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	26	(9.300.691.076)	(12.470.983.993)
- Chi phí lãi vay	06	27	4.088.599.919	3.976.668.667
3. LN từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động	08		12.388.973.707	15.973.175.917
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		33.894.990.348	(10.071.828.865)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		7.179.583.462	(7.729.718.133)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể trả lãi vay, thuế thu nhập phải nộp)	11		(174.565.098.859)	44.553.415.815
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		478.007.900	701.431.243
- Tiền lãi vay đã trả	14		(4.111.221.947)	(3.889.575.077)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	19	(6.245.041.182)	(8.816.033.706)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(130.979.806.571)	30.720.867.194
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	13,14	(24.817.049.757)	(179.500.000)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		1.118.181.818	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(228.200.000.000)	(330.803.244.697)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		291.451.084.494	294.353.322.943
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9,27	15.059.668.406	12.169.877.504
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		54.611.884.961	(24.459.544.250)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	20	97.370.000.000	113.610.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	20	(113.610.000.000)	(42.530.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(16.240.000.000)	71.080.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(92.607.921.610)	77.341.322.944
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		102.984.958.005	25.643.635.061
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		10.377.036.395	102.984.958.005

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Hà Thị Hồng Nhung

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Linh Thường

Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Trung



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

1.1 Khái quát chung

Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4000462724) ngày 09/05/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 23 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 30/09/2025.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh chính:

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: kinh doanh, xuất nhập khẩu khí đốt hóa lỏng LPG (bao gồm bán LPG cho xe bồn, xe ô tô, xe máy, LPG chai lớn và chai nhỏ), CNG, chi tiết nạp gas chai lớn, chai mini, xe ô tô và xe bồn. Kinh doanh vỏ bình gas, bếp gas và các phụ kiện liên quan. Kinh doanh phân phối khí thiên nhiên hóa lỏng LNG;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2025, Công ty có 01 Chi nhánh hạch toán phụ thuộc và các Công ty con sau:

Tên chi nhánh	Địa chỉ	
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung tại Bình Định	Thôn Hội Ván, Xã Hòa Hội, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	
Các Công ty con	Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
1 Công ty Cổ phần Dầu khí V-Gas	51,00%	Số 1A/8 Đường Châu Văn Lồng, KP Long Diêm, Phường Long Hưng, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Lĩnh vực kinh doanh: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, lỏng. Lĩnh vực kinh doanh: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, lỏng.
2 Công ty Cổ phần Gas Miền Trung	51,00%	Lô số 6, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, Phường Điện Bàn Đông, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Lĩnh vực kinh doanh: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, lỏng.
3 Công ty TNHH MTV Gas Quảng Trị	51,00%	Khu công nghiệp Nam Đông Hà, Phường Nam Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam.

Công ty TNHH MTV Gas Quảng Trị là Công ty con, có 100% vốn góp là của Công ty Cổ phần Gas Miền Trung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

Tại ngày 31/12/2025, Công ty có các công ty con; Theo các quy định hiện hành, Công ty cần lập đồng thời Báo cáo tài chính năm 2025 của riêng Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025. Người sử dụng Báo cáo cần đọc Báo cáo tài chính của Công ty mẹ này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản trong đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Mọi quan hệ là công ty con thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con.

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với khoản đầu tư vào công ty con được lập nếu các khoản đầu tư này bị suy giảm giá trị hoặc bị lỗ dẫn đến khả năng mất vốn của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua.
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25
Máy móc, thiết bị	5 – 20
Phương tiện vận tải	6 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 8
Tài sản cố định khác	15

4.6 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Riêng các bất động sản đầu tư chờ tăng giá để bán được phản ánh theo giá ghi sổ sau khi trừ đi phần tổn thất do giảm giá trị.

Chính sách khấu hao bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện nhất quán với chính sách khấu hao tài sản cố định cùng loại của Công ty. Theo đó, bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Quyền sử dụng đất lâu dài	Không trích khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	20

4.7 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là việc thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán tiền thuê dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Chi phí vô bình, chi phí kiểm định vô bình được phân bổ dần vào kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian lần lượt tương ứng là 10 năm và 5 năm;
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.9 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

4.10 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.11 Doanh thu chưa thực hiện

Là tiền nhận trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán đối với các dịch vụ Công ty chưa cung cấp cho khách hàng, được phân bổ theo số kỳ mà Công ty đã nhận tiền trước.

4.12 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các kế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.14 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện cân cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.15 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.16 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.17 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.18 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.19 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.20 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng: Mặt hàng khí đốt hóa lỏng LPG thuộc đối tượng chịu thuế suất GTGT là 10%; các mặt hàng khác chịu thuế suất theo quy định hiện hành.

Từ ngày 01/07/2025 đến 31/12/2025, khí đốt hóa lỏng LPG được giảm thuế giá trị gia tăng xuống còn thuế suất 8% theo Nghị định 174/2025/NĐ-CP ngày 30/06/2025 của Chính phủ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng thuế suất 20%.

- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	31/12/2025	01/01/2025
Tiền mặt	399.068.943	207.461.557
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.977.967.452	42.777.496.448
Cộng	10.377.036.395	42.984.958.005

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và không quá 12 tháng	214.200.000.000	214.200.000.000	277.451.084.494	277.451.084.494
Cộng	214.200.000.000	214.200.000.000	277.451.084.494	277.451.084.494

Tại thời điểm 31/12/2025, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các khoản tiền gửi này không bị tổn thất, suy giảm về giá trị.

(*) Tất cả các khoản tiền gửi nêu trên đang được cầm cố, thế chấp để đảm bảo các khoản vay, bảo lãnh và phát hành L/C tại Ngân hàng TMCP Nam Á – CN Đà Nẵng và Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam – CN Đà Nẵng.

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2025	01/01/2025
Công ty Cổ phần Dầu khí V-Gas	68.589.101.437	60.813.756.870
Công ty CP Gas Miền Trung	198.531.890.534	236.316.749.926
Công ty TNHH MTV Bán lẻ Gas Miền Trung	48.738.571.918	48.738.571.918
Các đối tượng khác	4.593.570.676	1.786.042.471
Cộng	320.453.134.565	347.655.121.185

Trong đó: Phải thu khách hàng là bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2025	01/01/2025
Công ty CP Gas Miền Trung	Công ty con	198.531.890.534	236.316.749.926
Công ty Cổ phần Dầu khí V-Gas	Công ty con	68.589.101.437	60.813.756.870
Công ty TNHH MTV Gas Quảng Trị	Công ty con	-	41.792.000
Cộng		267.120.991.971	297.172.298.796

(*) Trong tổng số các khoản nợ phải thu khách hàng tại 31/12/2025, có 141.714.562.647 đồng là các khoản phải thu khách hàng được cầm cố, thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay, bảo lãnh và phát hành L/C tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Công ty TNHH Thu phí Tự động VETC	2.357.958	728.838
Các đối tượng khác	-	115.835.209
Cộng	2.357.958	116.564.047

9. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	14.000.000	-	4.644.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	3.000.000.000	-	-	-
- Nguyễn Xuân Từ và Nguyễn Thị Thuận(*)	3.000.000.000	-	-	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	3.695.710.683	-	3.588.949.054	-
Các khoản khác	290.318	-	-	-
Cộng	6.710.001.001	-	8.232.949.054	-

(*) Là tiền đặt cọc để nhận chuyển nhượng quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất theo GCN số 7936 do UBND TP. Đà Nẵng cấp ngày 31/05/2000, thửa đất số 69, tờ bản đồ số 25, địa chỉ 72 (22A cũ) Lê Duẩn, P. Thạch Thang, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng theo hợp đồng đặt cọc ngày 12/12/2025. Giá trị khoản đặt cọc theo hợp đồng là 3.000.000.000 đồng. Bên bán cam kết trong vòng 30 ngày kể từ ngày 12/12/2025 đến ngày 12/01/2026 sẽ cùng Công ty thực hiện thủ tục công chứng chuyển nhượng tại cơ quan có thẩm quyền.

b. Dài hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	1.443.722.565	-	2.007.359.192	-
Cộng	1.443.722.565	-	2.007.359.192	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

a. Biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi trong năm

	Năm 2025	Năm 2024
Số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi đầu năm	(48.738.571.918)	(48.738.571.918)
Dự phòng trích trong năm	-	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	-
Số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cuối năm	(48.738.571.918)	(48.738.571.918)

b. Nợ xấu

	31/12/2025		01/01/2025		Khả năng thu hồi nợ
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	
Phải thu khách hàng					
Công ty TNHH MTV Bán lẻ Gas Miền Trung	48.738.571.918	-	48.738.571.918	-	Quá hạn thanh toán
Cộng	48.738.571.918	-	48.738.571.918	-	

11. Hàng tồn kho

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	300.873.759	-	602.416.350	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	317.172.310	-	255.417.637	-
Hàng hóa	835.875.155	-	7.775.670.699	-
Cộng	1.453.921.224	-	8.633.504.686	-

- Giá trị hàng tồn kho dùng để cầm cố, thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay, bảo lãnh và phát hành L/C tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hội An tại ngày 31/12/2025 là 1.453.921.224 đồng.
- Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất tại ngày 31/12/2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Chi phí bảo hiểm tài sản	15.201.934	22.345.930
Phí bảo lãnh	351.065.097	573.673.810
Các khoản khác	97.308.153	104.500.272
Cộng	463.575.184	700.520.012

b. Dài hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Phí bảo lãnh	168.981.000	-
Chi phí thuê đất Khu công nghiệp (*)	220.371.450	367.285.770
Phí sử dụng hạ tầng khu công nghiệp	121.528.674	202.547.790
Các khoản khác	241.103.658	423.214.294
Cộng	751.984.782	993.047.854

(*) Tiền thuê đất trả trước tại Khu công nghiệp Điện Nam – Điện Ngọc trong 10 năm, tính đến ngày 30/06/2027, diện tích đất thuê: 11.556 m².

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	15.583.986.659	14.142.191.013	14.326.313.439	426.965.636	42.455.000	44.521.911.747
Mua sắm trong năm	152.122.500	-	2.633.520.000	-	-	2.785.642.500
Phân loại lại	-	(124.500.000)	124.500.000	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.493.626.363	-	-	1.493.626.363
Số cuối năm	15.736.109.159	14.017.691.013	15.590.707.076	426.965.636	42.455.000	45.813.927.884
Khấu hao						
Số đầu năm	7.940.232.030	12.507.796.511	4.748.880.459	336.056.538	42.455.000	25.575.420.538
Phân loại lại	-	(3.387.530)	3.387.530	-	-	-
Khấu hao trong năm	670.462.389	350.672.688	1.406.751.691	25.974.024	-	2.453.860.792
Thanh lý, nhượng bán	-	-	466.758.240	-	-	466.758.240
Số cuối năm	8.610.694.419	12.855.081.669	5.692.261.440	362.030.562	42.455.000	27.562.523.090
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	7.643.754.629	1.634.394.502	9.577.432.980	90.909.098	-	18.946.491.209
Số cuối năm	7.125.414.740	1.162.609.344	9.898.445.636	64.935.074	-	18.251.404.794

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố nợ vay tại ngày 31/12/2025 là 243.002.536 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 7.704.294.957 đồng.
- Không có TSCĐ hữu hình chờ thanh lý.
- Không có cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai.

14. Bất động sản đầu tư

	Nhà	Quyền sử dụng đất	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm (*)	975.245.040	93.351.936.778	94.327.181.818
Mua sắm trong năm (**)	820.000.000	17.425.000.000	18.245.000.000
Đ/tư XD/CB h/thành (*)	3.586.407.257	-	3.586.407.257
Tháo dỡ (*)	975.245.040	-	975.245.040
Số cuối năm	4.406.407.257	110.776.936.778	115.183.344.035
Khấu hao			
Số đầu năm	243.811.260	-	243.811.260
Khấu hao trong năm	90.995.202	-	90.995.202
Tháo dỡ	268.192.386	-	268.192.386
Số cuối năm	66.614.076	-	66.614.076
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	731.433.780	93.351.936.778	94.083.370.558
Số cuối năm	4.339.793.181	110.776.936.778	115.116.729.959

(*) Là các quyền sử dụng đất lâu dài và nhà ở tại số 68-74-76 Lê Duẩn, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng. Tại ngày 31/12/2025, các tài sản này đang được cho thuê dài hạn;

(**) Là quyền sử dụng đất lâu dài và nhà ở tại số 70 Lê Duẩn, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, hiện đang sửa chữa để cho thuê.

Tại 31/12/2025, tất cả các bất động sản đầu tư nêu trên đã được cầm cố, thế chấp để đảm bảo cho các khoản nợ vay, bảo lãnh và phát hành L/C tại Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam – CN Đà Nẵng và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Hội An.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Đầu tư vào công ty con

	Tình hình hoạt động	31/12/2025					01/01/2025				
		Tỷ lệ vốn	TL quyền BQ	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ vốn	TL quyền BQ	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng
- Công ty Cổ phần Dầu khí V-Gas	Đang hoạt động	51%	51%	11.475.000	310.424.781.250	(2.980.529.785)	51%	51%	11.475.000	310.424.781.250	(1.834.045.610)
- Công ty TNHH Trung Nam	Đang hoạt động			-	-	-	65%	65%	-	9.750.000.000	(4.237.462.979)
- Công ty Cổ phần Gas Miền Trung	Đang hoạt động	51%	51%	16.690.909	186.881.198.362	(36.041.840.183)	51%	51%	16.690.909	186.881.198.362	(41.911.184.273)
Cộng					497.305.979.612	(39.022.369.968)				507.055.979.612	(47.982.692.862)

Tại thời điểm 31/12/2025, giá trị dự phòng các khoản đầu tư được trích lập dựa trên Báo cáo tài chính năm 2025 sau kiểm toán của các Công ty con.

Công ty không có nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy để xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2025	01/01/2025
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	27.955.668.750	27.955.668.750
Cộng	27.955.668.750	27.955.668.750

17. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Chi nhánh Tổng công ty kinh doanh khí Việt Nam - Công ty CP Kinh doanh Sản Phẩm Khí	377.436.232.055	499.530.145.007
Các đối tượng khác	270.293.083	46.904.818.845
Cộng	377.706.525.138	546.434.963.852

18. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Petronas Cambodia Co.ltd	50.145.784	50.145.784
Các đối tượng khác	46.051.801	46.051.801
Cộng	96.197.585	96.197.585

19. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	-	1.089.182.610	937.880.580	-	151.302.030
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	6.245.041.182	5.250.561.804	6.245.041.182	-	5.250.561.804
Thuế thu nhập cá nhân	70.083.999	4.846.540	209.806.071	228.274.077	83.705.465	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	11.544.780	11.544.780	-	-
Các loại thuế khác	-	-	789.125.000	789.125.000	-	-
Cộng	70.083.999	6.249.887.722	7.350.220.265	8.211.865.619	83.705.465	5.401.863.834

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. Chi phí phải trả

	31/12/2025	01/01/2025
Chi phí lãi vay	95.009.589	117.631.617
Chi phí phải trả khác	-	46.016.753
Cộng	95.009.589	163.648.370

21. Phải trả khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Kinh phí công đoàn	3.203.800	4.380.400
Phải trả về thủ lao HĐQT, BKS	1.337.600.000	1.303.266.667
Phải trả khác	62.536.959	21.305.500
Cộng	1.403.340.759	1.328.952.567

b. Dài hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	7.021.938.369	13.542.647.126
Cộng	7.021.938.369	13.542.647.126

Trong đó, Phải trả dài hạn khác là bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2025	01/01/2025
Công ty CP Gas Miền Trung	Công ty con	559.710.920	1.150.506.908
Công ty Cổ phần Dầu khí V-Gas	Công ty con	225.203.147	559.593.167
Cộng		784.914.067	1.710.100.075

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hội An	113.610.000.000	1.354.620.000.000	1.408.230.000.000	60.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Đà Nẵng	-	118.090.000.000	118.090.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Quảng	-	37.370.000.000	-	37.370.000.000
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	-	79.490.000.000	79.490.000.000	-
Cộng	113.610.000.000	1.589.570.000.000	1.605.810.000.000	97.370.000.000

23. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2024	463.362.780.000	132.570.606.849	595.933.386.849
Tăng trong năm	-	22.368.305.839	22.368.305.839
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2024	463.362.780.000	154.938.912.688	618.301.692.688
Số dư tại 01/01/2025	463.362.780.000	154.938.912.688	618.301.692.688
Tăng trong năm	-	18.765.969.960	18.765.969.960
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2025	463.362.780.000	173.704.882.648	637.067.662.648

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2025	Năm 2024
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	463.362.780.000	463.362.780.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	463.362.780.000	463.362.780.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Cổ phiếu

	31/12/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	46.336.278	46.336.278
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	46.336.278	46.336.278
- Cổ phiếu phổ thông	46.336.278	46.336.278
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	46.336.278	46.336.278
- Cổ phiếu phổ thông	46.336.278	46.336.278
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2025	Năm 2024
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	154.938.912.688	132.570.606.849
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	18.765.969.960	22.368.305.839
Phân phối lợi nhuận	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	173.704.882.648	154.938.912.688

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 28/04/2025 quyết định không phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024.

e. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 28/04/2025 đã quyết định không chia cổ tức.

24. Tài sản ngoài bảng

a. Vô bình của đối tác

	31/12/2025	01/01/2025
Vô bình ga các loại (cái)	25.713	25.713
- Vô bình 12 kg	25.317	25.317
- Vô bình 45 kg	396	396

Đây là vô bình của đối tác (là các Công ty kinh doanh gas) được Công ty nhận về phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Hoạt động kinh doanh ga có đặc điểm là vô bình luôn được luân chuyển, xoay vòng giữa kho và các đại lý của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2025	01/01/2025
Công ty Luật TNHH MTV Khởi Minh	90.000.000	-
Công ty TNHH Điện tử - Tự động Nam Lộc	15.000.000	-

25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2025	Năm 2024
Doanh thu bán hàng hóa	1.338.953.825.598	1.632.182.168.233
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.420.811.629	9.349.182.982
Cộng	1.346.374.637.227	1.641.531.351.215

26. Giá vốn hàng bán

	Năm 2025	Năm 2024
Giá vốn hàng hóa đã bán	1.330.995.472.241	1.618.062.728.810
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	5.378.973.974	8.668.507.317
Cộng	1.336.374.446.215	1.626.731.236.127

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025	Năm 2024
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	15.166.430.035	12.470.983.993
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	-	69.042.421
Lãi chậm thanh toán tiền hàng phải thu	6.963.449.313	6.394.520.548
Cộng	22.129.879.348	18.934.546.962

28. Chi phí tài chính

	Năm 2025	Năm 2024
Chi phí lãi vay	4.088.599.919	3.976.668.667
Lỗ từ chuyển nhượng khoản đầu tư vào Công ty con	5.250.000.000	-
Trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác	(8.960.322.894)	(6.688.563.263)
Cộng	378.277.025	(2.711.894.596)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Chi phí bán hàng

	Năm 2025	Năm 2024
Chi phí khấu hao tài sản cố định	442.681.202	455.534.507
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.136.535.023	3.984.055.429
Các khoản khác	401.500.000	23.414.934
Cộng	2.980.716.225	4.463.004.870

b. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025	Năm 2024
Chi phí tiền lương nhân viên quản lý	4.356.039.101	4.471.219.573
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.770.510.192	1.799.431.578
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.592.742.220	781.017.510
Các khoản khác	2.191.587.004	2.075.691.631
Cộng	9.910.878.517	9.127.360.292

30. Thu nhập khác

	Năm 2025	Năm 2024
Phân bổ tiền nhận ký cược vỏ bình gas	6.217.072.130	7.038.067.796
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	91.313.695	-
Các khoản khác	-	942.919
Cộng	6.308.385.825	7.039.010.715

31. Chi phí khác

	Năm 2025	Năm 2024
Giá trị còn lại bất động sản đầu tư đã tháo dỡ	707.052.654	-
Chi hỗ trợ, ủng hộ	340.000.000	292.927.500
Các khoản khác	105.000.000	988.927.678
Cộng	1.152.052.654	1.281.855.178

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2025	Năm 2024
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	24.016.531.764	28.613.347.021
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	2.236.277.257	2.611.858.889
- Điều chỉnh tăng	2.236.277.257	2.611.858.889
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	2.236.277.257	2.611.858.889
- Điều chỉnh giảm	-	-
+ Thu nhập đã tính thuế năm trước	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	26.252.809.021	31.225.205.910
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.250.561.804	6.245.041.182
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	5.250.561.804	6.245.041.182
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-

33. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025	Năm 2024
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.054.857.412	5.438.275.944
Chi phí nhân công	5.852.894.773	6.992.154.264
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.544.855.994	2.542.707.485
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.266.288.243	1.487.239.615
Chi phí khác bằng tiền	2.613.426.967	6.053.912.808
Cộng	18.332.323.389	22.514.290.116

34. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro về lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

dự tính của Công ty ở mức kiểm soát được.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của hàng hóa đầu vào. Giá trị hàng hóa chiếm tỷ trọng cao trong tổng giá vốn hàng bán nên Công ty đặc biệt chú ý đến rủi ro về biến động giá hàng hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty lựa chọn những nhà cung cấp uy tín, quan hệ kinh doanh lâu năm và luôn yêu cầu được cung cấp những biến động về giá kịp thời nhất. Công ty còn tham khảo giá giữa các nhà cung cấp khác nhau để đảm bảo mua hàng với mức giá hợp lý nhất. Với chính sách quản lý về giá trên, Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động về giá ngoài dự tính của Công ty ở mức kiểm soát được.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Khách hàng chủ yếu của Công ty là các Công ty con trong tập đoàn, phát sinh giao dịch thường xuyên và thanh toán kịp thời. Do đó Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro tín dụng với khách hàng của Công ty ở mức thấp. Ngoài ra, các khoản nợ tồn đọng lâu đều được Công ty đánh giá khả năng thu hồi và lập dự phòng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

	31/12/2025	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	377.706.525.138	-	-	377.706.525.138
Chi phí phải trả	95.009.589	-	-	95.009.589
Vay và nợ thuê tài chính	97.370.000.000	-	-	97.370.000.000
Phải trả khác	1.400.136.959	7.021.938.369	-	8.422.075.328
Cộng	476.571.671.686	7.021.938.369	-	483.593.610.055
	01/01/2025	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	546.434.963.852	-	-	546.434.963.852
Chi phí phải trả	163.648.370	-	-	163.648.370
Vay và nợ thuê tài chính	113.610.000.000	-	-	113.610.000.000
Phải trả khác	1.324.572.167	13.542.647.126	-	14.867.219.293
Cộng	661.533.184.389	13.542.647.126	-	675.075.831.515

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty kiểm soát được rủi ro thanh khoản ngắn hạn và tin tưởng có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2023	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.377.036.395	-	10.377.036.395
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	214.200.000.000	-	214.200.000.000
Phải thu khách hàng	271.714.562.647	-	271.714.562.647
Phải thu khác	6.696.001.001	1.443.722.565	8.139.723.566
Cộng	502.987.600.043	1.443.722.565	504.431.322.608
01/01/2023	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	102.984.958.005	-	102.984.958.005
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	277.451.084.494	-	277.451.084.494
Phải thu khách hàng	298.916.549.267	-	298.916.549.267
Phải thu khác	3.588.949.054	2.007.359.192	5.596.308.246
Cộng	682.941.540.820	2.007.359.192	684.948.900.012

35. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và các hoạt động phụ trợ khác liên quan trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

36. Cam kết thuê hoạt động

Đến thời điểm 31/12/2023, Công ty có các cam kết thuê hoạt động như sau:

Hợp đồng thuê lại đất số 93/HĐTLĐ ngày 15/06/2007, phụ lục hợp đồng số 09/2008/PLHĐTLĐ ngày 05/09/2008 và phụ lục hợp đồng số 10/PLHĐTLĐ ngày 18/12/2013 với Chi nhánh Công ty CP Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp tại tỉnh Quảng Nam về việc thuê 11.566 m² đất tại lô số 4 khu Công nghiệp Điện Nam Điện Ngọc, Phường Điện Bàn Đông, Tp. Đà Nẵng để xây dựng nhà máy sản xuất bình ga. Thời gian thuê: 32,5 năm (từ ngày 01/01/2014). Đơn giá thuê: 11.570 đồng/m²/năm. Phí sử dụng hạ tầng là 2.525 đồng/m²/năm. Công ty đã trả tiền thuê đất và tiền phí sử dụng hạ tầng đến ngày 30/06/2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

37. Cam kết bảo lãnh

a. Cam kết bảo lãnh của Bên liên quan

Ông Nguyễn Tiến Lăng và Bà Nguyễn Thị Bích Thùy dùng tài sản để thế chấp đảm bảo cho các khoản vay, bảo lãnh và phát hành L/C của Công ty như sau:

a.1. Tại Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng:

- Các Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất sau:
 - ✓ GCN số BE 048254 do UBND TP. Đà Nẵng cấp ngày 31/03/2011, thửa đất số 117, tờ bản đồ số: 110, địa chỉ tại 222 Tôn Đức Thắng, P. Hòa Khánh, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng;
 - ✓ GCN số CH 611184 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường TP Đà Nẵng cấp ngày 16/02/2017, thửa đất số 202, tờ bản đồ số 32, địa chỉ thửa đất: Lô B-13, Khu dân cư Nam sân bay, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng;
 - ✓ GCN số AE 723811 do UBND quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng cấp ngày 03/07/2006, thửa đất số 328, tờ bản đồ số: 41, địa chỉ thửa đất: Tô 8, P. Hòa Cường Bắc, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng (Số 391 Núi Thành);
 - ✓ GCN số BE 956301 do UBND TP. Đà Lạt cấp ngày 24/10/2011, thửa đất số 496, tờ bản đồ số 5 (C49 - I - (20a)), địa chỉ thửa đất: 67A Phước Thành (nay là ĐanKia), P. 7, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng;
 - ✓ GCN số CS 169561 do UBND TP. Đà Lạt cấp ngày 04/07/2019GCN, thửa đất số 695, tờ bản đồ số 3 (C49-I-(21a)), địa chỉ thửa đất: Đan Kia, P. 7, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.
- Các Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau:
 - ✓ GCN số CK 438882, số vào sổ cấp GCN CS003169 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Nam cấp ngày 29/12/2017, thửa đất số 437/14/1, tờ bản đồ số 7, địa chỉ thửa đất: Khối phố Hà My Đông B, P. Điện Dương, Tx. Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam;
 - ✓ GCN số DK 561703, số vào sổ cấp GCN VP05842 do Văn Phòng Đăng Ký Đất Đai Quảng Nam cấp ngày 05/10/2023, thửa đất số 873, tờ bản đồ số 7, địa chỉ thửa đất: Khối phố Hà My Đông A, P. Điện Dương, Tx. Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam;
 - ✓ GCN số DK 561704, số vào sổ cấp GCN VP05843 do Văn Phòng Đăng Ký Đất Đai Quảng Nam cấp ngày 05/10/2023, thửa đất số 874, tờ bản đồ số 7, địa chỉ thửa đất: Khối phố Hà My Đông A, P. Điện Dương, Tx. Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam;
 - ✓ GCN số CO 083796, số vào sổ cấp GCN CSH003758 do UBND thị xã Điện Bàn cấp ngày 10/10/2018, thửa đất số C10-2, tờ bản đồ số QH01, địa chỉ thửa đất: Khu dân cư thôn 1, P. Điện Dương, Tx. Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam;
 - ✓ GCN số DA 272755, số vào sổ cấp GCN CTs 217104 do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 31/03/2021, thửa đất số 177, tờ bản đồ số 11, địa chỉ thửa đất: 343A-343B Phan Châu Trinh, P. Phước Ninh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

a.2. Tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng:

- Các Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau:
 - ✓ GCN số BT 879950 do Sở tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 28/07/2014. Thửa đất số 227, tờ bản đồ số 11, địa chỉ: 351 Phan Châu Trinh, P. Bình Hiên, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng;
 - ✓ GCN số CK 117620 do Sở tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 03/08/2017. Thửa đất số 44, tờ bản đồ số 20, địa chỉ: Lô 01, Khu 2C, Khu TĐC Nại Hiên Đông, P. Nại Hiên Đông, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- ✓ GCN số DA 374117 do Sở tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 07/05/2021. Thửa đất số 320, tờ bản đồ số 55, địa chỉ Lô 12 Khu B2.6, KDC An Nhơn 1, P. An Hải Bắc, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng;
- ✓ GCN số DA 374116 do Sở tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 07/05/2021. Thửa đất số 319, tờ bản đồ số 55, địa chỉ: Lô 13 Khu B2.6, KDC An Nhơn 1, P. An Hải Bắc, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng;
- ✓ GCN số CP 875288 do Sở tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 28/02/2019. Thửa đất số 39, tờ bản đồ số 20, địa chỉ: Lô số 24B, KDC Thanh Lộc Đán A, đường Nguyễn Đức Trung, P. Thanh Khê Đông, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng;
- ✓ GCN số DG 246722 do Sở tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 11/08/2022. Thửa đất số 95, tờ bản đồ số 85, địa chỉ: 222A Nguyễn Lương Bằng, P. Hòa Khánh Bắc, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng.

a.3. Tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Đà Nẵng:

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau:
 - ✓ GCN số BD 879188 do UBND Quận Hải Châu cấp ngày 13/10/2010 tại thửa đất số 279, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: 139 Triệu Nữ Vương, P. Hải Châu 2, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

a.4. Tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Đà Nẵng

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau:
 - ✓ GCN số 499067, số vào sổ cấp GCN: CS 13407 do Sở tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 12/02/2019 (8G Hiệp Thành 17, P. Hiệp Thành, Q. 12, TP. Hồ Chí Minh).

a.5. Tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Quảng Nam

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau:
 - ✓ GCN số CT 599640 do Sở tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 24/03/2020 cho lô đất tại 580-582 Điện Biên Phủ, Q.Thanh Khê, TP Đà Nẵng.

b. Cam kết bảo lãnh của Bên thứ ba khác

Công ty CP Gas Thời Đại đang dùng tài sản để thế chấp đảm bảo cho các khoản vay, bảo lãnh và phát hành L/C của Công ty tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng như sau:

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau:
 - ✓ GCN số DC 913058, số vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất: CTs 225096 Sở tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 12/10/2021 (349+351 Nguyễn Hoàng, P.Bình Thuận, Q.Hải Châu, TP.Đà Nẵng);
 - ✓ GCN số CO 268792, số vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất: CTs 159613 Sở tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 23/05/2018 (334 Mai Chí Thọ, P.Hòa Xuân, Q.Cẩm Lệ, TP.Đà Nẵng);
 - ✓ GCN số BE 827136, số vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất: CH 01789 Sở tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 23/05/2018 (948 Nguyễn Lương Bằng, P.Hòa Hiệp Nam, Q.Liên Chiểu, TP.Đà Nẵng);
 - ✓ GCN số DA 380758, số vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất: CTs 222980 Sở tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 23/05/2018 (Thanh Huy 1, P.Thanh Khê Đông, Q.Thanh Khê, TP.Đà Nẵng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

38. Thông tin về các bên liên quan

a. Bên liên quan

	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Dầu khí V-Gas	Công ty con
Công ty Cổ phần Gas Miền Trung	Công ty con
Công ty TNHH Trung Nam (*)	Công ty con
Công ty TNHH MTV Gas Quảng Trị	Công ty con

(*) Công ty đã hoàn tất thủ tục thoái vốn tại Công ty con này kể từ ngày 31/12/2025.

b. Giao dịch trọng yếu phát sinh với bên liên quan trong kỳ

	Giao dịch	Năm 2025	Năm 2024
Công ty Cổ phần Dầu khí V-Gas	Bán hàng hóa	665.780.540.060	674.810.546.208
Công ty Cổ phần Gas Miền Trung	Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	678.508.551.530	960.916.865.019
	Phải thu lãi chậm thanh toán	6.963.449.313	6.394.520.548
Công ty TNHH MTV Gas Quảng Trị	Cung cấp dịch vụ	426.416.667	478.801.852

c. Tài sản của bên liên quan dùng để thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay, bảo lãnh và phát hành L/C của Công ty:

Trình bày tại thuyết minh số 37.a

d. Thủ lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

		Năm 2025		Năm 2024	
		Số đã trích	Số thực nhận	Số đã trích	Số thực nhận
Ông Nguyễn Tiến Lãng	Chủ tịch HĐQT	840.000.000	840.000.000	840.000.000	720.000.000
Bà Nguyễn Thị Bích Thùy	Thành viên HĐQT	300.000.000	240.000.000	240.000.000	240.000.000
Ông Lê Tấn Cán	Thành viên HĐQT	84.000.000	60.000.000	60.000.000	60.000.000
Ông Sato Ryoichi	Thành viên HĐQT	56.000.000	-	-	-
Ông Toshio Tatsuno	Thành viên HĐQT	-	105.666.667	105.666.667	120.000.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Bích	Trưởng BKS	21.600.000	21.600.000	21.600.000	21.600.000
Bà Lê Thị Hồng Trang	Thành viên BKS	18.000.000	18.000.000	18.000.000	18.000.000
Bà Trần Thị Quyên	Thành viên BKS	18.000.000	18.000.000	18.000.000	18.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

e. Thu nhập của thành viên quản lý chủ chốt

		Năm 2025	Năm 2024
Ông Nguyễn Tiến Lãng	Chủ tịch HĐQT	210.000.000	-
Ông Nguyễn Văn Trung	Tổng Giám đốc	424.000.000	203.000.000
	Bổ nhiệm ngày 14/05/2025		
	Phó Tổng Giám đốc		
	Miễn nhiệm ngày 14/05/2025		
Bà Nguyễn Thị Bích Thùy	Tổng Giám đốc	254.950.000	784.650.000
	Miễn nhiệm ngày 14/05/2025		
Bà Võ Thị Ánh Nguyệt	Phó Tổng Giám đốc	456.514.708	457.034.615
Ông Toshio Tatsuo	Phó Tổng Giám đốc	-	352.153.846
	Miễn nhiệm ngày 18/11/2024		
Bà Nguyễn Thị Linh Thường	Kế toán trưởng	489.376.631	493.921.468

39. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

40. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi AAC.

Người lập biểu

Hà Thị Hồng Nhung

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Linh Thường

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 03 năm 2026



Nguyễn Văn Trung



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**
Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG
Lô số 04, KCN Điện Nam – Điện Ngọc, Phường Điện Bàn Đông,
Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính hợp nhất	
• Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 46

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4000462724 ngày 09/05/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam (nay là Sở Tài chính TP. Đà Nẵng). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 23 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 30/09/2025.

Công ty đã niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) theo Quyết định số 491/QĐ-SGDHCM ngày 27/12/2017 với mã chứng khoán là PMG.

Vốn điều lệ: 463.362.780.000 đồng.

Vốn thực góp đến ngày 31/12/2025: 463.362.780.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Lô số 04, KCN Điện Nam – Điện Ngọc, Phường Điện Bàn Đông, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.
- Điện thoại: (84) 02353 947 233
- Fax: (84) 02353 947 244
- Website: <http://petrocenter.com.vn/>

Lĩnh vực kinh doanh chính:

Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.

Nhân sự

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|---------------------------|--------------------|------------------------------|
| • Ông Nguyễn Tiến Lãng | Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 10/06/2022 |
| • Bà Nguyễn Thị Bích Thủy | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 10/06/2022 |
| • Ông Lê Tấn Cẩm | Thành viên độc lập | Bổ nhiệm lại ngày 10/06/2022 |
| • Ông Sato Ryoichi | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 28/04/2025 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Kiểm soát

- | | | |
|---------------------------|------------|------------------------------|
| • Bà Nguyễn Thị Hồng Bích | Trưởng ban | Bổ nhiệm lại ngày 10/06/2022 |
| • Bà Lê Thị Hồng Trang | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 10/06/2022 |
| • Bà Trần Thị Quyên | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 10/06/2022 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|-----------------------------|-------------------|------------------------------|
| • Ông Nguyễn Văn Trung | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 14/05/2025 |
| | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/01/2022 |
| | | Miễn nhiệm ngày 14/05/2025 |
| • Bà Nguyễn Thị Bích Thủy | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 20/10/2020 |
| | | Miễn nhiệm ngày 14/05/2025 |
| • Bà Võ Thị Ánh Nguyệt | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 30/11/2016 |
| • Bà Nguyễn Thị Linh Thường | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 01/01/2021 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính hợp nhất này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Số 218 Đường 30/4, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dnng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu đo gian lận hoặc nhầm lẫn.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Trung

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 03 năm 2026



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Số 218 Đường 30/4, Phường Hoà Cường, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dong.vn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 424/2026/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất lập ngày 26/03/2026 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 46, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2023-010-1

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Nguyễn Văn Thiện – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3108-2025-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B 01-DN/HN
Ban hành theo TT số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		627.015.617.217	806.532.268.064
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		92.287.419.069	149.697.944.432
1. Tiền	111	5	92.287.419.069	89.697.944.432
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	60.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		214.200.000.000	277.451.084.494
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	214.200.000.000	277.451.084.494
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		254.408.701.423	309.844.573.110
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	291.180.171.168	346.931.131.822
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8.a	45.859.050.097	43.750.987.877
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	2.086.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9.a	21.387.169.877	24.427.779.952
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(104.027.689.719)	(107.351.326.541)
IV. Hàng tồn kho	140		47.430.424.830	40.095.163.014
1. Hàng tồn kho	141	11	47.430.424.830	40.095.163.014
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	11	-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		18.689.071.895	29.443.503.014
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.a	4.131.645.262	4.912.105.975
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		13.658.771.209	23.174.073.256
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		898.655.424	1.357.323.783
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		893.475.853.399	966.255.957.815
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		16.883.999.862	20.042.850.626
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	8.b	9.426.027.135	11.053.241.535
2. Phải thu dài hạn khác	216	9.b	7.457.972.727	8.989.609.091
II. Tài sản cố định	220		401.762.977.860	441.318.250.627
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	401.762.977.860	441.318.250.627
- Nguyên giá	222		779.089.994.564	782.672.603.994
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(377.327.016.704)	(341.354.353.367)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	-	-
- Nguyên giá	228		2.818.181.818	2.818.181.818
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.818.181.818)	(2.818.181.818)
III. Bất động sản đầu tư	230	15	115.116.729.959	94.083.370.558
- Nguyên giá	231		115.183.344.035	94.327.181.818
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(66.614.076)	(243.811.260)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.223.197.455	1.644.265.260
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	2.223.197.455	1.644.265.260
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		357.488.948.263	409.167.220.744
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.b	326.626.420.491	377.704.734.736
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	30.197.268.062	30.265.018.526
3. Lợi thế thương mại	269	18	665.259.710	1.197.467.482
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.520.491.470.616	1.772.788.225.879

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		829.448.794.904	1.103.976.293.390
I. Nợ ngắn hạn	310		775.946.190.652	1.034.870.658.607
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	390.562.321.838	557.449.988.114
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	20	2.419.400.654	4.687.853.613
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	21	6.314.931.044	9.253.316.139
4. Phải trả người lao động	314		4.706.760.866	4.795.388.880
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	22	174.489.908	237.538.961
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		650.000.000	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	23.a	1.490.580.830	1.678.867.388
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	24	369.470.000.000	456.610.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		157.705.512	157.705.512
II. Nợ dài hạn	330		53.502.604.252	69.105.634.783
1. Phải trả dài hạn khác	337	23.b	45.698.130.259	59.509.096.211
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		7.804.473.993	9.596.538.572
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		691.042.675.712	668.811.932.489
I. Vốn chủ sở hữu	410		691.042.675.712	668.811.932.489
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	25	463.362.780.000	463.362.780.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		463.362.780.000	463.362.780.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	25	(28.339.185.413)	(49.000.567.997)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(49.000.567.997)	(73.787.873.970)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		20.661.382.584	24.787.305.973
3. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	26	256.019.081.125	254.449.720.486
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.520.491.470.616	1.772.788.225.879

Người lập biểu

Hà Thị Hồng Nhung

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Linh Thường

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 03 năm 2026



Nguyễn Văn Trung

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH HỢP NHẤT**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 02-DN/HN
Ban hành theo TT số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	1.783.344.963.271	2.055.746.202.576
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	25.761.015.087	31.072.246.255
3. Doanh thu thuần về bán hàng và c.cấp dịch vụ	10		1.757.583.948.184	2.024.673.956.321
4. Giá vốn hàng bán	11	30	1.474.553.701.800	1.728.483.841.133
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và c.cấp dịch vụ	20		283.030.246.384	296.190.115.188
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	15.494.045.333	19.052.898.919
7. Chi phí tài chính	22	32	21.416.284.586	24.268.832.972
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		21.380.973.086	24.179.392.052
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty i.doanh, l.kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	33.a	214.822.648.286	220.487.203.375
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33.b	44.810.227.771	41.959.875.377
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		17.475.131.074	28.527.102.383
12. Thu nhập khác	31	34	19.020.260.727	20.024.981.676
13. Chi phí khác	32	35	5.827.909.277	8.449.506.424
14. Lợi nhuận khác	40		13.192.351.450	11.575.475.252
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		30.667.482.524	40.102.577.635
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		7.768.593.784	9.448.955.928
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(1.724.314.115)	(829.243.185)
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		24.623.202.855	31.482.864.892
18.1. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		20.661.382.584	24.787.305.973
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		3.961.820.271	6.695.558.919
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	446	535
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	36	446	535

Người lập biểu

Hà Thị Hồng Nhung

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Linh Thương

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 03 năm 2026



Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Trung

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 03-DN/HN
Ban hành theo TT số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		30.667.482.524	40.102.577.635
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT, LTTM	02		45.234.687.977	45.281.709.073
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(14.567.593.843)	(15.492.861.043)
- Chi phí lãi vay	06		21.380.973.086	24.179.392.052
3. LN từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động	08		82.715.549.744	94.070.817.717
- Tăng giảm các khoản phải thu	09		69.783.939.604	23.402.214.737
- Tăng giảm hàng tồn kho	10		(7.335.261.816)	(7.194.196.359)
- Tăng giảm các khoản phải trả (Không kể trả lãi vay, thuế thu nhập phải nộp)	11		(177.472.418.404)	44.969.967.442
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		51.805.281.841	27.042.266.985
- Tiền lãi vay đã trả	14		(21.415.930.457)	(25.338.646.660)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(10.562.441.129)	(12.129.084.195)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(12.481.280.617)	144.823.339.667
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(32.667.336.221)	(14.800.493.648)
2. Tiền thu từ TLý nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		1.119.191.917	459.851.090
3. Tiền chi cho vay mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(228.200.000.000)	(345.803.244.697)
4. Tiền thu hồi cho vay bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		291.451.084.494	349.353.322.943
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		(4.611.414.359)	-
6. Tiền thu lãi cho vay cổ tức và lợi nhuận được chia	27		15.119.229.423	15.430.497.270
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		42.210.755.254	4.639.932.958
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		1.338.470.000.000	1.954.650.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.425.610.000.000)	(2.030.973.600.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(87.140.000.000)	(76.323.600.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(57.410.525.363)	73.139.672.625
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		149.697.944.432	76.558.271.807
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		92.287.419.069	149.697.944.432

Người lập biểu

Hà Thị Hồng Nhung

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Linh Thương

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 03 năm 2026



Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Trung

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

1.1 Khái quát chung

Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4000462724) ngày 09/05/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam (Nay là Sở Tài chính TP. Đà Nẵng). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 23 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 30/09/2025.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh chính:

Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.

1.3 Cấu trúc Công ty

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bao gồm Công ty mẹ và các Công ty con (sau đây gọi chung là “Công ty”). Tất cả các công ty con đã được hợp nhất vào Báo cáo tài chính hợp nhất. Ngoài ra, không có công ty con nào bị loại khỏi quá trình hợp nhất.

Danh sách các Công ty con được hợp nhất (gồm 4 công ty)

> Công ty Cổ phần Dầu khí V - Gas

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 1A/8 Đường Châu Văn Lông, KP Long Diêm, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.
- Vốn điều lệ: 225.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

> Công ty Cổ phần Gas Miền Trung

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô số 6, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, Phường Điện Bàn Đông, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.
- Vốn điều lệ: 327.272.730.000 đồng.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51%.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

> Công ty TNHH Trung Nam (hoàn tất thoái vốn kể từ ngày 31/12/2025)

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 8G khu phố II, Phường Tân Thới Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.
- Vốn điều lệ: 15.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 65%.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 65%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

> Công ty TNHH MTV Gas Quảng Trị

- Địa chỉ trụ sở chính: Khu công nghiệp Nam Đông Hà, Phường Nam Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.
- Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51%.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ dùng để ghi số kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập tuân thủ theo quy định của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Các nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

4.1.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con.

Công ty con là doanh nghiệp do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của công ty này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty trong cùng Công ty.

Việc thoái vốn của Công ty mẹ tại công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Nếu thoái vốn mà mất quyền kiểm soát thì các khoản lãi, lỗ phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Loại trừ các giao dịch nội bộ

Các số dư, giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa các công ty trong cùng Công ty với nhau bị loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4.1.2 Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

4.1.3 Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Giá trị lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất, gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua; lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty, được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con và được trình bày là một chỉ tiêu riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.2 Chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Riêng các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Phải thu về cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.5 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 30
Máy móc, thiết bị	5 – 20
Phương tiện vận tải	6 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 8
Tài sản cố định hữu hình khác	5 -15

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.8 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp để có được quyền sử dụng đất hợp pháp.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Công ty.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Thương hiệu sản phẩm	3

4.9 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Riêng các bất động sản đầu tư chờ tăng giá để bán được phản ánh theo giá ghi sổ sau khi trừ đi phần tổn thất do giảm giá trị.

Chính sách khấu hao bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện nhất quán với chính sách khấu hao tài sản cố định cùng loại của Công ty. Theo đó, bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Quyền sử dụng đất lâu dài	Không trích khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	20

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.10 Thuế tài sản

Thuế hoạt động là việc thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán tiền thuê dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

4.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm;
- Tiền thuê đất và các chi phí liên quan đến thuê đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng thời gian thuê;
- Chi phí vô bình, chi phí kiểm định vô bình được phân bổ dần vào kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian lần lượt tương ứng là 10 năm và 5 năm;
- Chi phí bảo hiểm được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của Hợp đồng bảo hiểm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế dự kiến tạo ra.

4.12 Thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời ngoại trừ các khoản chênh lệch tạm thời phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Thuế TNDN hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế TNDN hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán sao cho đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận này.

Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ nếu khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế và chênh lệch tạm thời được khấu trừ liên quan đến cùng một đối tượng nộp thuế và được quyết toán với cùng một cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.13 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.14 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.15 Vay và nợ phải trả thuế tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuế tài chính được phân ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuế tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.16 Doanh thu chưa thực hiện

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.17 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.18 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.19 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.20 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.21 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.22 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.23 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính hợp nhất.

4.24 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.25 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng: Áp dụng thuế suất thuế GTGT là 10% đối với khí hóa lỏng LPG. Các hàng hóa, dịch vụ khác chịu thuế suất theo quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Từ ngày 01/07/2025 đến 31/12/2025, khí đốt hóa lỏng LPG được giảm thuế suất thành 8% theo Nghị định 174/2025/NĐ-CP ngày 30/06/2025 của Chính phủ.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng thuế suất 20%.

Riêng đối với thu nhập phát sinh từ dự án Kho chứa – Chiết nạp tại Khu công nghiệp Hậu cần Cảng Tam Hiệp, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam (thuộc Công ty CP Gas Miền Trung) được hưởng mức thuế suất thuế TNDN 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đầu tư có doanh thu. Miễn thuế TNDN 4 năm và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế. Năm 2019 là năm đầu tiên Dự án có doanh thu. Năm 2025 là năm đầu tiên Công ty CP Gas Miền Trung phát sinh thu nhập chịu thuế từ dự án. Ưu đãi nêu trên áp dụng theo diện dự án đầu tư mới tại địa bàn có kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, Giấy chứng nhận đầu tư (mã số dự án 333321000130) cấp ngày 10/04/2015 và được điều chỉnh lần thứ nhất vào ngày 16/11/2015.

- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.26 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	31/12/2025	01/01/2025
Tiền mặt	6.918.901.221	5.299.505.277
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	85.368.517.848	84.398.439.155
Cộng	92.287.419.069	89.697.944.432

6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	214.200.000.000	214.200.000.000	277.451.084.494	277.451.084.494
Cộng	214.200.000.000	214.200.000.000	277.451.084.494	277.451.084.494

Tại ngày 31/12/2025, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng trên 3 tháng. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các khoản tiền gửi này không bị tổn thất, suy giảm về giá trị. Tất cả các khoản tiền gửi này đang được cầm cố, thế chấp để đảm bảo các khoản vay, bảo lãnh và phát hành L/C tại Ngân hàng TMCP Nam A – CN Đà Nẵng và Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam – CN Đà Nẵng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2025	01/01/2025
Công ty TNHH MTV Bán lẻ Gas Miền Trung	84.045.052.336	84.045.052.336
Các đối tượng khác	207.135.118.832	262.886.079.486
Cộng	291.180.171.168	346.931.131.822

(*) Trong tổng số các khoản nợ phải thu khách hàng tại 31/12/2025, có 239.372.377.250 đồng là các khoản phải thu khách hàng tại Công ty CP Gas Miền Trung và Công ty và CP Dầu khí V-Gas đã được cầm cố, đảm bảo nợ vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam.

8. Trả trước cho người bán

a. Ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Trả trước tiền mua cổ phần (*)	34.738.200.000	34.738.200.000
- Bà Nguyễn Thị Thanh Trang	20.597.727.272	20.597.727.272
- Bà Ngô Thị Sạch	4.349.009.092	4.349.009.092
- Ông Bùi Công Dương	3.672.000.000	3.672.000.000
- Các đối tượng còn lại	6.119.463.636	6.119.463.636
Công ty CP Công nghệ Checkee	1.264.410.000	-
Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG	1.500.000.000	-
Công ty CP Gas Phúc Tín (**)	853.541.280	819.177.643
Các đối tượng khác	7.512.898.817	8.193.610.234
Cộng	45.869.050.097	43.750.987.877

(*) Công ty CP Gas Miền Trung (Công ty con) đã trả trước 90% tiền mua 99% cổ phần của Công ty CP Thương mại và Dịch vụ An Thăng Mai, Công ty CP Hà Hương Phát và Công ty CP Gas Đại Sự theo các hợp đồng số 01/2023-HĐCNCP, 02/2023-HĐCNCP, 03/2023-HĐCNCP, 04/2023-HĐCNCP, 05/2023-HĐCNCP, 06/2023-HĐCNCP, 07/2023-HĐCNCP, 08/2023-HĐCNCP và 09/2023-HĐCNCP ngày 10/08/2023. Thời gian hoàn tất việc chuyển nhượng cổ phần là quý 1/2024. Ngày 31/12/2025, Gas Miền Trung và các bên chuyển nhượng đã ký các Phụ lục hợp đồng điều chỉnh thời gian hoàn tất chuyển nhượng trong quý 2/2026.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Dài hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Công ty CP Gas Phúc Tín (**)	9.426.027.135	11.053.241.535
Cộng	9.426.027.135	11.053.241.535

(**) Là khoản tiền thuê vỏ bình mà Công ty CP Dầu khí V-Gas trả trước cho Công ty CP Gas Phúc Tín theo các hợp đồng thuê vỏ bình có thời hạn 15 năm từ năm 2023. Số tiền trả trước chiếm 60% giá trị hợp đồng và sẽ được trừ dần vào tiền thuê vỏ bình hàng tháng.

9. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	3.695.710.683	-	3.588.949.054	-
Ký cược, ký quỹ	4.561.500.000	-	1.560.000.000	-
- Nguyễn Xuân Tú và Nguyễn Thị Thuận (*)	3.000.000.000	-	-	-
- Công ty CP Gas Phúc Tín (***)	1.560.000.000	-	1.560.000.000	-
- Các đối tượng còn lại	1.500.000	-	-	-
Công ty TNHH SCT Gas Việt	771.927.748	(771.927.748)	771.927.748	(771.927.748)
Tạm ứng	2.569.277.448	-	8.867.718.580	-
Công ty CP Kinh doanh khí Miền Nam - CN Miền Trung (**)	9.437.500.000	-	9.437.500.000	-
Phải thu khác	351.253.998	-	201.684.570	-
Cộng	21.387.169.877	(771.927.748)	24.427.779.952	(771.927.748)

(*) Là tiền đặt cọc để nhận chuyển nhượng quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất theo GCN số 7936 do UBND TP. Đà Nẵng cấp ngày 31/05/2000, thửa đất số 69, tờ bản đồ số 25, địa chỉ 72 (số cũ 22A) Lê Duẩn, P. Thạch Thang, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng theo hợp đồng đặt cọc ngày 12/12/2025. Giá trị khoản đặt cọc theo hợp đồng là 3.000.000.000 đồng. Bên bán cam kết trong vòng 30 ngày kể từ ngày 12/12/2025 đến ngày 12/01/2026 sẽ cùng Công ty thực hiện thủ tục công chứng chuyển nhượng tại cơ quan có thẩm quyền.

(**) Là khoản tiền Công ty CP Gas Miền Trung (Công ty con) đã ký quỹ cho Công ty CP Kinh doanh Khí Miền Nam – Chi nhánh Miền Trung (gọi tắt là “Kinh doanh Khí Miền Nam”) liên quan đến 53.981 vỏ bình gas loại 12kg và 1.000 vỏ bình gas loại 45kg của nhãn hiệu PETROVIETNAM GAS theo Hợp đồng tổng đại lý bao tiêu Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) số 11/2019/CNMTr-MIENTRUNG/B2-A ngày 01/04/2019 và các hợp đồng/tài liệu có liên quan. Hợp đồng số 11/2019/CNMTr-MIENTRUNG/B2-A ngày 01/04/2019 có thời hạn từ 01/04/2019 đến 31/03/2021 và không được các bên tiếp tục gia hạn.

Hiện nay, Công ty CP Kinh doanh Khí Miền Nam đã khởi kiện Công ty để đòi lại số vỏ bình nêu trên. Ngày 09/03/2023, Tòa án Nhân dân Thị xã Điện Bàn đã có phiên sơ thẩm và có Bản án số 03/2023/KDTM-ST về việc “Tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng tổng đại lý bao tiêu khí dầu mỏ hóa lỏng”. Ngày 22/08/2023, Tòa án Nhân dân Tỉnh Quảng Nam đã phúc thẩm và có Bản án số 06/2023/KDTM-PT. Theo

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

đó, Bản án phúc thẩm buộc Công ty Gas Miền Trung phải trả cho Kinh doanh Khí Miền Nam 53.981 vỏ bình gas loại 12kg và 1.000 vỏ bình gas loại 45kg nhãn hiệu PETROVIETNAM GAS hoặc quy đổi ra trị giá bằng tiền là 28.590.500.000 đồng (nếu không trả được bằng vỏ bình); Sau khi trừ số tiền Công ty đã ký quỹ 9.437.500.000 đồng thì Công ty CP Gas Miền Trung còn phải trả cho Công ty CP Kinh doanh Khí Miền Nam là 19.153.000.000 đồng.

Tuy nhiên, Công ty CP Gas Miền Trung cho rằng yêu cầu khởi kiện của Kinh doanh khí Miền Nam là không đúng nội dung của hợp đồng và không đúng quy định của pháp luật về kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng. Đồng thời, Kinh doanh khí Miền Nam không phải là chủ sở hữu của các vỏ bình nêu trên và không còn được Tổng Công ty Khí Việt Nam cho sử dụng các nhãn hiệu này; Do đó, Công ty CP Gas Miền Trung không thể trả vỏ bình cho Kinh doanh khí Miền Nam. Công ty CP Gas Miền Trung đã gửi văn bản đề nghị cấp có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm.

Ngày 08/12/2023, Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã ra Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 05/QĐ-VC2-KDTM đối với Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 06/2023/KDTM-PT, cụ thể:

- Đề nghị Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử hủy một phần Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 06/2023/KDTM-PT của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam và Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2023/KDTM-ST của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm;
- Tạm đình chỉ thi hành Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 06/2023/KDTM-PT ngày 22/08/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam cho đến khi có Quyết định giám đốc thẩm.

Ngày 27/01/2024, Tòa án Nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã ra quyết định giám đốc thẩm số 01/2024/KDTM-GĐT chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 05/QĐ-VC2-KDTM ngày 08/12/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng. Theo đó, hủy toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 06/2023/KDTM-PT ngày 22/08/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam và Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2023/KDTM-ST ngày 09/03/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam; Đồng thời chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam để xét lại theo thủ tục sơ thẩm theo đúng quy định của pháp luật.

Đến thời điểm hiện nay, Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam chưa tiến hành xét xử sơ thẩm lại.

b. Dài hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	7.457.972.727	-	8.989.609.091	-
- Công ty CP Gas Phúc Tín (***)	7.367.272.727	-	8.921.409.091	-
- Các đối tượng còn lại	90.700.000	-	68.200.000	-
Cộng	7.457.972.727	-	8.989.609.091	-

(***) Ngày 01/04/2019, Công ty CP Dầu khí V-Gas đã ký hợp đồng số 01/HĐTTS với Công ty CP Gas Phúc Tín về việc thuê hệ thống dây chuyền sản xuất vỏ bình gas. Số tiền đặt cọc là 20.000.000.000 đồng và sẽ trừ dần vào tiền thuê tài sản hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

a. Biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi trong năm

	Năm 2025	Năm 2024
Số dư dự phòng phải thu đầu năm	(107.351.326.541)	(107.351.326.541)
Dự phòng trích trong năm	-	-
Giảm do xử lý nợ	2.638.510.997	-
Giảm do chấm dứt hợp nhất	685.125.825	-
Số dư dự phòng phải thu cuối năm	(104.027.689.719)	(107.351.326.541)

b. Nợ xấu

	31/12/2025		01/01/2025		Thời gian quá hạn	Ghi chú
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		
Phải thu khách hàng	103.255.761.971	-	106.579.398.793	-		
- Công ty TNHH MTV Bán lẻ Gas	84.045.052.336	-	84.045.052.336	-	- Trên 3 năm	Quá hạn thanh toán
- Các đối tượng khác	19.210.709.635	-	22.534.346.457	-	- Trên 3 năm	Quá hạn thanh toán
Phải thu khác	771.927.748	-	771.927.748	-	- Trên 3 năm	Quá hạn thanh toán
Cộng	104.027.689.719	-	107.351.326.541	-		

11. Hàng tồn kho

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.829.383.956	-	10.184.432.312	-
Công cụ, dụng cụ	8.621.886.144	-	1.834.970.773	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	880.622.771	-	1.423.968.854	-
Thành phẩm	143.286.078	-	318.516.788	-
Hàng hóa	33.955.245.881	-	26.333.274.287	-
Cộng	47.430.424.830	-	40.095.163.014	-

(*) Trong tổng hàng tồn kho tại 31/12/2025, có 46.409.820.975 đồng giá trị hàng tồn kho tại Công ty CP Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung, Công ty CP Gas Miền Trung và Công ty CP Dầu khí V Gas đã được cầm cố, thế chấp để đảm bảo các khoản vay, bảo lãnh và phát hành L/C tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hội An.

- Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất tại ngày 31/12/2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.394.520.428	1.580.558.653
Chi phí bảo hiểm	695.784.310	775.794.470
Phí bảo lãnh, phí ngân hàng	351.065.097	573.673.810
Chi phí trả trước khác	1.690.275.427	1.982.079.042
Cộng	4.131.645.262	4.912.105.975

b. Dài hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Chi phí kiểm định vô hình	4.150.546.600	4.823.620.415
Chi phí quyền khai thác kinh doanh (i)	6.187.636.570	7.446.138.922
Chi phí vô hình phân bổ	279.783.602.875	326.797.670.200
Chi phí bảo dưỡng vô hình	9.065.009.089	11.749.163.325
Tiền thuê đất (ii)	14.977.524.395	15.534.987.659
Chi phí dài hạn chờ phân bổ khác	12.462.100.962	11.353.154.215
Cộng	326.626.420.491	377.704.734.736

(i) Là chi phí mà Công ty CP Dầu khí V-Gas (Công ty con) phải trả để nhận lại quyền kinh doanh trực tiếp với các đại lý của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Lê Thiên Phú tại địa bàn Bà Rịa – Vũng Tàu theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền kinh doanh, quyền quản lý, khai thác khách hàng số 09/2020/HĐV GASĐX-LTP ngày 25/09/2020. Thời gian phân bổ là 10 năm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/09/2022/NQ-VGas ngày 01/09/2022.

(ii) Tiền thuê đất tại ngày 31/12/2025 bao gồm:

Địa điểm	Thời hạn (năm)	Thời gian kết thúc	Diện tích (m ²)	Số tiền
Phường Điện Bàn Đông, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	10	30/06/2027	11.556	220.371.450
- Lô số 6 KCN Điện Nam - Điện Ngọc, Phường Điện Bàn Đông, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	15	31/12/2035	3.150	511.949.666
- Lô số 6 KCN Điện Nam - Điện Ngọc, Phường Điện Bàn Đông, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	25	23/10/2046	980	329.671.020
- KCN Hậu cần cảng Tam Hiệp, xã Tam Hiệp, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	50	15/06/2066	48.980	13.915.532.259
Cộng				14.977.524.395

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	133.794.585.853	545.083.439.445	101.644.987.378	801.428.136	1.348.163.182	782.672.603.994
Phần loại lại	-	(124.500.000)	124.500.000	-	-	-
Tăng trong năm	152.122.500	2.708.614.700	3.674.545.519	-	-	6.535.282.719
Thanh lý, nhượng bán	-	-	3.283.634.703	-	-	3.283.634.703
Giảm do hợp nhất	-	615.202.900	6.219.054.546	-	-	6.834.257.446
Số cuối năm	133.946.708.353	547.052.351.245	95.941.343.648	801.428.136	1.348.163.182	779.089.994.564
Khấu hao						
Số đầu năm	42.129.937.681	246.126.389.207	51.571.845.160	518.036.992	1.008.144.327	341.354.353.367
Phần loại lại	-	(3.387.530)	3.387.530	-	-	-
Khấu hao trong năm	5.634.432.944	30.750.983.950	8.119.869.893	59.648.220	46.549.996	44.611.485.003
Thanh lý, nhượng bán	-	-	2.156.237.548	-	-	2.156.237.548
Giảm do hợp nhất	-	480.045.000	6.002.539.118	-	-	6.482.584.118
Số cuối năm	47.764.370.625	276.393.940.627	51.536.325.917	577.685.212	1.054.694.323	377.327.016.704
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	91.664.648.172	298.957.050.238	50.073.142.218	283.391.144	340.018.855	441.318.250.627
Số cuối năm	86.182.337.728	270.658.410.618	44.405.017.731	223.742.924	293.468.859	401.762.977.860

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2025 là 262.438.313.949 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 49.977.181.359 đồng.

14. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình tại ngày 31/12/2025 của Công ty là các nhãn hiệu hàng hóa đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 2.818.181.818 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm (*)	93.351.936.778	975.245.040	94.327.181.818
Mua sắm trong năm (**)	17.425.000.000	820.000.000	18.245.000.000
Đ/tr XDCB h/thành (*)	-	3.586.407.257	3.586.407.257
Tháo dỡ (*)	-	975.245.040	975.245.040
Số cuối năm	110.776.936.778	4.406.407.257	115.183.344.035
Khấu hao			
Số đầu năm	-	243.811.260	243.811.260
Khấu hao trong năm	-	90.995.202	90.995.202
Tháo dỡ	-	268.192.386	268.192.386
Số cuối năm	-	66.614.076	66.614.076
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	93.351.936.778	731.433.780	94.083.370.558
Số cuối năm	110.776.936.778	4.339.793.181	115.116.729.959

(*) Là các quyền sử dụng đất lâu dài và nhà ở tại số 68-74-76 Lê Duẩn, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng. Tại ngày 31/12/2025, các tài sản này đang được cho thuê dài hạn;

(**) Là quyền sử dụng đất lâu dài và nhà ở tại số 70 Lê Duẩn, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, hiện đang sửa chữa để cho thuê.

Tại 31/12/2025, tất cả các bất động sản đầu tư nêu trên đã được cầm cố, thế chấp để đảm bảo cho các khoản nợ vay, bảo lãnh và phát hành L/C tại Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam – CN Đà Nẵng và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Hội An.

16. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2025	01/01/2025
Hệ thống bồn chứa LPG	983.016.111	983.016.111
Chi phí xây dựng cơ bản khác	1.240.181.344	661.249.149
Cộng	2.223.197.455	1.644.265.260

17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2025	01/01/2025
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	30.197.268.062	30.265.018.526
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30.197.268.062	30.265.018.526

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. Lợi thế thương mại

	Năm 2025	Năm 2024
Giá trị đầu năm	1.197.467.482	1.734.023.586
Phân bổ trong năm	532.207.772	536.556.104
Giá trị cuối năm	665.259.710	1.197.467.482

19. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
CN Tổng Công ty Kinh doanh Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí	377.436.232.055	499.530.145.007
Các đối tượng khác	13.126.089.783	57.919.843.107
Cộng	390.562.321.838	557.449.988.114

20. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Công ty TNHH Vina Foods Kyoei - CN Đà Nẵng	781.516.200	718.345.000
Các đối tượng khác	1.637.884.454	3.969.508.613
Cộng	2.419.400.654	4.687.853.613

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***24. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Giảm do hợp nhất	Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp				Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT	-	412.753.153	4.272.419.011	3.741.420.318	(30.817.619)	-	912.934.227
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.284.454.995	8.638.573.270	7.768.593.784	10.562.441.129	-	814.310.084	5.374.581.014
Thuế thu nhập cá nhân	72.868.788	27.462.081	585.931.198	596.966.572	(487.456)	84.345.340	27.415.803
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	2.890.224.406	2.890.224.406	-	-	-
Các loại thuế khác	-	174.527.635	1.926.963.223	2.101.219.793	(271.065)	-	-
Cộng	1.357.323.783	9.253.316.139	17.444.131.622	19.892.272.218	(31.576.140)	898.655.424	6.314.931.044

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. Chi phí phải trả

	31/12/2025	01/01/2025
Chi phí lãi vay	153.164.109	188.121.480
Các khoản trích trước khác	21.325.799	49.417.481
Cộng	174.489.908	237.538.961

23. Phải trả khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Kinh phí công đoàn, BHXH	17.639.800	17.324.200
Thủ lao HĐQT, BKS	1.337.600.000	1.303.266.667
Các khoản phải trả, phải nộp khác	135.341.030	358.276.521
Cộng	1.490.580.830	1.678.867.388

b. Dài hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	45.698.130.259	59.509.096.211
Cộng	45.698.130.259	59.509.096.211

24. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hội An	391.110.000.000	2.243.020.000.000	2.432.030.000.000	202.100.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Quảng Nam	65.500.000.000	350.070.000.000	288.200.000.000	127.370.000.000
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	-	79.490.000.000	79.490.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	-	158.090.000.000	118.090.000.000	40.000.000.000
Cộng	456.610.000.000	2.830.670.000.000	2.917.810.000.000	369.470.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2024	463.362.780.000	(73.787.873.970)
Tăng trong năm	-	24.787.305.973
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2024	463.362.780.000	(49.000.567.997)
Số dư tại 01/01/2025	463.362.780.000	(49.000.567.997)
Tăng trong năm	-	20.661.382.584
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2025	463.362.780.000	(28.339.185.413)

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2025	Năm 2024
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	463.362.780.000	463.362.780.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	463.362.780.000	463.362.780.000
Cổ tức đã chia	-	-

c. Cổ phiếu

	31/12/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	46.336.278	46.336.278
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	46.336.278	46.336.278
- Cổ phiếu phổ thông	46.336.278	46.336.278
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	46.336.278	46.336.278
- Cổ phiếu phổ thông	46.336.278	46.336.278
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2025	Năm 2024
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	(49.000.567.997)	(73.787.873.970)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay	20.661.382.584	24.787.305.973
Phân phối lợi nhuận	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối năm	(28.339.185.413)	(49.000.567.997)

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 28/04/2025 quyết định không phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024.

e. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 28/04/2025 đã quyết định không chia cổ tức.

26. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

	Năm 2025	Năm 2024
Lợi ích cổ đông không kiểm soát đầu năm	254.449.720.486	247.754.161.567
Lợi ích cổ đông không kiểm soát tăng trong năm	3.961.820.271	6.695.558.919
- Tăng từ kết quả kinh doanh trong năm	3.961.820.271	6.695.558.919
Lợi ích cổ đông không kiểm soát giảm trong năm	2.392.459.632	-
- Giảm do hợp nhất	2.392.459.632	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát cuối năm	256.019.081.125	254.449.720.486

27. Tài sản ngoài bảng

a. Vô bình của đối tác

	31/12/2025	01/01/2025
Vô bình gas các loại (cái)	55.322	55.322
- Vô bình 12 kg	54.322	54.322
- Vô bình 45 kg	1.000	1.000

Đây là vô bình của đối tác (là các Công ty kinh doanh ga) được Công ty nhận về phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Hoạt động kinh doanh ga có đặc điểm là vô bình luôn được luân chuyển, xoay vòng giữa kho và các đại lý của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2025	01/01/2025
Công ty Luật TNHH MTV Khởi Minh	90.000.000	-
Công ty TNHH Điện tử - Tự động Nam Lộc	15.000.000	-

28. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2025	Năm 2024
Doanh thu bán hàng hóa	1.767.188.239.573	2.022.630.036.163
Doanh thu khác	16.156.723.698	33.116.166.413
Cộng	1.783.344.963.271	2.055.746.202.576

29. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2025	Năm 2024
Chiết khấu thương mại	25.761.015.087	31.072.246.255
Cộng	25.761.015.087	31.072.246.255

30. Giá vốn hàng bán

	Năm 2025	Năm 2024
Giá vốn bán hàng hóa	1.467.799.874.196	1.702.762.752.553
Giá vốn khác	6.753.827.604	25.721.088.580
Cộng	1.474.553.701.800	1.728.483.841.133

31. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025	Năm 2024
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	15.225.991.052	15.447.406.498
Lãi từ chuyển nhượng khoản đầu tư vào Công ty con	56.860.683	-
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	-	3.605.492.421
Lãi chậm thanh toán	211.193.598	-
Cộng	15.494.045.333	19.052.898.919

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. Chi phí tài chính

	Năm 2025	Năm 2024
Chi phí lãi vay	21.380.973.086	24.179.392.052
Lỗi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	35.311.500	89.440.920
Cộng	21.416.284.586	24.268.832.972

33. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng

	Năm 2025	Năm 2024
Chi phí nhân viên bán hàng	35.080.518.372	33.415.610.464
Chi phí vỏ bình phân bố, thương hiệu	80.742.110.171	89.186.908.562
Chi phí khấu hao tài sản cố định	35.403.552.941	35.366.277.346
Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	24.216.913.620	22.996.969.463
Các khoản khác	39.379.553.182	39.521.437.540
Cộng	214.822.648.286	220.487.203.375

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025	Năm 2024
Chi phí nhân viên quản lý	23.653.188.616	22.862.343.374
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.214.096.761	6.145.442.094
Phân bổ lợi thế thương mại	532.207.772	536.556.104
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.479.406.878	3.180.300.548
Các khoản khác	8.931.327.744	9.235.233.257
Cộng	44.810.227.771	41.959.875.377

34. Thu nhập khác

	Năm 2025	Năm 2024
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	45.454.545
Phân bổ tiền nhận ký cược vỏ bình gas	18.975.378.319	19.945.261.998
Các khoản thu nhập khác	44.882.408	34.265.133
Cộng	19.020.260.727	20.024.981.676

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

35. Chi phí khác

	Năm 2025	Năm 2024
Giá trị còn lại tài sản cố định tháo dỡ	707.052.654	-
Chi phí hoàn cược vỏ	345.550.047	2.540.768.865
Phân bổ tiền đặt cược vỏ bình gas không được hoàn	2.820.820.989	2.707.249.046
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	8.205.238	-
Chi hỗ trợ, ủng hộ	340.000.000	-
Chi phí khác	1.606.280.349	3.201.488.513
Cộng	5.827.909.277	8.449.506.424

36. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2025	Năm 2024
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	20.661.382.584	24.787.305.973
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	20.661.382.584	24.787.305.973
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	46.336.278	46.336.278
Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu	446	535

37. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025	Năm 2024
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.111.488.788	14.919.275.520
Chi phí nhân công	61.103.838.460	59.752.360.645
Chi phí khấu hao tài sản cố định	45.234.687.977	45.281.709.073
Chi phí dịch vụ mua ngoài	124.800.811.593	123.176.508.140
Chi phí khác bằng tiền	35.110.600.685	60.982.454.944
Cộng	277.361.427.503	304.112.308.322

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

38. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng việc ra các quyết định quan trọng phụ thuộc chủ yếu vào việc cung cấp sản phẩm theo khu vực địa lý. Do đó, Công ty trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý, cụ thể:

- ❖ Khu vực Miền Trung: Gồm Công ty mẹ, Công ty Cổ phần Gas Miền Trung và Công ty TNHH MTV Gas Quảng Trị.
- ❖ Khu vực Miền Nam: Gồm Công ty Cổ phần Dầu khí V – Gas và Công ty TNHH Trung Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

BC bộ phận theo khu vực địa lý	Miền Trung		Miền Nam		Tổng cộng toàn Công ty	
	Năm 2025	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2024
Doanh thu bộ phận	1.057.732.908.835	1.219.204.740.262	725.612.054.436	836.541.462.314	1.783.344.963.271	2.055.746.202.576
Các khoản giảm trừ doanh thu	8.310.851.932	12.865.200.708	17.450.163.155	18.207.045.547	25.761.015.087	31.072.246.255
Giá vốn hàng bán bộ phận	866.688.285.885	1.014.665.050.089	607.865.415.915	713.818.791.044	1.474.553.701.800	1.728.483.841.133
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cc dịch vụ	182.733.771.018	191.674.489.465	100.296.475.366	104.515.625.723	283.030.246.384	296.190.115.188
Doanh thu hoạt động tài chính	15.446.258.161	15.285.347.221	47.787.172	3.767.551.698	15.494.045.333	19.052.898.919
Chi phí hoạt động tài chính	16.599.481.030	17.665.899.569	4.816.803.556,00	6.602.933.403	21.416.284.586	24.268.832.972
- Chi phí lãi vay	16.599.481.030	17.620.749.569	4.781.492.056	6.558.642.483	21.380.973.086	24.179.392.052
- Chi phí tài chính khác	-	45.150.000	35.311.500	44.290.920	35.311.500	89.440.920
Chi phí bán hàng	125.287.785.170	132.903.477.182	89.534.863.116	87.583.726.193	214.822.648.286	220.487.203.375
Chi phí quản lý doanh nghiệp	31.908.954.793	29.236.373.265	12.901.272.978	12.723.502.112	44.810.227.771	41.959.875.377
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	24.383.808.186	27.154.086.670	(6.908.677.112)	1.373.015.713	17.475.131.074	28.527.102.383
Thu nhập khác	8.739.298.564	9.667.276.939	10.280.962.163	10.357.704.737	19.020.260.727	20.024.981.676
Chi phí khác	1.989.524.046	2.603.091.842	3.838.385.231	5.846.414.582	5.827.909.277	8.449.506.424
Lãi/(lỗ) từ hoạt động khác	6.749.774.518	7.064.185.097	6.442.576.932	4.511.290.155	13.192.351.450	11.575.475.252
Lợi nhuận trước thuế	31.133.582.704	34.218.271.767	(466.100.180)	5.884.305.868	30.667.482.524	40.102.577.635
Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.896.146.606	7.328.783.637	1.872.447.178	2.120.172.291	7.768.593.784	9.448.955.928
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(1.633.774.943)	(932.552.581)	(90.539.172)	103.309.396	(1.724.314.115)	(829.243.185)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	26.871.211.041	27.822.040.711	(2.248.008.186)	3.660.824.181	24.623.202.855	31.482.864.892

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

39. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay có lãi suất thả nổi đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất của Công ty ở mức có thể kiểm soát được.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của hàng hóa đầu vào. Giá mua hàng hóa chiếm tỷ trọng cao trong tổng giá vốn hàng bán nên Công ty đặc biệt chú ý đến rủi ro về biến động giá hàng hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty lựa chọn những nhà cung cấp uy tín, quan hệ kinh doanh lâu năm và luôn yêu cầu được cung cấp những biến động về giá kịp thời nhất. Công ty còn tham khảo giá giữa các nhà cung cấp khác nhau để đảm bảo mua hàng với mức giá hợp lý nhất. Với chính sách quản lý về giá trên, Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động về giá ngoài dự tính của Công ty ở mức kiểm soát được.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Hiện nay, Công ty đang có rủi ro đối với một số khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ các đại lý. Các biện pháp đã triển khai là giao cho nhân viên thị trường đốc thúc đòi nợ, các cấp quản lý thường xuyên theo dõi tình hình thu hồi nợ để đánh giá kịp thời về các rủi ro tổn thất.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2025	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Đơn vị tính: VND
			Tổng
Phải trả người bán	390.562.321.838	-	390.562.321.838
Chi phí phải trả	174.489.908	-	174.489.908
Vay và nợ thuê tài chính	369.470.000.000	-	369.470.000.000
Phải trả khác	1.472.941.030	45.698.130.259	47.171.071.289
Cộng	761.679.752.776	45.698.130.259	807.377.883.035

01/01/2025	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Đơn vị tính: VND
			Tổng
Phải trả người bán	557.449.988.114	-	557.449.988.114
Chi phí phải trả	237.538.961	-	237.538.961
Vay và nợ thuê tài chính	456.610.000.000	-	456.610.000.000
Phải trả khác	1.661.543.188	59.509.096.211	61.170.639.399
Cộng	1.015.959.070.263	59.509.096.211	1.075.468.166.474

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hiện có rủi ro thanh khoản trong ngắn hạn nhưng tin tưởng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2025	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Đơn vị tính: VND
			Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	92.287.419.069	-	92.287.419.069
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	214.200.000.000	-	214.200.000.000
Phải thu khách hàng	187.924.409.197	-	187.924.409.197
Phải thu khác	18.045.964.681	7.457.972.727	25.503.937.408
Cộng	512.457.792.947	7.457.972.727	519.915.765.674

01/01/2025	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Đơn vị tính: VND
			Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	149.697.944.432	-	149.697.944.432
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	277.451.084.494	-	277.451.084.494
Phải thu khách hàng	240.351.733.029	-	240.351.733.029
Phải thu về cho vay	2.086.000.000	-	2.086.000.000
Phải thu khác	14.788.133.624	8.989.609.091	23.777.742.715
Cộng	684.374.895.579	8.989.609.091	693.364.504.670

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

40. Cam kết thuê hoạt động

Đến thời điểm 31/12/2025, có các cam kết thuê hoạt động như sau:

❖ Tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung:

- Hợp đồng thuê lại đất số 93/HĐTLD ngày 15/06/2007, phụ lục hợp đồng số 09/2008/PLHĐTLD ngày 05/09/2008 và phụ lục hợp đồng số 10/PLHĐTLD ngày 18/12/2013 với Chi nhánh Công ty CP Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp tại tỉnh Quảng Nam về việc thuê 11.566 m² đất tại lô số 4 khu Công nghiệp Điện Nam Điện Ngọc, Phường Điện Bàn Đông, Tp. Đà Nẵng để xây dựng nhà máy sản xuất bình ga; Thời gian thuê: 32,5 năm (từ ngày 01/01/2014). Đơn giá thuê: 11.570 đồng/m²/năm. Phí sử dụng hạ tầng: 2.525 đồng/m²/năm. Công ty đã trả tiền thuê đất và tiền phí sử dụng hạ tầng đến ngày 30/06/2027.

❖ Tại Công ty Cổ phần Dầu khí V-Gas:

- Công ty Cổ phần Dầu khí V-Gas thuê 37.667 vỏ bình từ Công ty CP Gas Phúc Tín thời hạn 15 năm theo các hợp đồng cụ thể sau:

- ✓ Hợp đồng số 01-09/2023/HĐTV/PT-VGAS ngày 15/09/2023, thuê 11.000 vỏ, giá trị hợp đồng 7.128.000.000 đồng (đã bao gồm thuế GTGT),
- ✓ Hợp đồng số 02-09/2023/HĐTV/PT-VGAS ngày 25/09/2023, thuê 13.000 vỏ, giá trị hợp đồng 8.424.000.000 đồng (đã bao gồm thuế GTGT),
- ✓ Hợp đồng số 01-11/2023/HĐTV/PT-VGAS ngày 10/11/2023, thuê 13.667 vỏ, giá trị hợp đồng 8.856.216.000 đồng (đã bao gồm thuế GTGT),

Công ty CP Dầu khí V-Gas đã chuyển 60% giá trị các hợp đồng cho bên cho thuê. Số tiền này sẽ được trừ vào giá trị vỏ thuê hàng tháng căn cứ theo hóa đơn GTGT Công ty CP Gas Phúc Tín xuất cho Công ty.

Tiền thuê vỏ bình được phân bổ vào chi phí trong 15 năm.

❖ Tại Công ty Cổ phần Gas Miền Trung:

- Hợp đồng thuê lại đất số 01/2016/HĐ-TLĐ ngày 15/06/2016 và phụ lục hợp đồng ngày 23/07/2017 với Trung tâm Phát triển hạ tầng trực thuộc Ban quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai về việc thuê 48.980 m² đất trong Khu Công nghiệp, hậu cần cảng Tam Hiệp, Xã Núi Thành, Tp. Đà Nẵng; Thời gian thuê: 50 năm (từ ngày 15/06/2016 đến 15/06/2066). Công ty đã trả tiền thuê đất từ ngày 15/06/2016 đến 15/06/2066 là 17.669.290.000 đồng. Phí sử dụng hạ tầng: 5.000 đồng/m²/năm (chỉ tính với diện tích 34.490 m²), được trả hàng năm;
- Hợp đồng thuê lại đất số 04/HĐTLD ngày 18/07/2001, phụ lục hợp đồng số 11/2008/PLHĐTLD ngày 23/10/2008 và phụ lục hợp đồng số 02/PLHĐTLD ngày 30/05/2020 với Chi nhánh Công ty CP Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp tại tỉnh Quảng Nam về việc thuê 4.130 m² đất tại lô số 6 khu Công nghiệp Điện Nam Điện Ngọc, Phường Điện Bàn Đông, Tp. Đà Nẵng để xây dựng nhà máy chiết nạp gas; Thời gian thuê: 45 năm (từ ngày 18/07/2001). Đơn giá thuê: 16.359 đồng/m²/năm. Công ty đã trả tiền thuê đất cho diện tích 3.150 m² từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2035 và tiền thuê đất cho diện tích 980 m² từ ngày 23/10/2021 đến 23/10/2046. Phí sử dụng hạ tầng: 7.011 đồng/m²/năm, được trả hàng năm;
- Hợp đồng thuê đất số 03/HĐTĐ ngày 05/02/2021 với Ủy ban nhân dân Tỉnh Thừa Thiên Huế về việc thuê 4.732,4 m² đất tại Cụm Công nghiệp Thủy Phương, Phường Thanh Thủy, Tp. Huế để làm nhà máy tồn trữ và chiết nạp gas; tiền thuê đất trả hàng năm; Thời gian thuê: đến ngày 28/09/2046. Đơn giá thuê: 7.695 đồng/m²/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

❖ Tại Công ty TNHH MTV Gas Quảng Trị:

- Hợp đồng thuê lại đất số 135 ngày 22/12/2020 với Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị về việc thuê 7.570 m² đất trong Khu Công nghiệp Nam Đông Hà, Phường Đông Lương, Tp. Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị; tiền thuê đất trả hàng năm. Thời gian thuê: đến ngày 26/06/2060. Đơn giá thuê: 4.250 đồng/m²/năm.

41. Cam kết bảo lãnh

a. Cam kết bảo lãnh của Bên liên quan

Ông Nguyễn Tiến Lãng và Bà Nguyễn Thị Bích Thùy dùng tài sản để thế chấp đảm bảo cho các khoản vay, bảo lãnh và phát hành L/C của Công ty như sau:

a.1. Tại Công ty CP Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung:

❖ Tại Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng:

- Các Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất sau:
 - ✓ GCN số BE 048254 do UBND TP. Đà Nẵng cấp ngày 31/03/2011, thửa đất số 117, tờ bản đồ số: 110, địa chỉ tại 222 Tôn Đức Thắng, P. Hòa Khánh, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng;
 - ✓ GCN số CH 611184 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường TP Đà Nẵng cấp ngày 16/02/2017, thửa đất số 202, tờ bản đồ số 32, địa chỉ thửa đất: Lô B-13, Khu dân cư Nam sân bay, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng;
 - ✓ GCN số AE 723811 do UBND quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng cấp ngày 03/07/2006, thửa đất số 328, tờ bản đồ số: 41, địa chỉ thửa đất: Tô 8, P. Hòa Cường Bắc, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng (Số 391 Núi Thành);
 - ✓ GCN số BE 956301 do UBND TP. Đà Lạt cấp ngày 24/10/2011, thửa đất số 496, tờ bản đồ số 5 (C49 - I - (20a)), địa chỉ thửa đất: 67A Phước Thành (nay là ĐanKia), P. 7, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng;
 - ✓ GCN số CS 169561 do UBND TP. Đà Lạt cấp ngày 04/07/2019GCN, thửa đất số 695, tờ bản đồ số 3 (C49-1-(21a)), địa chỉ thửa đất: Đan Kia, P. 7, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.
- Các Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau:
 - ✓ GCN số CK 438882, sổ vào sổ cấp GCN CS003169 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Nam cấp ngày 29/12/2017, thửa đất số 437/14/1, tờ bản đồ số 7, địa chỉ thửa đất: Khối phố Hà My Đông B, P. Điện Dương, Tx. Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam;
 - ✓ GCN số DK 561703, sổ vào sổ cấp GCN VP05842 do Văn Phòng Đăng Ký Đất Đai Quảng Nam cấp ngày 05/10/2023, thửa đất số 873, tờ bản đồ số 7, địa chỉ thửa đất: Khối phố Hà My Đông A, P. Điện Dương, Tx. Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam;
 - ✓ GCN số DK 561704, sổ vào sổ cấp GCN VP05843 do Văn Phòng Đăng Ký Đất Đai Quảng Nam cấp ngày 05/10/2023, thửa đất số 874, tờ bản đồ số 7, địa chỉ thửa đất: Khối phố Hà My Đông A, P. Điện Dương, Tx. Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam;
 - ✓ GCN số CO 083796, sổ vào sổ cấp GCN CSH003758 do UBND thị xã Điện Bàn cấp ngày 10/10/2018, thửa đất số C10-2, tờ bản đồ số QH01, địa chỉ thửa đất: Khu dân cư thôn 1, P. Điện Dương, Tx. Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam;
 - ✓ GCN số DA 272755, sổ vào sổ cấp GCN CTs 217104 do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 31/03/2021, thửa đất số 177, tờ bản đồ số 11, địa chỉ thửa đất: 343A-343B Phan Châu Trinh, P. Phước Ninh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

❖ **Tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng:**

- Các Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau:
 - ✓ GCN số BT 879950 do Sở tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 28/07/2014. Thửa đất số 227, tờ bản đồ số 11, địa chỉ: 351 Phan Châu Trinh, P. Bình Hiên, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng;
 - ✓ GCN số CK 117620 do Sở tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 03/08/2017. Thửa đất số 44, tờ bản đồ số 20, địa chỉ: Lô 01, Khu 2C, Khu TĐC Nại Hiên Đông, P. Nại Hiên Đông, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng;
 - ✓ GCN số DA 374117 do Sở tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 07/05/2021. Thửa đất số 320, tờ bản đồ số 55, địa chỉ Lô 12 Khu B2.6, KDC An Nhơn 1, P. An Hải Bắc, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng;
 - ✓ GCN số DA 374116 do Sở tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 07/05/2021. Thửa đất số 319, tờ bản đồ số 55, địa chỉ: Lô 13 Khu B2.6, KDC An Nhơn 1, P. An Hải Bắc, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng;
 - ✓ GCN số CP 875288 do Sở tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 28/02/2019. Thửa đất số 39, tờ bản đồ số 20, địa chỉ: Lô số 24B, KDC Thanh Lộc Đán A, đường Nguyễn Đức Trung, P. Thanh Khê Đông, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng;
 - ✓ GCN số DG 246722 do Sở tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 11/08/2022. Thửa đất số 95, tờ bản đồ số 85, địa chỉ: 222A Nguyễn Lương Bằng, P. Hòa Khánh Bắc, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng.

❖ **Tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Đà Nẵng:**

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau:
 - ✓ GCN số BD 879188 do UBND Quận Hải Châu cấp ngày 13/10/2010 tại thửa đất số 279, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: 139 Triệu Nữ Vương, P. Hải Châu 2, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

❖ **Tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Đà Nẵng**

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau:
 - ✓ GCN số 499067, sổ vào sổ cấp GCN: CS 13407 do Sở tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 12/02/2019 (8G Hiệp Thành 17, P. Hiệp Thành, Q. 12, TP. Hồ Chí Minh).

❖ **Tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Quảng Nam**

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau:
 - ✓ GCN số CT 599640 do Sở tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 24/03/2020 cho lô đất tại 580-582 Điện Biên Phủ, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng.

a.2. Tại Công ty CP Gas Miền Trung

❖ **Tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam**

- Các Quyền sử dụng đất sau:
 - ✓ GCN số DA 379522 do Sở tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 11/06/2021. Thửa đất số 139, tờ bản đồ số 206, địa chỉ: Lô 01 – B2.2B TĐC Tân Trà, P. Hòa Hải, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng;
 - ✓ GCN số CC 884440, sổ vào sổ cấp GCN: CS 002571 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam cấp ngày 15/07/2016. Thửa đất số 483/1, tờ bản đồ số: 07, địa chỉ tại Khối phố Hà My Đông A, Phường Điện Dương, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- ✓ GCN quyền sử dụng đất số DK 517783 do Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam cấp ngày 15/08/2023. Thửa đất số 870, tờ bản đồ số 7, địa chỉ: Khối phố Hà My Đông A, Phường Điện Dương, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam.
- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau:
 - ✓ GCN quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở số 3401020539 do UBND Tp. Đà Nẵng cấp ngày 13/12/2000. Thửa đất số 379, tờ bản đồ số 6, địa chỉ: 57 Đoàn Thị Điểm, P. Hải Châu II, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng;
 - ✓ GCN quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở số AD 337778 do UBND Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng cấp ngày 29/11/2005. Thửa đất số 75, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: Lô 12 Khu Mã Tây, P. Hải Châu 2, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

❖ **Tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hội An**

- Các Quyền sử dụng đất sau:
 - ✓ GCN số V 699445 do UBND huyện Điện Bàn (nay là thị xã Điện Bàn) cấp ngày 16/01/2003, tại thửa đất số 468(22), tờ bản đồ số 7, địa chỉ: P. Điện Dương, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam;
 - ✓ GCN số V 699446 do UBND huyện Điện Bàn (nay là thị xã Điện Bàn) cấp ngày 16/01/2003, tại thửa đất số 468(23), tờ bản đồ số 7, địa chỉ: P. Điện Dương, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam;
 - ✓ GCN số Đ 031209 do UBND huyện Điện Bàn (nay là thị xã Điện Bàn) cấp ngày 30/12/2003, tại thửa đất số 738, tờ bản đồ số 8, địa chỉ: P. Điện Dương, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam;
 - ✓ GCN số BE 104581 do UBND huyện Điện Bàn (nay là thị xã Điện Bàn) cấp ngày 26/07/2011, tại thửa đất số 259/3, tờ bản đồ số 03, địa chỉ: Viêm Trung, P. Điện Ngọc, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam;
 - ✓ GCN số CH361824 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Quảng Nam cấp ngày 15/09/2017 tại thửa đất số 491/10, tờ bản đồ số 07, địa chỉ: Khối phố Hà My Đông A, P. Điện Dương, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam;
 - ✓ GCN số CH361825 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Quảng Nam cấp ngày 15/09/2017 tại thửa đất số 491/11, tờ bản đồ số 07, địa chỉ: Khối phố Hà My Đông A, P. Điện Dương, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam;
 - ✓ GCN số CH361826 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Quảng Nam cấp ngày 15/09/2017 tại thửa đất số 491/12, tờ bản đồ số 07, địa chỉ: Khối phố Hà My Đông A, P. Điện Dương, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam;
 - ✓ GCN số Đ 903722 do UBND huyện Điện Bàn (nay là thị xã Điện Bàn) tại thửa đất số 491/6, tờ bản đồ số 07, địa chỉ: Khối phố Hà My Đông A, P. Điện Dương, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam;
 - ✓ GCN số Đ 903721 do UBND huyện Điện Bàn (nay là thị xã Điện Bàn) tại thửa đất số 491/7, tờ bản đồ số 07, Khối phố Hà My Đông A, P. Điện Dương, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam;
 - ✓ GCN số V 699466 do UBND huyện Điện Bàn (nay là thị xã Điện Bàn) cấp ngày 16/01/2003 tại P. Điện Dương Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam.
- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau:
 - ✓ GCN số Đ 031326 do UBND huyện Điện Bàn (nay là thị xã Điện Bàn) cấp ngày 18/03/2004, tại thửa đất số 17(1), tờ bản đồ số 8, địa chỉ: P. Điện Ngọc, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam;
 - ✓ GCN số Đ 031327 do UBND huyện Điện Bàn (nay là thị xã Điện Bàn) cấp ngày 18/03/2004, tại thửa đất số 18(2), tờ bản đồ số 8, địa chỉ: P. Điện Ngọc, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- ✓ GCN số AP 273957 do UBND huyện Điện Bàn (nay là thị xã Điện Bàn) cấp ngày 04/07/2009, tại thửa đất số 18(3), tờ bản đồ số 8, địa chỉ: Ngọc Vinh, P. Điện Ngọc, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam;
- ✓ GCN số BI 185048 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 29/10/2012 tại thửa đất số 137, tờ bản đồ số 164, địa chỉ: 71 Nam Cao, P. Hòa Khánh Nam, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng;
- ✓ GCN số AD 290457 do Chủ tịch UBND quận Hải Châu cấp ngày 26/08/2005 tại thửa đất số 396, tờ bản đồ số 6, địa chỉ: 53 Đoàn Thị Điểm, P. Hải Châu 2, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng.
- ✓ GCN số D 013732 do do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Quảng Nam cấp ngày 03/08/2021 tại thửa đất số 53 tờ bản đồ số 38, địa chỉ: Khu dân cư đường Phan Bội Châu, P. Tân Thạnh, TP. Tam Kỳ, T. Quảng Nam.

• Xe ô tô:

- ✓ Xe ô tô con hiệu Toyota, biển kiểm soát 52X-9432;
- ✓ Xe ô tô con hiệu Mercedes, biển kiểm soát số 56P-2383;
- ✓ Xe ô tô con hiệu BMW, biển kiểm soát số 50Z-3667.

❖ **Tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Đà Nẵng**

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau:
 - ✓ GCN số CD 771978 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 15/08/2016 tại thửa đất số 208, tờ bản đồ số 1, địa chỉ: 347 Phan Châu Trinh, P. Bình Hiên, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

a.3. Tại Công ty CP Dầu khí V-Gas

❖ **Tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam**

- Các Quyền sử dụng đất sau:
 - ✓ GCN số DK 412160 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Nam cấp ngày 23/05/2023, tại thửa đất số 866, tờ bản đồ số 7, khu tái định cư thôn 1, P.Điện Dương, TX Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam;
 - ✓ GCN số DK 412161 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Nam cấp ngày 23/05/2023, tại thửa đất số 867, tờ bản đồ số 7, khu tái định cư thôn 1, P.Điện Dương, TX Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam;
 - ✓ GCN số CC 884441 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam cấp ngày 15/07/2016, tại thửa đất số 483, tờ bản đồ số 07, KP Hà Mỹ Đông A, P. Điện Dương, TX. Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam;
 - ✓ GCN số CH 361823 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam cấp ngày 15/09/2017, tại thửa đất số 491/9, tờ bản đồ số 07, KP Hà Mỹ Đông A, P. Điện Dương, TX. Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

b. Cam kết bảo lãnh của Bên thứ ba khác

Công ty CP Gas Thời Đại đang dùng tài sản để thế chấp đảm bảo cho các khoản vay, bảo lãnh và phát hành L/C của Công ty CP Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng như sau:

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau:
 - ✓ GCN số DC 913058, sổ vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất: CTs 225096 Sở tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 12/10/2021 (349+351 Nguyễn Hoàng, P.Bình Thuận, Q.Hải Châu,

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

TP.Đà Nẵng);

- ✓ GCN số CO 268792, sổ vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất: CTs 159613 Sở tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 23/05/2018 (334 Mai Chí Thọ, P.Hòa Xuân, Q.Cẩm Lệ, TP.Đà Nẵng);
- ✓ GCN số BE 827136, sổ vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất: CH 01789 Sở tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 23/05/2018 (948 Nguyễn Lương Bằng, P.Hòa Hiệp Nam, Q.Liên Chiểu, TP.Đà Nẵng);

42. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

	Mối quan hệ
Công ty CP Gas Mai Hân Phát	Chung quản lý chủ chốt
Công ty CP Gas Hà Kiều	Chung quản lý chủ chốt
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ An Thắng Mai	Chung quản lý chủ chốt

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan

	Giao dịch	Năm 2025	Năm 2024
Công ty CP Gas Mai Hân Phát	Bán hàng hóa, dịch vụ	1.702.281.012	4.667.571.651
	Mua hàng hóa, dịch vụ	353.837.025	41.444.541
Công ty CP Gas Hà Kiều	Bán hàng hóa, dịch vụ	-	18.140.795.531
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ An Thắng Mai	Bán hàng hóa, dịch vụ	6.641.084.124	7.480.560
	Mua hàng hóa, dịch vụ	1.236.436.571	854.474.004

c. Số dư với các bên liên quan

	Khoản mục	31/12/2025	01/01/2025
Công ty CP Gas Mai Hân Phát	Phải trả người bán ngắn hạn	363.000.000	5.677.000
Công ty CP Gas Hà Kiều	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	-	7.147.789.375
	Ký quỹ, ký cược dài hạn	-	457.233.377
Công ty CP Thương mại và dịch vụ An Thắng Mai	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4.922.875.776	5.535.154.713
	Phải trả người bán ngắn hạn	21.292.800	3.606.700
	Ký quỹ, ký cược dài hạn	148.544.179	174.614.179

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

d. Tài sản của bên liên quan dùng để thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay, bảo lãnh và phát hành L/C của Công ty

Trình bày tại thuyết minh số 41.a.

e. Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

		Năm 2025		Năm 2024	
		Số đã trích	Số thực nhận	Số đã trích	Số thực nhận
Ông Nguyễn Tiến Lãng	Chủ tịch HĐQT	840.000.000	840.000.000	840.000.000	720.000.000
Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Thành viên HĐQT	300.000.000	240.000.000	240.000.000	240.000.000
Ông Lê Tấn Cán	Thành viên HĐQT	84.000.000	60.000.000	60.000.000	60.000.000
Ông Sato Ryoichi	Thành viên HĐQT	56.000.000	-	-	-
Ông Toshio Tatsuno	Thành viên HĐQT	-	105.666.667	105.666.667	120.000.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Bích	Trưởng BKS	21.600.000	21.600.000	21.600.000	21.600.000
Bà Lê Thị Hồng Trang	Thành viên BKS	18.000.000	18.000.000	18.000.000	18.000.000
Bà Trần Thị Quyên	Thành viên BKS	18.000.000	18.000.000	18.000.000	18.000.000

f. Thu nhập của thành viên quản lý chủ chốt

		Năm 2025	Năm 2024
Ông Nguyễn Tiến Lãng	Chủ tịch HĐQT	210.000.000	-
Ông Nguyễn Văn Trung	Tổng Giám đốc Bỏ nhiệm ngày 14/05/2025	424.000.000	203.000.000
Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Tổng Giám đốc Miễn nhiệm ngày 14/05/2025	254.950.000	784.650.000
Bà Võ Thị Ánh Nguyệt	Phó Tổng Giám đốc	456.514.708	457.034.615
Ông Toshio Tatsuno	Phó Tổng Giám đốc Miễn nhiệm ngày 18/11/2024		352.153.846
Bà Nguyễn Thị Linh Thường	Kế toán trưởng	489.376.631	493.921.468

43. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

44. Số liệu so sánh

Là số liệu so sánh của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi AAC.

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Hà Thị Hồng Nhung

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Linh Thường

Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Trung